

MAI THẢO

NGON
HẢI
ĐĂNG
MÙ

LÀNG VẼN

TORONTO 1987

Ngon hải đăng mù

Mai Thảo



ngọn
hải đăng mù

mai thảo

Bìa: *M.C.P*
Nguồn: *Internet*

ngọn
hải đăng mù

MAI THẢO

Làng văn
Toronto 1987

MỤC LỤC

1. Ngon hải đăng mù	10
2. Cánh tay dịu dàng một đất nước ở xa	32
3. Vệt son	94
4. Giữa hai cơn mưa	106
5. Thế giới của Kathy Graham	144
6. Sân khấu giữa rừng	156

7. Đêm Sydney	187
8. Người Hà Nội cuối cùng	217
9. Đêm sa mạc	235
10. Mộ Thỏ	284
11. Tiếng Gọi	304
12. Trên một chuyến bus	337
13. Thơm của nhành hương	357
14. Đáy năm	377
15. Một buổi sáng mùa đông ở Massachusetts	397

NGỌN HẢI ĐĂNG MÙ

Khúc bãi hình cánh cung. Phần cuối bãi đá ngầm lởm chởm khuất lớp với xóm chài Merang bởi một ngọn núi trọc kéo dài từ những cánh rừng dừa lá ngọn tới sát chân sóng. Ngọn hải đăng chót vót trên đỉnh núi trần trụi.

Đó là một ngọn hải đăng mù. Đúng vậy. Một ngọn hải đăng mù. Trên chóp

đỉnh bốn cây cột sắt cao ngất, nằm giữa tầm bay của gió và in hình vào nền trời xanh biếc của đảo, ngọn hải đăng đêm ngày vẫn đứng đó, uy nghi và khả kính như một vị thần hiển trước một hải phận dữ, trong cái vị thế dẫn đường giữa sương mù và giông bão cho tàu thuyền đêm tối đi qua. Có điều là tự bao lâu rồi, ngọn đèn biển ấy không còn sáng nữa. Nó đã mù.

Mỗi lần từ hòn đảo tạm trú của chàng và đồng bào chàng đi vòng cánh bãi sang làng Merang để tìm một phiến cỏ óng mượt cho giấc ngủ lữ thứ quên đời dưới những bóng dừa, Hiển thường đứng lại một lát dưới chân ngọn núi. Nơi đây, bóng đá thả xuống, mặt cát mát đầm. Tựa lưng vào vách núi, côi lòng như đã chết lặng vì quê hương nghìn trùng cách biệt, Hiển ném cái nhìn trở về tạm trú

san sát những dãy lều vải động ảnh dưới ánh nắng đảo dữ dội, theo dọc khúc bãi nơi hàng chục con thuyền Việt Nam đưa người tị nạn vượt biển đã chấm dứt cuộc hành trình dũng cảm, bây giờ thân thể tan nát vì sóng đảo nhồi đập, cát bãi đã chôn vùi dần, từng chiếc một, tới ngang thân. Chàng nhìn biển bên trên thường ngày phẳng lặng mà kỳ thực hung hiểm vô chừng với những cồn cát bồi lở bất thường theo nhịp quấy động không ngừng của những luồng nước chảy ngầm chảy xiết.

Rồi xoay ngược tầm mắt, Hiển nhìn lên ngọn hải đăng cao. Suốt một dải bãi Merang, địa hình phẳng thấp với những cánh rừng dừa tăm tắp bất tận chỉ có ngọn núi trọc sừng sững đối diện với khúc biển hung hiểm là chiều cao và tăm xa duy nhất, ngọn hải đăng chót vót trên

đỉnh núi trần trụi vậy là một ngọn hải đăng cần. Và nó đã được xây cất ở cái vị trí, cái địa thế lý tưởng nhất của một ngọn đèn biển.

Nhưng tại sao nó mù? Hàng hải thế giới từ phía Tây ngược đường lên Hương Cảng, Đông Kinh, từ phía Đông xuôi đường xuống Úc Châu và Nam Dương quần đảo, mùa hải trình này đã mượn một con đường biển khác? Tàu thuyền thế giới bây giờ trang bị hiện đại đã có điện tử và quang tuyến đưa đường, không còn phải trông chờ vào dòng ánh sáng dẫn đạo của ngọn đèn biển trên đỉnh núi trọc? Tầm bản đồ những quốc gia Á Châu có hải phận ở vùng biển Thái Bình, quà tặng để lại của người chủ lều cũ đã đi Mỹ ngày Hiển mới tới đảo, những vụ chìm đắm, mắc cạn vì đêm tối sương mù và giông bão vì đá ngầm, sóng ngầm

xảy đến cho những thương thuyền tối tân nhất vẫn thường thấy loan tin trên báo chí, khí tượng học tới bây giờ vẫn thường trực đóng vai trò báo động. Tàu thuyền trên biển – đại dương vẫn muôn đời là một nấm mồ – cho Hiển biết hai giả thuyết nầy sinh trong đầu chàng về sự đã hết cần thiết của ngọn hải đăng mù đều không phải là sự thật. Vậy tại sao nó còn đứng đó mà đã hết chiếu sáng? Tại sao nó đã mù? Và mù từ bao giờ?

Một buổi chiều, sau giấc ngủ giữa rừng dừa đầy mắt, Hiển đi vào xóm chài Merang, đã hỏi chuyện một ngư phủ Mã già và một em nhỏ Mã đang cời trần xối nước ào ào bên cạnh một thành giếng trong vát. Về sự tắt lạng của ngọn hải đăng mù. Bằng những cử chỉ hỗ trợ cho một thứ tiếng Mã đơn giản nhưng hiểu nổi chàng đã học được ít nhiều qua

những lần chào hỏi và bắt chuyện với đám người Mã tươi tỉnh cời mở bên làng Merang, chàng đã hỏi có phải ngọn hải đăng chỉ mới bị mất ánh sáng trong thời gian gần đây và nó sẽ một ngày nào được Sở Khí Tượng địa phương phái người tới sửa chữa? Ông già và đứa em nhỏ Mã Lai đều cười, lắc đầu, không phải. Họ nói ngọn hải đăng có đó đã tự nhiều năm không thể nhớ. Cũng từ nhiều năm nó đã mù. Và không nghe thấy chuyện nó một ngày có chuyên viên tới làm cho sáng lại.

Hiển đành chịu không đặt thêm những câu hỏi những giả thuyết khác về sự mù lòa của ngọn hải đăng. Nhưng mỗi lần từ đảo tạm trú sang làng Merang, tới ngang ngọn núi trọc nhìn quanh, chàng thấy những mục đồng Mã chăn dê trên sườn núi, bầy dê tan đàn lang thang,

những đứa nhỏ Mã đen cháy ngồi vắt vẻo trên những tảng đá vừa đùa nghịch vừa ca hát, những ngọn cỏ bông phất phất lồng nẩy, những thân dừa thẳng vút và lá bay theo gió ở xa xa, rồi chàng nhìn những đời thuyền tị nạn chôn vùi vì đã hoàn tất hành trình trên cái nghĩa địa cồn bãi lộ thiên của chúng, rồi chàng nhìn những con dã tràng mãi miết mất hút trên mặt bãi phẳng mịn, những lớp sóng cuộn cao và đổ xuống trắng xóa trong âm động bỗng trầm và liên tục muôn đời của biển, chàng thấy hết thấy đều thuận hợp, những ngọn cỏ lồng nẩy, những hàng dừa múa gió, những đời thuyền ngủ yên vĩnh viễn sau khi đã làm xong nhiệm vụ đưa người được giao phó, thấy đều thuận hợp, dã tràng chạy, sóng cuộn rượt, biển và cái âm thanh muôn đời không dứt của biển, thấy đều thuận hợp. Riêng chỉ ngọn hải đăng, ngọn hải đăng

mù trên đỉnh núi trọc là không. Sự mù lòa của nó là một nghịch lý. Một nghịch lý lạ lùng và khó hiểu.

Chỉ mãi về sau này, lúc rời đảo tạm trú, Hiền mới tìm được một giải pháp cho cái hiện tượng nghịch lý của ngọn hải đăng mù. Cũng không chắc là giải đáp của Hiền có thật đúng không?

o O o

Thi thể còn ướt đầm nước biển của người cha đứa nhỏ – đứa nhỏ sau đó được toàn trại nhận làm cha đỡ đầu – hai mươi bốn giờ sau nhà chức trách Mã xuống từ thủ phủ tiểu bang Trengganu mới tìm thấy và vớt lên được khi nó nổi lên cách khúc biển có cồn ngầm và sóng ngầm chảy xiết khoảng hai dặm Anh, ngay dưới chân ngọn hải đăng mù. Người

chết nằm sấp. Đầu chìm trong nước. Một cánh tay vất lên thành đá, trong cái động tác của một người bơi từ khơi xa vào mệ lả vừa tới bờ, cái phao được thuật lại là đeo ở cánh tay ấy, đã mất.

Trên con đường nhỏ, con đường hàng ngày Hiền vẫn đi tới ngang ngọn núi trọc sang làng Merang, xác người đàn ông được đặt nằm trên cát rồi khiêng vào trại tạm trú. Đám cảnh sát Mã khiêng cái xác tới hết khúc bãi, trao trả cho đám người trẻ tuổi trong tổ chức thanh niên chí nguyện của trại dàn hàng đón lấy. Họ kéo thẳng chân, đặt hai tay người chết lên ngực rồi nâng ngửa tử thi lên ngang tầm vai, đi xuyên qua bãi đá bóng, tới đặt cái xác xuống, ngay ngắn, đầu hướng ra khúc biển dữ – nơi người chết buổi chiều hôm trước đã từ trên thuyền nhảy xuống – trên hai phiến gỗ rùng lẩy trong

kho vật liệu dựng lều tạm trú cho những người mới tới đảo, hai phiến gỗ kê chính giữa cánh cửa lớn đi vào hội trường trại.

Lúc đó là buổi chiều. Vừa qua giờ phát thư. Hơi nóng dữ dội đã hết choáng váng trên những lều vải san sát. Mặt cát phẳng trước nhà hội trường đã mát lại, dần dần. Mọi người từ năm khu trong trại lui lại giờ nhen lửa thổi cơm bữa chiều trước những cửa lều, đi hết ra khoảng bãi trống ngoài hội trường đứng thành một vòng tròn rộng chung quanh tử thi. Cái vòng tròn im phắc. Một lát. Rồi nó đứt ra một đoạn. Từ chỗ đó, ban đại diện và hội đồng tư vấn trại đưa đứa nhỏ từ ngoài tiến vào.

Đó là một đứa nhỏ Việt Nam. Mũi tẹt. Tóc đen. Một đứa nhỏ vượt biển. Mấy chị phụ nữ trong ban phiên dịch

và tiếp tân các phái đoàn ngoại quốc tới trại tính mặc cho đứa nhỏ một bộ đồ mới thay cho cái quần cụt sờn rách và cái áo ngắn tay đứt hết hàng khuy ngực nó đã mang trên người tù Việt Nam. Rồi họ rút lại ý định, nói là cứ để nguyên nó như vậy cho người chết dễ nhận. Không ai nghe thấy một tiếng động nào, ngoài tiếng sóng từ bên kia những cồn cát. Bàn tay bụ bẫm và nhỏ thó nắm chặt lấy tay người trưởng trại, đứa nhỏ, cặp mắt đen láy mở lớn, đi nghiêm trang theo sự hướng dẫn, từ từ tiến tới gần tử thi. Lúc người trưởng trại giữ nó đứng lại và cúi xuống hỏi: «Cháu biết đây là ai không?» Đứa nhỏ chớp mắt rồi nhìn đăm đăm và gật đầu. Bàn tay nó thoát buông khỏi tay người trưởng trại và chỉ xuống cái xác chết vẫn còn ướt sũng, nó nói: «Đây là cha tôi». Mấy nghìn cặp mắt của cái vòng tròn người bất động cùng nhìn ngón tay

chỉ thẳng trong không khí. Khi đứa nhỏ bỗng run bắn rồi nức nở ngã sấp xuống cái tử thi và vùi đầu trên đó, cả ngàn con người im sững đều bật thành tiếng khóc.

Tấm thẻ tùy thân còn cất giấu được tới ngày vượt biển luôn vào gấu áo mang theo nhưng chữ đọc thấy cho biết người chết là Đặng Vũ Thi. Rồi bằng vào những thuật lại của đám người đồng hành đã cùng cha con Thi trôi giạt suốt mười bốn ngày đêm trên một con thuyền, người ta biết được về Thi và cái chết của Thi như thế này. Thi 48 tuổi, sinh quán tại vùng ngoại ô Nghi Tàm, Hà Nội. Hiệp định Genève, Thi vừa lấy vợ và sinh con gái đầu lòng, bằng đường biển Hải Phòng xuống tàu đem cái tiểu gia đình vừa dựng vào Nam. Khỏe mạnh, chăm chỉ và lặng lẽ ít nói. Thi mở được một tiệm sửa xe gắn máy ở gần khu Trường

Đua Phú Thọ cho tới ngày đúng lớp tuổi mình Thi bị gọi động viên. Ở đơn vị pháo binh, lúc cầm máy điều chỉnh tọa độ và định hướng cho những cuộc pháo kích cũng như lúc chuyển súng giữa rừng, Thi vẫn là anh thợ sửa xe gắn máy trầm lặng ít nói, những biểu tỏ dũng cảm phi thường không có, chỉ là anh pháo binh mờ nhạt làm tròn những công tác chiến trận thượng cấp đã qui định rõ ràng. Đầu năm 73, Thi bị thương ở trận đánh Đồng Xoài. Nằm trong một quân y hậu cứ sáu tháng rồi được giải ngũ. Nhờ vậy mà khi miền Nam mất, ra khỏi quân đội đã hơn hai năm, Thi không bị đưa đến một trại tập trung cải tạo nào, chỉ phải đi học chính trị một lớp sơ đẳng bảy ngày do phường khóm tổ chức. Lúc này, Thi đã có thêm ba đứa con. Hai đứa con gái thứ trên mười tuổi sinh kế liên con chị đầu lòng. Thằng con trai út duy nhất ra

đời sau một khoảng cách, lúc phong trào vượt biển đã âm thầm lan tới khu phố Thi ở, thằng nhỏ mới hơn bốn tuổi.

Người hàng xóm mách mối vượt biển và đi cùng thuyền với cha con Thi thuật lại với ban Tư vấn trại là cuộc vượt biển mà mãi mãi rồi Thi mới chịu thực hiện với đứa con út mang theo, động lực chính là sự khuyên nhủ dỗ dành và đốc thúc khẩn thiết của người vợ. Người đàn bà ấy dưới chế độ mới đã thấy sự tìm đường ra đi, dù là chia lìa đứt ruột, cho người đàn ông được sống đời mình trong tự do hơn là sự đoàn tụ trong cùng đường và tuyệt vọng. «Nghe em. Còn mấy lượng vàng vừa đủ trả tiền chỗ trên thuyền cho cha con anh. Anh đưa con chúng ta đi cho sau này nó được học hành, nó không phải sống trọn đời nó với cái chế độ này, nó được nên người. Vợ chồng ta yêu

thương ăn ở với nhau suốt bấy nhiêu năm như thể đủ rồi. Anh phải đi, đừng lưu luyến. Rồi mẹ con em tìm đường đi sau. Chúng nó là gái không cần, nhưng thằng con trai chúng ta, anh phải đưa nó đi theo mới được.» Bao nhiêu đêm nghe vợ vừa ôm, vừa khóc vừa dỗ dành dứt từng khúc ruột, cuối cùng Thi bỗng đưa con trai bốn tuổi nửa đêm ra biển.

Những ngày trên biển của Thi được kể tiếp, và những phút sau cùng, cho đến khi xác chết Thi nổi lên dưới chân ngọn hải đăng mù.

– Suốt mười bốn ngày đêm, anh ấy chỉ ngồi yên một chỗ. Ai hỏi mới nói. Ngoài vài lúc mệt lả thiếp đi, cứ ôm con thức suốt đêm ngày và suốt dọc đường, chỉ ngồi nhìn trở lại, nhìn trở về Việt Nam. Chiều hôm qua, cả thuyền reo hò

khi trông thấy bờ đảo ở xa xa, anh ấy cũng chỉ lặng lẽ ngó theo mọi người, không nói. Thuyền đã cạn lương thực từ hai hôm trước. Nước chỉ còn đủ mỗi người một ngụm, ai nấy đều mệt lả. Dầu cũng gần cạn không thể kéo dài đường thêm nữa. Thuyền quay mũi tiến vào nhưng không hiểu sao sóng không lớn lắm, mà cứ một quãng lại bật văng trở lại. Tưởng đắm mấy lần. Mãi sau người tài công mới khám phá ra rằng khắp khúc biển chạy dài đều có đá ngầm sóng ngầm, và tốt nhất là có một cái gì dò đường đi trước thấy khúc nào nước không chảy xiết ra hiệu cho thuyền đi theo cái đó là một người. Cả thuyền im phăng phắc. Anh ấy cũng vậy, ôm chặt con, nhìn vào bờ và cúi đầu xuống. Trời lại sắp tối. Vẻ lo âu kinh hoàng hiện rõ. Cuối cùng có một tiếng «tôi» cất lên. Cả thuyền mừng rỡ. Thế rồi anh ấy đứng dậy, trao đứa con

cho người ngồi cạnh, nói với nó: «Bố vào bờ rồi lại trở về thuyền với con.» Đoạn anh ấy đón lấy cái phao, đeo nó vào cánh tay và ra mạn thuyền tung mình nhảy xuống.

Mọi người chỉ còn thấy kẻ xuống biển dò đường trong một khoảnh khắc ngụp lặn nổi chìm qua những con sóng. Rồi cái phao bật lên, văng đi.

Suốt đêm đó, những người trẻ tuổi trong đoàn thanh niên chí nguyện của trại thay phiên nhau cầm đuốc tới sáng trước cái quan tài được đóng lại bằng những phiến gỗ tươi dùng để cất nhà cho người tị nạn, mới đến về từ cánh rừng già sau trại. Và buổi sáng, lúc mặt trời vừa tỏa hết đóa nan quạt rực rỡ của nó trên mặt biển óng ả, cả trại xếp hàng vượt qua những cồn cát, những hàng

dương đưa tiễn Thi đến nơi an nghỉ cuối cùng của người vượt biển là một cồn cát thấp kế liền cái nghĩa địa tàu thuyền. Thi được đưa xuống lòng đất của hòn đảo xa lạ anh đã tới được bằng cái chết của anh, đầu hướng về Việt Nam. Lúc Hiễn rời khỏi đảo, ra khỏi trại trên đường sang Mỹ, ngôi nhà hội mới hoàn thành của đoàn thanh niên chí nguyện trại, trong một buổi lễ khánh thành đơn giản, được đặt tên là Hội trường Đặng Vũ Thi.

Sau này, trong ý nghĩ Hiễn, mỗi lần trí nhớ chàng hiện lên vùng trời đảo Mã khuất tịch và lò nắn ấy là hòn đảo tạm trú của chàng có hai ngọn hải đăng. Một ngọn không biết đã có tự đời nào, đứng chót vót trên đỉnh ngọn núi trọc. Ngọn ấy mù. Còn sống, còn chót vót, nhưng mù. Và một ngọn, đã nghìn năm, đã hư vô. Ngọn ấy cháy sáng, mãi mãi, vùng

sáng vĩ đại, tầm sáng bát ngát. Ngọn đèn biển thứ hai này xuyên thủng hết mọi thứ sương mù và đêm tối dày đặc nhất của trái đất này cộng lại. Đó là ngọn đèn biển vượt tuyến, một ngọn đèn biển Việt Nam. Ngọn lửa bất tử ấy sáng rực, từ cái phút Thi lao mình xuống biển.

Rồi đẩy ý nghĩ đi xa hơn tới cùng khắp nhân thế hiện giờ, là sự kiếm tìm giải pháp cho một hiện tượng nghịch lý. Ngọn hải đăng mù cuối cùng không phải là một trạng thái nghịch lý. Cái thế giới, Hiến đang sống này thiếu gì những hải đăng mù. Nhiều lắm. Cùng khắp. Trăm nghìn. Bọn lãnh đạo hèn đớn lùi bước trước cái xấu cái ác lẫn tới. Những hải đăng mù. Bọn trí thức, bọn cầm bút quốc tế tác giả của những bản tuyên ngôn nhân quyền lừng lẫy, chấn động, nhưng lại không dám có một dòng chữ,

một tiếng nói, một hành động nào cho những người như Thi, như đứa con nhỏ của Thi. Những hải đăng mù. Bọn chính khách, bọn đại diện hàng năm mặc đồ lớn đắp phi cơ phản lực tới họp hội diễn thuyết ở những tòa nhà kiếng cao ngất soi bóng xuống mặt hồ Leiman và dòng sông Hudson, nhân danh loài người, nhân danh tự do và giải phóng, nhưng cầm họng ngoảnh mặt trước cả trăm nghìn trí thức nghệ sĩ cùng quê hương với Hiến đang bị dày ải trên chính quê hương họ. Những ngọn hải đăng mù. Những ngọn hải đăng mù nhiều vô tận ấy là hiện tượng nghịch lý vĩ đại nhất của thế giới ngày nay.

Nhưng một hiện tượng nghịch lý đơn lẻ khi đã đạt tới một tỉ lệ nào để trở thành phổ quát, lại không nghịch lý nữa. Mà trở thành hợp lý.

Riêng Đặng Vũ Thi lao mình xuống biển tìm đường sống cho đồng hành, và chết, mới nghịch lý. Hiền chỉ tìm được giải thích cho ngọn hải đăng mờ trên đỉnh núi trọc ở hòn đảo tạm trú chàng đã sống sáu tháng ở trước đó khi lên đường sang Mỹ như thế mà thôi. Vậy chắc là như thế.

CÁNH TAY DỊU DÀNG MỘT ĐẤT NƯỚC Ở XA

Bầu trời miền đông Hoa Kỳ xám ngắt, lộng gió và nặng trĩu hơi nước đuổi theo Nhị suốt lộ trình gần hai trăm dặm – chàng ngồi thu mình, rét mướt trên chuyến Greyhound, ở hàng ghế cuối, hút thuốc, nhìn ra cảnh vật buồn bã bên đường – tới khi chiếc bus công kênh tạt vào bờ cỏ và ngừng lại trước cái cây xăng vừa là trạm ngừng

trơ trọi giữa đồng, thì đột ngột chuyển thành mưa lớn.

Những tiếng lộp bộp thứ nhất nẩy bật tong tong trên mui xe khoảng khắc trở thành dào dạt. Người tài xế, một ông già da đen râu ria và to lớn như một tòa nhà buông tiếng chửi thề trước hai cây gạt nước đầy ứ mưa tuôn. Đoạn quay lại, ồm ồm: “Ngừng năm phút”.

Thế là không ngừng. Là chạy tiếp. Nhị lấy va-li trên giá xuống, đi dọc chiếc xe hành khách chỉ còn độc một mình chàng, đẩy cửa xe bước ra. Chàng đội va-li trên đầu, và trên những vũng nước bắn tung tóe, chạy rào cẳng tới cái mái đỏ chói của cây xăng lướt thướt dưới màn mưa dày đặc.

Hai tiếng la lớn, tươi tắn, mừng rỡ,

biểu tỏ nỗi mừng vui đặc biệt trẻ thơ của người Mỹ: “Nhị, Nhị, chúng tôi đang chờ anh”. Họ cùng ào chạy ra từ túp lều gỗ xiêu đổ ở phía sau cây xăng. Graham chạy trước, nắm tay José chạy theo, cái váy hoa rộng của người đàn bà đập phấp phật theo chiều gió thổi mạnh. “Nhị, Nhị, trời ơi Nhị”. Ôm rất chặt, xúc động. Hôn rất kêu, hai gò má. Nhị lùi lại một bước, cười ngấm nhìn cặp vợ chồng Mỹ bạn thân đã bao năm ngày trước ở Sài Gòn. Dáng người của Graham vẫn thẳng vững, trẻ trung một vẻ rất sinh viên đại học Sorbonne, nhưng tuổi tác thì đã hiện hình trên khuôn mặt. Hàng lông mày bạc trắng, khiến cái nhìn có một vẻ gì tội tình như một xin lỗi bối rối, những nếp nhăn in sâu, trên trán, ở cổ, ở cằm. José không có dấu vết thời gian bằng chồng. Mái tóc đen mun, cặp mắt sáng trong, cặp môi hồng, năm tháng chồng chất chỉ

làm cho thân hình nàng nặng nề hơn xưa một chút, ngoài thể nàng vẫn là người thiếu phụ tươi tắn ra đời trong gió nắng một tỉnh nhỏ miền Nam nước Pháp nơi Graham nhập ngũ, sang chiến trường Âu châu trong Đệ Nhị Thế Chiến, gặp nàng. Họ lấy nhau ở Paris. Và có hai con khi cùng xin sang phục vụ ở Việt Nam.

– Nhị, anh ở với chúng tôi bao lâu?

– Hai ngày. Hôm nay là thứ sáu. Cho tôi trở về Washington D.C. trưa chủ nhật.

– Vậy thôi ư, José la lớn. Thôi tính sau. Bây giờ chúng tôi đưa anh về Tòa Nhà Trắng của giòng họ Forrest nơi tôi đang bị giam cầm trọn đời, cách đây mười lăm dặm.

o O o

Nhị quen biết cặp vợ chồng ngoại quốc lịch sự và khả ái này ở một tiếp tân của sứ quán Hoa kỳ. Chỉ nói được tiếng Pháp, Nhị mừng rỡ khi thấy người thiếu phụ trẻ tuổi đứng cạnh, rất thanh tú, một ly khai vị trên tay, là một người đàn bà Pháp. José kéo Nhị tới giới thiệu với chồng, sau đó cả hai cùng Nhị rời bỏ cuộc tiếp tân vào ăn cơm Tàu ở Chợ Lớn, rồi đi khiêu vũ ở vũ trường Arc En Ciel. Một buổi tối đầu tốt đẹp từ đó đã mở vào một thân thiết mau chóng giữa Nhị, người địa phương và Graham, José, tới Sài Gòn từ bên kia biển rộng. Gốc Mỹ Ái Nhĩ Lan, đảng viên đảng Dân Chủ nhưng ghét cay ghét đắng đám lãnh tụ tranh cử tổng thống của đảng mình, Graham tới Sài Gòn và phục vụ ở sở Thông Tin Hoa Kỳ liên tiếp bốn nhiệm kỳ, mỗi nhiệm kỳ hai năm. Graham, sau nhiều năm đại học Sorbonne và bằng José, đã Pháp hóa

đến độ gần như không còn là người Mỹ. Nói tiếng Pháp, viết tiếng Pháp giỏi, đó là một người đàn ông Tây phương từ thiếu thời đã bị huyền hoặc bởi những đất trời và cảnh thổ Đông phương, vẫn tắt là nếp sống và văn minh Đông phương bằng một huyền hoặc gần như hoang đường và thần bí như nhân vật Henry trong *Le Fil Du Rasoir* của Somerset Maugham, mà cuốn sách, đi cùng khắp thế giới đều mang theo như sách gối đầu giường, ao ước một đời của Graham là được sống, được làm việc ở mọi kinh thành, mọi thủ đô Á châu. Tới khi gặp Nhị ở Sài Gòn, vẫn là đang thực hiện cho mình ao ước đó.

– Tôi đã ở Hán Thành, ở Đông Kinh, ở thủ đô Miến Điện, Graham nói. Suýt lấy một nàng Geisha Nhật Bản, trắng như ngà và có đôi mắt như lá liễu, nếu

không gặp trước José, Graham đùa và kể tiếp. Tôi không thích đời sống Hoa Kỳ chút nào, José cũng vậy, mặc dầu đời sống Mỹ dễ chịu và mối liên hệ giữa người và người cũng có nhiều mặt tốt đẹp của nó. Mỗi năm chúng tôi chỉ về Richmond có một tháng, từ ngày mẹ tôi mất, bà trái ngược hẳn với tôi lang thang khắp cùng trái đất, trọn một đời chưa từng một lần ra khỏi Richmond. José và tôi cùng là hai thần dân chung thủy của mặt trời. Chỗ nào có đêm sao, mùa hè, cây xanh và nắng ấm là có chúng tôi dắt nhau tìm đến. Nhị, điểm này Sài Gòn của anh nhất, nhất thế giới. Anh có biết tôi vừa xin tái tục hợp đồng hai năm làm việc ở Việt Nam không? Tôi nghiện món bò câu quay và măng tây nấu cua của Chợ Lớn mất rồi. Tuyệt. Không tìm đâu thấy. Món phở miền Bắc nữa. Tiệm gì mang tên con số ấy nhỉ. À, 79. Tối nay, anh làm

gì Nhị? Chúng mình đưa José vào gặp cái vị đầu bếp nghệ sĩ xấu tính giấu kín tài nghệ không truyền thụ cho ai ở Arc En Ciel đi.

Từ ngôi biệt thự có vườn dành cho công chức tình nguyện kỳ cựu của họ ở đường Hiền Vương, nơi họ sung sướng nhìn hai đứa con tóc vàng Marie Fran-coise và Stevens lớn dần trong những chạy nhảy la hét đứt hơi với bầy trẻ Việt tóc đen ở cùng khu phố, Graham và José, bằng tất cả thân tình và quý mến thành thật cuối cùng đã có được với Nhị thành một tay ba, sau những giờ làm việc là có mặt ở những nơi chốn có ăn ngon và âm nhạc của Sài Gòn. Nhị tới ngôi biệt thự đường Hiền Vương thường ngày. Ném hết mọi thứ đồ hộp P.X. Đọc hết mấy ngăn sách Pháp, với Graham là dòng văn chương Anh, với José là Alphonse

Daudet, Marcel Pagnol, hai nhà văn của miền nam Pháp chói nắng, của món súp Bouillabaisse, của gió mùa mistral. Nhà văn nữ Colette nữa, mà mỗi lần nói đến, José giơ cả hai tay lên, tấm tắc là tuyệt vời là không thể tưởng tượng được, đoạn ngựa cổ cười khi văn chương Hoàng gia Anh là chồng nàng ném sang một cái nhìn diễu cợt.

Mỗi giao tình giữa Nhị và cặp José, Graham kéo dài tươi tắn, sáng láng ở ngôi biệt thự đường Hiền Vương, suốt ba nhiệm kỳ sáu năm phục vụ ở Sài Gòn của Graham. Cuối nhiệm kỳ nào, Nhị cũng đưa tiễn cặp vợ chồng ra phi trường Tân Sơn Nhất. Họ về trình diện ở bộ Thông Tin Hoa Thịnh Đốn. Tường trình công tác. Về thăm ngôi nhà của dòng họ ở Richmond. Rồi một điện tín văn tắt: “Arc En Ciel vẫn còn đấy chứ? Chúng tôi

lại được phép trở lại quê hương Sài Gòn”. Và Nhị lại ra đón cặp vợ chồng bạn ở phi trường.

Nhiệm kỳ thứ tư của Graham không được vui tươi như ba nhiệm kỳ trước. Ngọn triều đầy ắp nắng gió, trẻ trung, hồn nhiên, yêu đời đã rút xuống. Cuộc chiến kéo dài, khốc liệt, đẫm máu ở những vùng rừng núi hoang rậm ngút ngàn đã có những triệu chứng của thảm kịch, của sa lầy cho đoàn quân viễn chinh. Những người lính Mỹ trẻ tuổi, khô ngô đội nón sắt và mặc áo đỡ đạn tử trận mỗi ngày một nhiều. Ở Khe Sanh. Ở Tây Nguyên. Ở ngọn đồi 881. Những đoàn pháo đài bay cất cánh từ Guam. Thuốc khai quang, những dải rừng cháy trụi. Ác mộng của cái Tết Mậu Thân kinh hoàng bộc phá, của chôn người tập thể ở Huế và Đại Lộ Kinh Hoàng đe dọa

tái diễn. Những đêm Sài Gòn ung dung, thanh lịch, nhường chỗ cho những cơn say. những phá phách của những bầy lính Mỹ chán mùa chinh chiến trở về từ những chiến trường ác liệt và tìm quên ở những “ba” rượu dầy đặc những người gái chơi son phấn nhể nhại lòe loẹt trên đường Tự Do. Trong thành phố, những chồng bao cát trước những công thự, cửa kính dán giấy để giảm thiểu sức nổ công phá. Từ những vùng ngoại vi tối thẫm, đạn pháo kích rớt vào, hàng trăm phụ nữ trẻ con tan thây ở khu Cầu Ông Lãnh. Chiến thời tối thẫm, chiến trường về gần. Thành phố mất hẳn an ninh, thành phố nhiều đêm giới nghiêm. Quân đội Mỹ cố thủ, rồi khởi sự rút lui dần dần về nước.

Trong sự đổi chiều này của tình thế và không khí đời sống, Graham trở lại

Sài Gòn, nhiệm kỳ thứ tư. Trở lại nghiêm trang, âm thầm, và một mình, không có José. Nhà tôi rất muốn gặp lại Sài Gòn, gặp lại anh, Graham nói. Nhưng phải ở lại Richmond không được phép đi cùng tôi như ba nhiệm kỳ trước. Tình hình được nhận định là nghiêm trọng, José và các cháu, như tất cả vợ con công chức Mỹ, không được cùng tôi trở lại Sài Gòn.

Từ Tân Sơn Nhất, theo Graham về ngôi uống rượu trong đêm ngoài mảnh sân thượng nhỏ nhìn xuống con đường Hiền Vương vắng lạnh, dưới một bầu trời thành phố lập lòe những ánh hỏa châu, Nhị nghĩ tới José, kể như đã vĩnh biệt Sài Gòn. Và hỏi:

– Graham, nhiệm kỳ này của anh ở Việt Nam là cuối cùng?

– Sao anh biết, Nhị?

– Đoán vậy. Nghĩ vậy. Qua gặp lại anh.

– Anh đã đoán đúng. Cuộc chiến rồi sẽ chấm dứt với người Mỹ ra đi. Những cuộc oanh tạc Bắc Việt, phương cách duy nhất để chiếm lại ưu thế trước đối phương, Hoa Thịnh Đốn cũng không tính sẽ thi hành nữa. Quyền quyết định của tổng thống đã bị quốc hội giới hạn... Anh có theo dõi phong trào phản chiến đang dữ dội lan rộng ở các đại học Mỹ và Jane Fonda đã tới Hà Nội nhiều lần?

Graham nâng ly rượu lên ngang tầm trời đêm Sài Gòn:

– Lẽ ra tôi không có nhiệm kỳ thứ tư. Phải mất một tuần vận động, gõ cửa các xếp lớn của tôi ở Hoa Thịnh Đốn.

Cũng chẳng có lý do bất khả kháng. Lý do tình cảm thôi. Tôi yêu đời sống thành phố này, từng nơi chốn đầy kỷ niệm của thành phố vợ chồng tôi đã được biết cùng anh. Tôi muốn trở lại. Ở thêm hai năm. Vậy thôi, dù lần này không có José. Nhị, José nhờ tôi xin lỗi đã không gặp lại.

– Sau nhiệm kỳ này, anh về hẳn Mỹ? Nhị hỏi.

– Không. Vợ chồng tôi là thần dân chung thủy của Á châu và của mặt trời, anh không nhớ sao? Tôi đã tỏ ý với Bộ là sau Việt Nam, muốn trở lại Đông Kinh lần thứ nhì. Đông Kinh không thể sánh với Sài Gòn. Nhưng tôi và José đã mở bản đồ thế giới ra coi. Chỉ còn Đông Kinh sau Sài Gòn.

Cười đùa:

– Chẳng hiểu nàng Geisha trắng như ngà và cặp mắt như một nét liễu đã lấy chồng chưa hay vẫn chờ đợi tôi trở lại.

Nhiệm kỳ thứ tư, nhiệm kỳ cuối cùng, công tác được chỉ định của Graham cũng thay đổi, không còn là thứ công tác nhẹ nhàng và thanh thoi nặng về tiếp tân và tiếp xúc như ba nhiệm kỳ trước. Công tác mới chừng như “chìm” hơn, âm thầm hơn. Có vẻ là thế, Nhị cũng chẳng thấy cần tìm hiểu làm gì. Chỉ đoán là vậy ở cách sống của Graham cẩn trọng và kín đáo, những vũ trường, những phòng trà ít hẳn lui tới, tuy mỗi cuối tuần vẫn lái xe tới chỗ ở Nhị, rủ chàng vào Chợ Lớn ăn cơm tối (con chim quay vẫn tuyệt vời này, tôi ăn hộ cho José) và chủ nhật, mời Nhị về ngôi biệt thự Hiền Vương, hai người đối ẩm trước mấy đồ nguội Graham mua từ P.X. quân đội Mỹ, hoặc uống khai vị,

trò chuyện ngoài mảnh sân thượng nhỏ của ngôi nhà vắng lặng mênh mông vì chỉ còn một mình Graham.

Đầu năm 1970, Graham về Mỹ. Về hẳn. Tặng Nhị những cuốn sách Pháp không đưa về Mỹ như những lần trước, mấy bức tranh mua của mấy họa sĩ trẻ Việt Nam. Để lại với giá rẻ chiếc xe hơi cho người anh ruột Nhị, rồi tuần lễ cuối cùng, Graham rời ngôi biệt thự Hiền Vương tới ở một khách sạn trên đường Lê Thánh Tôn dành cho những nhân viên Mỹ chờ máy bay, sắp về nước sắp lên đường. Lần cuối ấy, Nhị không đưa Graham ra Tân Sơn Nhất. Hai người đi ăn đêm. Chưa bao giờ tôi cảm thấy buồn rầu và thất lạc giữa Sài Gòn như đêm nay. “Tôi sẽ kể hết về anh cho José nghe”, Graham nói. Đoạn bắt tay từ biệt Nhị trên hè phố.

– Anh Nhị, cái nhà tù chung thân của đời tôi là tòa Bạch Ốc này của giòng họ Forrest, khuynh hướng Nam Quân và kỳ thị da đen cùng mình, anh đã thấy chưa, nó già xòm như một bà già Mỹ. Già hơn cả bà mẹ chồng tám mươi ba tuổi mới chịu nằm xuống của tôi, mặc dầu nó được xây cất “mới” đây thôi, mới trên sáu mươi. Graham rất hãnh diện về nó, tôi thì không chia xẻ niềm hãnh diện này. Hai năm sau cùng Graham sang Việt Nam một mình, đêm đêm nó làm tôi chết khiếp, như ngôi nhà ma trong phim Hitchcock. Già quá rồi mà. Rủi, kèo kêu kèo kẹt, những bậc thang rung rinh, cửa sổ gió thổi. Sợ anh không dám ở lại tới đêm thứ hai quá.

Lối nói chuyện của José vẫn tươi trẻ, nghịch ngợm, nguyên vẹn đặc tính vô tư hồn nhiên của người đàn bà miền Nam

nước Pháp. Bữa cơm tối, thân mật trong bếp đã xong. Bữa cơm mà José nhún vai xin lỗi Nhị là không có bồ câu quay và súp măng của Chợ Lớn. Sau đó ba người nhấm nháp một ly cô nhắc cuối cùng trước khi đi ngủ ở phòng khách. Căn phòng đầy đặc những dấu tích Graham và José cùng nâng niu mang về từ tám năm trước ở Sài Gòn. Trên tường, guốc mộc và nón lá Việt Nam, treo giữa tranh sơn mài Thành Lễ, tranh mực tàu Bé Ký, hình chụp phố xá Sài Gòn, ngôi biệt thự Hiền Vương.

Bốn góc phòng là những đồ gốm Lái Thiêu, Biên Hòa, màu sắc và hình khối Việt Nam trang trọng hiếm quý giữa những bàn ghế tuy bọc nhung đỏ bóng có một vẻ gì tầm thường thô kệch.

Graham chớp mắt, cảm động chỉ lũ đồ đạc của kỷ niệm:

– Hết thấy mọi dấu tích mang về của những năm sung sướng nhất đời của chúng tôi ở Việt Nam. Với anh.

José đưa Nhị lại trước cái tủ sách, chỉ cho thấy mấy cuốn sách của chàng nằm giữa những tác phẩm đóng bìa da mạ vàng của Collette, của Maugham và những tập hình hướng dẫn du lịch về thắng cảnh Việt Nam và thành phố Sài Gòn. Người đàn bà thân mật ôm ngang lưng Nhị, đứng sát vào chàng:

– Sách anh. Chúng tôi không cho ai với bất cứ giá nào. Nhưng nếu anh cần dùng lại anh cứ lấy đi.

Ba người uống thêm một ly cô nhắc. Không khí cổ nhân trùng phùng đẩy dần

cả ba vào một thế giới thân mật và cách biệt với đời, cái thế giới ở đó đang âm áp hiện hình những hàng cây Sài Gòn xanh ngắt, những vỉa hè Sài Gòn lóa nắng, những tiệm ăn khăn trải bàn trắng nuốt trên mặt có hoa tươi và nến thấp, những trưa hè chói chang, những chiều hè lộng gió, những đêm hè bầu trời đầy sao ở trên đầu, và âm thanh của những tiếng cười và niềm vui chan hòa trong ánh mắt, ở mọi nơi chốn của đời sống, là Sài Gòn như một bức họa muôn màu rực rỡ, một thanh bình ích kỷ giữa chiến tranh, một Sài Gòn chỉ còn là một điểm quá khứ lung linh, đã thuộc về một thế giới nào, không bao giờ còn nữa.

Nhị vẫn tắt thuật một số biến động ở cái thành phố cùng thân yêu muôn vàn với cả ba người, sau khi Graham và José đã rời khỏi Việt Nam, vĩnh viễn. Một

chút về chàng nữa. Giữa những biến cố ấy.

– Graham, tôi nhớ mãi lời anh nói với tôi buổi chiều hôm ấy trên sân thượng biệt thự Hiến Vương. Cuộc chiến rồi chấm dứt, những người Mỹ về nước. Nhiệm kỳ thứ tư của anh là nhiệm kỳ cuối cùng. Thành ra miền Nam thất trận và Sài Gòn thất thủ không làm tôi ngạc nhiên lắm. Chỉ kinh ngạc về cái cảnh tượng chấm dứt của cuộc chiến. Ba mươi năm, chỉ một khoảng khắc. Tất cả đều là có. Rồi tất cả đều là không. Như một lật sấp kỳ dị, im phắc và gần như không có tiếng động nào.

Miền Nam mất, không một tiếng động, đúng vậy, và Graham, José, tôi muốn hai bạn cùng thấy rõ với tôi điều đó.

Nhị lấy trong túi ra một đồng tiền, đưa lên trước ánh sáng, lật mặt đồng tiền đi:

– Như thế này. Không hơn không kém.

Cặp vợ chồng Mỹ cùng nhìn, im lặng.

– Hai năm bị truy nã, đêm đêm nằm ở chỗ ẩn tới ngày được đưa ra biển, năm tháng ở Mã Lai, José, Graham, tôi có nhận được thư hai bạn ở đảo. Rồi tới bây giờ đến Mỹ, ngay cả trên bus hai trăm dặm từ Washington về đây dưới trời mưa, tôi vẫn suy nghĩ hoài hoài về cái trạng thái lạ lùng đó. Đời sống nghìn cân trái núi trên đầu, nhưng lịch sử của một thời lại quá mong manh. Chỉ như một hơi gió. Hơn nữa, một giấc mộng.

Nhị cầm lấy ly cô nhắc. Lắc lắc. Chắt rượu vàng đầy sóng sánh. Chàng ngừng nói. Im lặng một lúc, thật lâu. Rồi để cho không khí vui tươi, nhẹ nhõm trở lại, chàng uống cạn ly rượu một hơi và cười:

– Cuối cùng tôi đã ngồi đây.

Cặp vợ chồng cùng nghiêm trang thân ái nhìn Nhị:

– Với chúng tôi, đó là điều quan trọng nhất.

Mưa bất chợt trở lại trong đêm. Vẩn trập mưa miền Đông Hoa Kỳ ào ạt, dữ dội kín trời kín đất. Graham đứng lên, tới đóng những khung cửa sổ, buông rèm. Đoạn trở lại chỗ ngồi, tháo kính lau, đeo lại kính. Lúc này Nhị mới thấy ở người bạn Mỹ của chàng những nét mặt mỗi già yếu thực sự thường thấy ở một

người đàn ông sống nhiều, lúc cuối đời. Rất lịch sự:

– Chúng tôi rất thích được nghe anh kể chuyện Sài Gòn lúc mất. Ba năm trước đây, tôi với José có từ Paris đi Thái Lan, Miến Điện. Máy bay ghé xuống Tân Sơn Nhất nửa tiếng. Hành khách không ai được ra khỏi máy bay. Lúc phi cơ bay lên, nhìn xuống Sài Gòn phía dưới tôi và José đều chảy nước mắt. Năm đó tôi đã về hưu lâu rồi, và cũng đã xong lớp tu nghiệp một năm cho giáo chức ở một đại học Florida. Giờ tôi là một ông giáo làng già rồi, Nhị. Trường tôi dạy gần đây, trong vùng. Một lớp Pháp Văn, José là phụ tá. Một số giáo sư địa dư và sử ký trường được tin anh tới, muốn gặp anh. Hỏi anh về một số biến cố ở Việt Nam thời Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hòa. Về con người thực của cố Tổng Thống Ngô

Đình Diệm nữa. Nếu anh bằng lòng, mai chúng tôi sẽ đưa anh đi thăm quê hương của họ hàng nhà Forrest rồi tới đó.

José giờ tay:

– Đâu được, mai chúng ta phải ra bến đón con.

Graham chờ người, vỗ trán kêu lớn:

– Quên. Mai phải đi đón Claudine thật. Nhị, anh còn nhớ cháu Claudine?

Nhị cười, gật. Nhớ. Nhớ rõ. Cái hài nhi đỏ hỏn trên tã lót trắng toát ở bệnh viện Cơ Đốc, Phú Nhuận. Cái sọ đầu nhẵn bóng, mắt nhắm nghiền và nhăn nhúm la khóc lúc Nhị cùng Graham tới, hai người bỏ dở cuộc khiêu vũ buổi chiều ở vũ trường Tabarin khi bệnh viện điện thoại báo tin José đã sinh con gái.

Claudine là đứa con thứ ba và ra đời ở Sài Gòn. Claudine là tên José chọn, tên một nhân vật tiểu thuyết Colette.

– Hai bạn chỉ kể Marie Françoise làm ở một ngân hàng tiết kiệm ở D.C. và Steven đã lập gia đình. Sao bây giờ mới nói với tôi về Claudine? Chà, mới ngày nào. Chắc bây giờ đã là một cô Mỹ rất cao lớn.

Nhị ngạc nhiên nhìn thấy ở cả José lẫn Graham một bối rối bất chợt. Họ cùng đưa mắt nhìn nhau. Rồi Graham dang hắng, giải thích, giọng buồn hân:

– Chúng tôi ngần ngại không muốn nói với anh về Claudine. Nhưng mai cháu về đây, phải cho anh biết trước. Nhớ lại Claudine chắc anh chỉ nhớ tới một con bé tóc hung, bụ bẫm anh dắt tay đi dạo

nhều lần ở ngôi nhà Hiền Vương. Rất đau buồn cho chúng tôi, lớn lên Claudine bất thần trở nên một đứa con gái bất bình thường không có dấu hiệu gì báo trước. Vậy ngày mai cháu về, nếu anh thấy ở cháu những cử chỉ, những thái độ kỳ lạ, xin anh đừng ngạc nhiên.

– Claudine bất bình thường? Nhị hỏi. Như thế nào?

– Năm 1978 là một năm thật xấu cho gia đình Forrest. Tôi thỉnh thoảng bị đau tim trầm trọng. Một buổi sáng ra vườn, té xỉu và ngất đi ở đầu hiên. Cũng may cấp cứu tới kịp, tôi được đưa ngay vào bệnh viện giải phẫu và qua khỏi nhưng cũng phải nằm ở bệnh viện hai tuần mới về nhà. Một tháng sau, những cơn mất trí của Claudine bắt đầu. Đêm chúng tôi bị đánh thức dậy bởi những tiếng khóc lóc

thảm thiết của cháu ở phòng riêng. Đang là một đứa con gái yêu thiên nhiên, yêu cỏ cây, loài vật, tươi cười, cháu như rớt thẳng xuống một vực thẳm đầy hãi hùng với thần trí, và càng như đứt rời với mọi người, với đời sống, với chung quanh. Có như cháu tự giam mình vào một thế giới riêng, và những tiếng khóc la thảm thiết trong đêm là những vẫy vùng tuyệt vọng không ra thoát.

– Đời sống trong nhà có điều gì làm Claudine phật ý? Nhị hỏi.

José chảy nước mắt, lắc đầu:

– Trong ba đứa, Claudine là đứa chúng tôi thương yêu chiều chuộng nhất. Không thể có chuyện gì làm cháu phật ý.

Graham kể tiếp:

– Mọi chữa trị đều vô hiệu. Chúng tôi đưa cháu đi chơi Âu Châu, Đông Kinh. Cháu lặng lẽ đi theo không nói năng. Trở về lại đâu vào đó. Anh có thể tưởng tượng ra chúng tôi đau buồn đến mức nào. Tôi cố gắng tìm hiểu nguyên nhân gây ra sự chấn động thần trí của cháu. Không biết có phải vì cháu nhìn thấy tôi té ngã ở đầu hiên buổi sáng hôm đó hay không? Không biết. Không biết.

Graham lắc đầu, lắc đầu liên hồi. Lại tháo kính mắt lau. José đỡ lời chồng:

– Đầu năm ngoái, cháu bỗng tỏ ý muốn đi tiểu bang Illinois theo học một lớp dạy võ mới mở đó, qua một tin rao vặt trên báo. Cháu không cao, thân hình nặng nề mà lại thích học võ, lạ đời không? Nhưng chúng tôi cũng chiều ý và thu xếp cho cháu đi ngay. Ở Illinois cháu

viết thư về. Nói không khí nhà trường rất thích hợp, cháu ở nội trú và quyết tâm học tới cùng để trở thành một võ sư. Nhà trường cũng liên lạc với chúng tôi, khen cháu kỷ luật, chăm chỉ tuy tiến bộ chậm chạp. Chúng tôi rất mừng. Nghĩ nhờ sống xa nhà và gặp đúng sở thích nghệ thuật, chứng bệnh tâm thần ở cháu sẽ hết. Không phải vậy. Một tuần lễ trước đây, vị giám đốc trường, bà Monroe, đích thân điện thoại nhiều lần cho chúng tôi, nói Claudine đột ngột có những tỏ hiện dị thường, nhà trường xét thấy không thể giữ cháu ở nội trú nữa và khuyên chúng tôi nên đón cháu về nhà một thời gian.

– Thế nào là những tỏ hiện dị thường? Nhị hỏi.

– Thì cũng như Graham đã thuật lại với anh. Cháu bỏ học đóng kín cửa

phòng, đêm đêm vật vã khóc lóc.

José thở dài náo ruột:

– Phải đón cháu về, còn biết làm thế nào? Mai cháu tới.

Đêm đã khuya. Trận mưa đều hạt trên mái. Lửa trong lò sưởi đã tàn, những điểm lửa thoi thóp. Nhị từ chối ly cô nhắc thứ ba. José, Graham đứng lên mời chàng đi ngủ. Họ cho biết vì phải đi đón Claudine, chương trình sáng mai thu ngắn lại. Họ chỉ mời Nhị đi ăn điểm tâm ở một tiệm đầu làng có món trứng chiên thịt ướp nổi tiếng trong vùng, còn buổi chiều tính sau. Nhị ngừng lại trước cửa vào phòng ngủ:

– Tôi sẽ đi cùng hai bạn ra bến đón Claudine.

Khác hôm Nhị tới, bầu trời Richmond quang đãng, tạnh ráo, nhưng rất lạnh. Cánh đồng không mưa mênh mông phẳng tấp tới chân trời xa, ở đó hiện hình một cái chấm li ti, cái chấm lớn dần và chiếc Greyhound màu xanh vùn vụt lao tới.

Xe ngừng Nhị đứng ở cây xăng, nhìn Graham và José tới trước cửa xe. Cả hai đều giữ nguyên vẻ yên lặng trầm trọng lúc ra khỏi nhà. Nhị nhìn thấy đứa con gái từ trên xe bước xuống. Nó xách trong tay một cái va li lớn, nặng trĩu. Graham đón lấy chiếc va li, hai vợ chồng cùng ôm chặt đứa con, rất lâu. Rồi cả ba cùng từ từ đi lại chỗ Nhị đứng.

– Cháu Claudine của chúng tôi. Graham nói.

Đó là một đứa con gái Mỹ phục phịch, mái tóc hung rẽ giữa, mặt mũi nhợt nhạt không son phấn, ủng da và váy kẻ ô vuông màu xám nhạt. Điểm đặc biệt đập vào quan sát kín đáo của Nhị là cặp mắt mở lớn màu hạt dẻ của đứa con gái buồn, buồn êm đềm, nhưng buồn lạ lùng. Chàng hình dung được những gì cặp mắt ấy nhìn thấy. Về tuổi trẻ nó. Về đời sống. Về hết thảy. Một mùa đông, một mùa đông mưa bay. Một con đường. Một con đường một mình. Mở rộng hai tay, chàng cười thân mật:

– Rất mừng gặp lại cháu từ Illinois về cùng lúc bác về thăm cha mẹ.

Chàng ôm lấy đứa con gái, giữ nó trong tay. Thoạt đầu ở Claudine là một phản ứng chống lại sự thân mật. Toàn thân nó cứng lại. Rồi chừng như cảm

thấy ở Nhị một thân thiện thành thực, nó mềm ra. Nói nhỏ:

– Bố mẹ tôi nói đến Nhị luôn.

Xe rời khỏi cây xăng. Nhị ngồi với Claudine ở hàng ghế sau. Con đường chạy qua những trang trại không có bóng người, những đồng cỏ hoang vu với những bầy ngựa gầy guộc, những cây cầu ở dưới là những con lạch khô cạn. Nhị kín đáo quan sát Claudine. Nếu trong đứa con gái có một vùng rối loạn bi thảm của tâm trí mất thăng bằng thì vùng rối loạn ấy đang nằm ngủ. Claudine ngồi ngoan ngoãn, hai tay đặt trên đùi, dấu hiệu đáng lo âu chỉ thấp thoáng ở cái nhìn thờ ơ, gần như vô tri giác, trước một cảnh vật thân thiết từ ấu thời đáng lẽ phải làm nó sung sướng vui mừng khi gặp lại. Hàng ghế trên, Graham và José

giữ im lặng suốt dọc đường. Chừng như họ sợ một lời nói nào cũng có thể gây ra một phản ứng bất thường nơi Claudine. Và thấy tốt nhất là cùng im lặng.

Mọi chuyện bình thường khi về tới nhà. Claudine khệ nệ xách cái va li nặng trĩu vào phòng ngủ, một lát sau trở ra với bộ quần áo khác. Mọi chuyện bình thường sau đó, Nhị theo gia đình Forrest ra khỏi nhà, tất cả đi bộ trên con đường nhỏ đầy ngập lá rụng tới cái quán ăn nổi tiếng về món trứng tráng thịt ướp ở cuối làng. Cái quán thấp nằm dưới một bóng đại thụ, nhìn ngoài tưởng không phải là quán ăn. Bên trong, bàn ghế, cặp vợ chồng chủ quán to lớn, vài đồ trang hoàng thô kệch trên tường, lối dọn bàn và món ăn bày đều thuần túy thôn dã kiểu Mỹ. Mọi người cùng ăn trứng tráng, thịt ướp, và bánh mì nhà làm, những

khúc bánh mì lực lưỡng vừa lấy khỏi lò, nóng bỏng, dọn ra trong một lẵng mây đen. Riêng Claudine không ăn. Nói đã ăn đồ ăn mang theo trên bus. Và ngồi im lặng. Đoạn lấy thuốc lá hút. Bữa ăn kéo dài với chai rượu chát, Nhị khen món trứng tráng quả là tuyệt diệu và câu chuyện đưa chàng Graham và một José trầm trồ luôn miệng về những bữa ăn ngon ngày trước của họ ở Sài Gòn. Một lúc nào đó Nhị hỏi Claudine có nhớ một món ăn Việt nào không. Đứa con gái thờ ra khỏi thuốc, nhìn Nhị, lâu lâu. Rồi cười lắc đầu. Nụ cười thú nhất từ lúc tới.

Mọi chuyện vẫn bình thường tiếp trên đường trở về, lúc sắp tới nhà Nhị nắm lấy tay Claudine, đứa con gái để yên tay trong tay Nhị, cùng bước lên thêm. Nhị vào nằm nghỉ, chàng cố gắng quên hết mọi chuyện buồn rầu riêng tây, chỉ

muốn nghỉ chàng đang ở chơi mấy ngày dưới mái nhà một cặp vợ chồng Mỹ và đứa con gái hơi khác thường của họ, tiếp nhận sự trang trọng quý báu của cặp vợ chồng này đã dành cho chàng từ bao năm trong khung cảnh đặc biệt một làng nhỏ khuất tịch, ở đáy cùng tiểu bang Virginia, với ngôi nhà cổ cũ đầy đặc những kỷ niệm mang về từ Việt Nam, xứ sở mà Graham và José luôn luôn nhắc lại là đánh dấu cho những tháng năm sung sướng nhất đời của họ.

Chuyện không thường xảy ra, khi Nhị trở dậy sau giấc ngủ, buổi tối đã xuống với trận mưa rì rào và những vệt sáng đèn thấp thoáng trên cỏ vườn tối mở nhìn thấy từ bên trong khung cửa. Nhị đi ra phòng ăn, thấy khăn bàn đã trải và ngạc nhiên thấy Graham và José cùng mũ mưa, áo tơi mưa trùm kín, đang

sửa soạn ra khỏi nhà. Nét mặt cả hai đều buồn phiền một vẻ nhẫn nhục. Nhị hỏi liền:

– Claudine?

– Vâng, tự lúc nào cháu đột nhiên biến mất, phòng ngủ mở toang, José nói. Trời mưa, cháu thường bỏ nhà ra đi như vậy. Thường là trên con đường dẫn tới vùng hoang phế sau làng, nơi ngày trước có một nhà ga nhỏ bây giờ chỉ còn những đường sắt bỏ hoang, xe lửa không còn chạy qua. Anh ở nhà tự nhiên lấy rượu uống nhé! Chúng tôi đi, có vẻ cùng cháu cũng phải ngót một tiếng đồng hồ.

– Sao không gọi cảnh sát nhờ họ tìm kiếm?

– Không thấy, chắc sẽ phải làm vậy.

Graham và José hấp tấp ra khỏi nhà, Nhị trầm ngâm đi đi lại lại. Một lát. Đoạn, chàng rót một ly rượu, cầm ly tới đứng trước khung cửa kính nhìn ra khu vườn cỏ phía sau. Trận mưa lớn hơn. Cái nhìn sau kính lung linh, chỉ thấp thoáng một mặt cỏ ướt đầm mất hút vào bóng tối.

Đúng lúc Nhị vừa toan quay lại, một làn chớp sáng rực lóe lên cùng với một tiếng sấm nổ rền trên không, làn chớp soi tỏ hết khu vườn trong một khoảnh khắc. Và trong một khoảnh khắc này, Nhị nhìn thấy Claudine, mặc dầu đứa con gái ở rất xa, tận đáy vườn và ngồi quay lưng lại. Toan vào phòng lấy áo tơi mưa, Nhị lại thôi. Chàng chỉ cầm lấy cây đèn bấm để trên giá bếp rồi mở cửa đi ra.

Mưa đập vào mặt Nhị, lạnh buốt. Gió nữa, khá lớn. Tới giữa vườn, để Claudine không bị kinh động bất ngờ, Nhị bấm đèn hướng ánh sáng sát mặt cỏ, và đi tới chỗ Claudine. Thấy ánh sáng từ sau lưng, đứa con gái vẫn không quay đầu lại. Nó ngồi bó gối, bất động, với trước mắt, cách chừng nửa thước, một bờ cỏ cao ngang tầm người. Đêm tối và mưa trời đã phủ xuống trên Claudine khá lâu. Nhị quỳ xuống, vòng tay qua vai đứa con gái Mỹ, để thấy mái tóc dài tới ngang lưng nó, tấm áo len đỏ nó mặc trên người, và toàn thân nó tất cả đều ướt đầm.

Nhị dịu dàng:

– Trời đang mưa. Sao Claudine ra ngồi ở đây?

Đứa con gái nín thinh.

Vẫn nín thính. Nhị ngồi xuống sát cạnh, nhìn kỹ hơn. Khuôn mặt Claudine nhợt nhạt như người chết rồi, và trên khuôn mặt ấy, trẻ thơ một cách tội tình, tội tình như một con thú nhỏ bị thương, nước mưa ròng ròng, hai tròng mắt mở lớn đầm đìa nước mưa và nước mắt hòa lẫn. Phút đó, chàng thấy tội nghiệp cho đứa con gái Mỹ cô đơn, thất lạc và ra đời ngày nào ở Việt Nam nơi Claudine lệ tuôn và phơi mưa ở một góc vườn đêm không biết chừng nào. Tưởng như chàng cũng có một phần trách nhiệm. Nhưng không biết cách nào giúp đỡ đứa con gái, Nhị đành chỉ biết nói về chàng:

– Claudine, bác kẹt lại ở Việt Nam, tưởng chẳng bao giờ gặp bố mẹ. Vậy mà có ngày nay tới Richmond thăm nhà ta, gặp lại bố mẹ và cả Claudine nữa. Bác vừa có với cả gia đình Forrest một ngày

rất vui. Mai bác đi rồi. Claudine giúp bác có thêm một ngày vui nữa. Đồng ý? Cháu ngồi chơi một mình ngoài trời thế này cũng chẳng sao. Nhưng đêm lạnh, đang mưa lớn, ngồi lâu không tốt. Bố mẹ lại đang đội mưa đi kiếm. Đứng lên đi, theo bác vào nhà.

Nhị để đứa con gái ngồi thêm ít phút nữa. Cũng không nói gì thêm. Rồi chàng nắm lấy cánh tay Claudine, dìu nó đứng lên. Cuối cùng, đứa con gái chịu đứng lên theo. Nó cúi đầu xuống toàn thân thu lại, bước chậm chậm theo Nhị vào nhà. Qua phòng ăn, Nhị chỉ cái khăn bàn đã trải sẵn. Claudine nhìn, lắc đầu, lại cúi xuống và đi thẳng vào phòng riêng.

Nửa giờ sau, Nhị mở cửa cho Graham, José. Nói vắn tắt cho họ biết Claudine ra vườn ngồi một mình, đã trở

vào, không đói, bỏ ăn cơm tối và đang ở trong phòng. Trong bữa ăn chàng nói sẽ ở thêm với gia đình Forrest một ngày nữa. Nghĩa là sang ngày thứ hai:

– Hai bạn cứ tới trường dạy tiếng Pháp cho đám học sinh Hoa Kỳ của các bạn như thường lệ. Chỉ khát hộ tôi với mấy đồng nghiệp hai bạn về Đệ Nhất Cộng Hòa Việt Nam và tổng thống anh minh Ngô Đình Diệm của chúng tôi tới một dịp khác. Tôi muốn biết vùng này, trọn ngày mai, với Claudine. Nhị cười:

– Nếu Claudine đồng ý.

Nhị và Claudine ngồi thả chân trên một mặt xi măng phẳng cứng, một đầu được giữ chặt bằng những viên sắt hoen rỉ vững chắc, đầu kia rơi rụng vỡ nát dưới cỏ dại lan tràn, đoán thấy là một

sân ga thuở trước, những người công dân da trắng của thời kỳ nội chiến lên miền Bắc, đứng chờ con tàu cổ lỗ phun khói trắng xóa từ xa và nặng nề dừng lại. Trời rét ngọt. Trên trời, những cụm mây, cũng trắng xóa như những cụm khói hơi nước của những toa tàu dĩ vãng, trôi từ từ. Giữa chúng, những khoảng xanh biếc mênh mông như biển. Xa xa, phía bên kia khu đường tàu, những ngọn đồi thấp, và giữa những ngọn đồi, cánh đồng Richmond với những thửa ruộng mới cày bừa sau vụ gặt, màu đất lật lên từng luống đỏ thắm.

Nhị đốt hai điếu thuốc. Đưa một cho Claudine. Đứa con gái ngồi xích lại đón lấy. Nó hút thông thả, khuôn mặt bầu bĩnh thư thái, cặp mắt màu hạt dẻ dịu dàng, nhìn một cảnh tượng thân quen, đôi chân đi ủng đóng đưa trong không

khí. Không tận mắt nhìn thấy đêm qua, Nhị chẳng bao giờ có thể nghĩ đứa con gái Mỹ khỏe mạnh hiền lành ngồi cạnh chàng lại ra mưa khóc lóc một mình và vật vã rên la trong đêm tối.

Từ buổi sáng, cuộc đi dạo đã kéo dài nhiều giờ, lang thang không chủ định. Claudine đưa Nhị ra khỏi làng trên một hướng đi mới. Qua căn nhà gỗ mới, sơn đỏ, của người phát thư già sống một mình, Claudine kể là năm ngoái, đúng ngày Giáng sinh, căn nhà cũ chạm điện cháy rụi trong khi ông già đang đi từng nhà phát thư, dân làng thương tình góp tiền xây cho căn khác. Qua một trại trồng hoa, con đường mở xuống cánh đồng dẫn tới một tàu ngựa xiêu đổ. Hai người dừng lại đây một lát. Con lừa già lông xám bần chạy lồng mừng rỡ khi thấy người tới. Claudine ôm rơm khô thả vào tàu cho

con vật, nói là một con lừa cái, tên Anita, con lừa không còn làm đồng, kéo xe được nữa, chủ nó cũng đã chết, mấy gia đình chung quanh chia phần đưa rơm đến nuôi và con vật đã sống, mùa đông này qua mùa đông khác.

– Cháu thưởng tới đây chơi với Anita. Claudine nói. Nó rất dễ thương.

Hết một buổi sáng. Và lúc đi, lúc ngừng, lúc yên lặng, lúc trò chuyện, Nhị biết dần dần đứa con gái Mỹ đã thân gần chàng, như một người bạn. Chừng như cạnh Nhị, Claudine tìm thấy được ở sự thân thiện ung dung của chàng một yên tâm, một tin tưởng nào đó. Chàng cẩn thận nương nhẹ mọi chuyện. Không nhắc lại chuyện đêm trước ngoài vườn. Cũng không hỏi tại sao Claudine thành linh bỏ lớp học vũ. Coi như Claudine

không có vấn đề gì. Coi như đứa con gái rất bình thường.

Bây giờ ngồi nghỉ chân trên thềm ga cũ. Claudine chỉ những con đường sắt:

– Con đường này là huyết mạch của Nam quân suốt thời kỳ Nam Bắc phân tranh. Để chở lính, chở đạn lên chiến trường miền Bắc. Thương binh nằm la liệt chỗ cháu và Nhị đang ngồi.

Ngón tay chỉ tới một vùng đất trũng xa hơn, bên kia khu nhà ga:

– Một trận đánh đẫm máu đã xảy ra ở đó. Hai ngày ba đêm. Chính Tổng tư lệnh Nam quân là tướng Lee cỡi ngựa đích thân chỉ huy trận đánh. Đó là trận đánh lớn cuối cùng. Lee phải lui quân và Nam quân đầu hàng.

Nhị hỏi, thán phục:

– Sao Claudine biết rõ vậy được?

– Phải học ở trường. Bố mẹ cũng kể nữa. Nhị đã thấy trong làng không có bóng một người da đen nào. Đất Nam quân kỳ thị mà! Không người da đen nào dám ở Richmond. Và với người Richmond, Lee vẫn là vị danh tướng anh hùng nhất của lịch sử Mỹ quốc.

Việt Nam được đề cập tới, Nhị chờ đợi điều này, khi chàng theo Claudine đứng lên, rời khu đường sắt tới một cánh rừng thưa trải dài thành một hình cánh cung xanh ngắt chung quanh một mặt hồ nhân tạo. Cánh rừng, mặt hồ cùng hiu quạnh, không có một bóng người nào. Hai người đi giữa những hàng cây, gió lao xao trên đầu, tới sát mặt hồ. Đây

là một công viên. Một dãy bàn, ghế dài chôn chân trong đất thoải thoải. Một cái lò nướng. Trong lò, những dấu vết tro than nguội lạnh.

Hai người đi dọc bờ nước một quãng rồi trèo lên ngồi trên một mặt bàn, nhìn ra hồ. Trời lạnh. Claudine rùng mình, kéo cao cổ áo. Im lặng một lát. Mặt hồ như đông cứng và tiếng gió vẫn lao xao không ngớt trên đầu:

– Mai đi thật sao Nhị? Giọng Claudine thốt nghiêm trang hẳn.

– Phải. Bác không thể ở lâu hơn. Ở thêm ngày đi chơi với Claudine. Đáng lẽ phải đi từ trưa nay.

– Trước khi bác về, cháu muốn nói chuyện. Về cháu.

– Claudine muốn nói gì?

– Bố mẹ cháu có kể cháu bị bệnh tâm thần trầm trọng, bỏ học, đêm đêm thảm thiết khóc lóc?

– Có. Nhưng bác không tin. Mà tin Claudine mạnh mẽ, bình thường, không tâm trí, tâm thần gì hết. Có thể cháu có một nỗi buồn riêng, lớn hơn, đối với con gái cùng tuổi. Vậy thôi.

Claudine nhìn Nhị, ngẩn người. Một lát.

– Nhưng cháu thế thật mà. Bỏ học. Khóc lóc. Ngồi ngoài trời mưa. Không biết mình ra làm sao nữa.

Nhị xoay người, đối diện đứa con gái, nhìn nó:

– Những lúc ấy, Claudine thấy mình thế nào? Nói được không?

Lắc đầu, lắc đầu liên hồi, nhúu mày, nhắm mắt, đưa tay lên trán, bồn chồn, bối rối, thất thần. Claudine cực khổ tìm lời giải thích. Như đêm tối đột ngột kín trùm đến ngạt thở. Như bỗng nhiên nó lại rớt xuống, rớt xuống một vực thẳm chóng mặt, không đáy. Như, không một dấu hiệu báo trước, nó trở thành mù lòa hoàn toàn, không còn biết từ đâu tới đâu. Và sự đó, ở trong đầu, trong thân, như một niềm tuyệt vọng không bờ, không bến.

Nhị nắm lấy tay đứa con gái. Chàng nói mạch lạc rõ ràng:

– Gì chứ còn từ đâu tới thì chúng ta biết chứ. Từ nơi chốn Claudine ra đời

cách đây mười lăm năm, từ Sài Gòn, từ Việt Nam.

– Thế là thế nào Nhị? Claudine hỏi, bàng hoàng, toàn thân run bắn. Thế là thế nào? Trả lời cháu.

Nhị ôn tồn:

– Chỉ là Claudine đang bị vây kín bởi một ám ảnh. Ám ảnh thoát đầu nhẹ nhàng, nhưng không được giải tỏa nên ngày càng dày đặc và nhập lặn vào tiềm thức. Ám ảnh đó lâu dần như một trái núi cao ngất không sao phá vỡ. Phải vậy không? Ám ảnh đó có một tên gọi. Đó là nguồn gốc, là nơi chốn ra đời. Một nguồn gốc mịt mù. Một nơi chốn mất tích. Bởi nó, ta thấy ta thất lạc, mất tích.

Chàng cười, cho đứa con gái khỏi kinh hoàng:

– Nhiều người ở trường hợp ra đời như Claudine, cũng vậy, như Claudine. Hàng ngàn đứa con gái Việt Nam ra đời ở Hoa Kỳ bây giờ nếu từ nhỏ được đưa về sống ở Việt Nam, lớn khôn lên cũng rất dễ bị rớt vào ám ảnh đó.

Claudine lại ngăn người ra. Chàng biết đứa con gái Mỹ hết sức kinh ngạc. Chưa từng ai giải thích về nguyên nhân sự rối loạn tâm thần của nó như Nhị vừa giải thích. Graham, José chắc chắn đã có. Nhưng khác. Giả sử là họ không phải là Nhị, một người Việt Nam. Và chẳng thể ngờ nguyên nhân chứng bệnh đứa con gái lại bắt nguồn từ một vùng trời xa thẳm. Nhị cũng chỉ biết giải thích như vậy. Mơ hồ cảm thấy ở giải thích ấy một sự thật. Chàng không phải là một bác sĩ chữa bệnh tâm thần.

– Cháu phải làm thế nào Nhị?

Nhị đỡ Claudine xuống khỏi mặt bàn. Chàng nhìn đồng hồ:

– Mới 2 giờ. Chúng ta có thể đi dạo một vòng quanh hồ. Bác kể chuyện Việt Nam cho cô gái Việt Nam ra đời ở Sài Gòn là cháu. Bố mẹ cũng đã kể. Nhưng phải bác kia, phải bác, Claudine mới hiểu, bác nghĩ vậy.

Lúc thân mật khoác vai, lúc nắm tay, Nhị đưa đứa con gái đi dọc theo ven hồ. Nhìn đất, nhìn trời, bằng một lối kể dễ hiểu và bên cạnh một Claudine lắng nghe chăm chú, chàng nói về thành phố Sài Gòn, Sài Gòn tháng năm Claudine ra đời, và những thời gian về sau, khi Graham và José đưa Claudine về Richmond. Chàng tả lại bệnh viện Cơ

Đốc, ở Phú Nhuận, vẫn còn những đứa nhỏ Việt Nam, sau Claudine, cũng ra đời ở đó. Về một đứa bé Việt Nam, tên nó là Tý, ở cạnh biệt thự Hiền Vương, thường chạy sang đập cửa sắt gọi Claudine và lần nào Claudine cũng lồm chồm chạy ra. Chàng kể thêm Tý (đứa bạn hồi xưa ấy của Claudine trong biến động 1975), chạy chơi ngoài đường bị đạn lạc bắn chết. Kể rộng thêm về Việt Nam, Nhị nói đến một đất nước đẹp đẽ nhưng tan nát vì cuộc chiến lâu dài (những trận đánh còn đẫm máu hơn trận đánh trên khu đường sắt của ông tướng Lee của cháu). Rồi Nhị nói đến thảm kịch lớn. Cái lý do khiến hàng trăm ngàn người phải bỏ nước ra đi, trong đó có những đứa con gái Việt Nam cùng một lứa tuổi với Claudine, bây giờ tan tác khắp nơi trên mọi nẻo đường thế giới.

Vừa hết một vòng hồ. Câu chuyện về Việt nam ngừng. Nhị đứng lại, chậm thuốc hút. Không nhìn, chàng biết Claudine đã ràn rụa nước mắt. Chính Nhị cũng xúc động và đột nhiên thấy buồn bã lạ lùng.

Tiếng Claudine, nghẹn ngào:

– Cháu đâu biết. Nơi cháu ra đời nhiều chuyện đau buồn đến như thế sao?

Nhị gật:

– Đúng vậy. Muôn vàn. Bác không thể nào trong một lần kể hết.

– Cháu muốn trở về nơi đó. Cháu chẳng còn nhớ được gì. Cháu muốn biết, thấy lại Việt Nam.

Nhị cầm tay đứa con gái, đi trở lại qua những hàng cây, ra khỏi công viên:

– Nếu nhất quyết, Claudine thế nào cũng được về thăm lại Việt Nam nơi Claudine sinh ra một lần trong đời. Hôm nay cũng có thể nói Claudine đã trở về. Thôi, chiều rồi, chúng ta về nhà. Chắc bố mẹ đang mong.

* * *

Nhị rời khỏi ngôi nhà cổ cũ của giòng họ Forrest buổi sáng hôm sau. Mọi người dùng điểm tâm trong bếp. Graham, José nghỉ dạy học một buổi rồi toàn gia Forrest chở xe đưa chàng ra trạm xe bus. Vẫn đứng trơ trọi giữa cánh đồng lộng gió, những cây xăng xiêu đổ tươi tắn hơn mọi lần. Nơi gã con trai Mỹ đổ xăng, mặt

đầy tàn nhang, điệu bộ rất chọc cười với cái mũ cói rộng vành rách mướp.

Từ biệt. Cám ơn Nhị đã về đây thăm chúng tôi, hãy trở lại bất cứ lúc nào anh muốn, Graham và José cùng nói. Cám ơn anh đã ở thêm một ngày với cháu, José thì thêm cảm động. Mái tóc hung không thả buông trên lưng nữa mà cột gọn lại bằng một giải lụa màu tím nhạt, nghiêm trang như một người lớn, Claudine tranh lấy chiếc va li ở tay Nhị, đưa chàng tới cửa xe. Đứa con gái đứng lặng, cặp mắt màu hạt dẻ rưng rưng. Nó nghẹn lời không nói được gì. Rồi vụt ôm chầm lấy Nhị, úp mặt vào vai chàng.

Nhị cười, đặt tay lên mái tóc màu hung, nói Claudine đã có địa chỉ của chàng. Rồi dịu dàng đẩy nhẹ Claudine ra, chàng lên xe.

Chừng hơn hai tháng sau, Nhị nhận được thư Claudine. Bì thư ghi địa chỉ một trường dạy vũ ở tiểu bang Illinois. Bằng một tiếng Pháp nhiều lỗi chính tả, Claudine nói đã từ Richmond trở lại trường được hai tuần lễ. Bỏ ngang, học lại, hơi cực, nhưng được. Chữ được gạch thật đậm, như một niềm mừng rỡ. Nhị, ban đêm tôi không khóc nữa. Cũng không ra ngồi dưới trời mưa nữa, dù cả Illinois đang mưa. Thư khoe vừa khám phá được một gia đình Việt Nam tới ở gần trường, người con gái lớn của gia đình tên Hương, 16 tuổi, cũng vừa nộp đơn xin học vũ. Thư kể tiếp, đầy vui thích: Hương rất dễ thương tuy nói tiếng Anh chưa giỏi, đã đưa tôi tới thăm nhà hai lần. Cả nhà đều dễ thương. Cho tôi ăn chả giò, dạy tôi cầm dũa, nói tôi có thể tới chơi hàng tuần, buổi sáng chủ nhật. Cuối

thư là một câu hỏi: Nhị có còn muốn gặp con nhỏ Claudine không ngồi khóc dưới trời mưa không?

Đọc thư xong, Nhị mở cửa phòng xuống phố. Cái tủ lạnh của chàng đã trống rỗng. Chàng tới tiệm Seven Eleven ở đầu đường mua mấy hộp thịt nguội, súp và trái cây đóng hộp. Rồi sang tiệm liquor ở cạnh mua một chai rượu.

Trở về phòng, chàng cầm một ly rượu, đưa tới bàn viết gần cửa sổ, ngồi xuống, vừa uống vừa viết hai lá thư. Một tới Illinois cho Claudine. Thư nói chàng rất vui Claudine đã trở lại trường, có bạn gái mới. Thư nói tháng sau, chàng có việc tới gần Illinois và sẽ cố gắng thu xếp tới trường thăm Claudine. Lá thư thứ hai, về Richmond, ngắn hơn. Chàng vẫn tắt báo tin cho Graham và José hay là chàng

có bằng chứng chắc chắn đứa con gái út của họ ra đời ở Việt Nam và bị bệnh tâm thần trầm trọng đã hoàn toàn bình phục.

VẾT SON

Vị Cha xứ trẻ tuổi đứng với tôi trong căn phòng khánh tiết sáng láng, giữa bốn vì tường kín đặc những phóng ảnh lớn chân dung những Tổng Thống Hoa Kỳ tiền nhiệm, trên thượng tầng chót vót tòa nhà Thông Tấn Quốc Tế, ông mạnh mẽ trong tấm áo chùng thâm óng ả thả dài tới mắt cá chân, cặp mắt một mí trẻ thơ hơi lồi sau kính trắng êm đềm ném tới một khúc quanh của dòng sông Potomac ở xa xa.

Đang giữa mùa đông. Khúc quanh đóng băng.

Dưới chân chúng tôi, con đường 14 ong bướm đọa lạc và thủ đô Hoa Thịnh Đốn rét mướt run rẩy trong sương mù giăng kín.

Chúng tôi vừa đi dạo một vòng trên đại lộ Pennsylvania, sau bữa ăn trưa cha dẫn tôi trong một tiệm ăn Tàu sang trọng, chủ nhân, cha cho biết, là một tướng lãnh Thái cao cấp ôm bạc tỷ đào tẩu khỏi Bangkok, thời gian Kittikachorn bị hất xuống. Bữa ăn có rượu chát Pháp thượng hạng. Và đồ nhậu một người sành ăn gọi. Tôi buông đũa, ngồi nhìn vị Cha xứ tội nạn còn ngon miệng ăn tiếp. Sau đó, cơ thể no đủ ấm áp, chúng tôi thả bộ trở lại tòa nhà Báo Chí này, chờ một người bạn ký giả đang dự cuộc họp báo kết thúc

hòa đàm của Tổng Thống Carter và Thủ tướng Pakistan ở phòng họp báo kể bên.

Tôi mời Cha một điếu thuốc lá. Ông vừa hút bập bập vừa đưa điếu thuốc lên nhìn như nó là một vật thể kỳ lạ mới ngó thấy lần đầu. Câu chuyện trao đổi trong cổ áo kéo cao và hơi thở ra khỏi dưới những bóng cành trụi lá của con đường Pennsylvania, tiếp tục:

– Ông Nguyễn rời Sài Gòn vậy là sau khi Cha Thanh và các Cha trong phong trào tranh đấu đã bị bắt?

– Vâng. Cha Thanh bị bắt trước nhất. Cộng sản kết tội Cha và các đồng chí của Cha là nhân viên CIA gài lại.

– Giêsu!

– Chúng nói cuộc tranh đấu chống

tham nhũng, chống độc diễn của các Cha nhằm lật đổ Thiệu, thực chất chỉ là vâng lệnh quan thầy CIA hất xuống một kẻ không còn chịu tuân lời chủ Mỹ, đưa lên một Tổng Thống bù nhìn khác, dễ bảo hơn. Giêsu! Chúng dám đặt điều oan khuất cho các Cha như vậy?

Giữa con đường Pennsylvania nườm nượp công chức Mỹ nam nữ hồng hào béo tốt bỏ sở đi ăn lunch, hai chữ Giêsu thắng thốt kêu lớn một cách rất Việt Nam, rất Xóm Mới, nghe vui tai lạ. Nó ngộ ngĩnh, thơ ngây. Rất chất phác và rất đạo gốc.

– Còn Cha Định?

– Tôi cũng đang muốn nói với Cha về Cha Định Bình Định. Ông cũng bị bắt giữ như hơn hai trăm Cha thuộc

Giáo Hội miền Nam, nhưng trong một trường hợp đặc biệt. Đó là vị Cha xứ cương cường và đấu tranh nhất sau miền Nam mất. Trong khi các địa phận khác tạm im lặng trước đổi đời. Chuông vẫn đổ hồi ở nhà thờ Tân Chí Linh mở rộng, Cha Định vẫn làm lễ, vẫn thuyết giảng mỗi sáng chủ nhật. Trong một bài giảng đã trở thành bất hủ đối với trí nhớ và lòng kính phục vô bờ bến của hàng triệu người miền Nam từ đó, Cha Định nói: “Tôi, linh mục Định Bình Định, tôi tiếp tục chống lại mọi hình thức áp bức và độc tài, bất cứ từ đâu tới”. Cộng sản vây kín họ đạo Tân Chí Linh. Cha Định bị bắt đưa đi biệt tích vì lời giảng ấy.

– Xin Ông Trên phù hộ cho người.

Chúng tôi cùng im lặng một lát. Giữa anh dũng Tân Chí Linh. Giữa bất

tử Định Bình Định, Rồi ánh mắt đang thư thái mơ màng với khúc quanh đóng băng của dòng sông Potomac ở xa xa nơi người Cha xứ tị nạn đứng cạnh tôi chợt xao xuyến, chợt khổ sở. Như nó vừa đắm suốt một bởi một niềm đau đón dữ dội.

– Ông Nguyễn.

– Thưa Cha.

– Ông nghĩ thế nào về một vị Linh Mục đã bỏ con chiên, bỏ họ đạo, chạy trốn một mình?

– Tôi không dám nghĩ gì hết. Ngoài điều này. Hoàn cảnh khốc liệt thì lựa chọn cũng khốc liệt. Lựa chọn nào cũng là một thảm kịch. Và một vị linh mục cũng bị đẩy tới trước một lựa chọn. Như mọi người. Không có số phận khác biệt.

Xua tay. Xua tay. Lắc đầu. Lắc đầu liên hồi.

– Tôi không phải là một người. Tôi là một Linh mục. Một kẻ đã nguyện dâng trọn vẹn đời mình cho phụng thờ Chúa, không có cuộc đời riêng ở thế gian này. Kẻ đó không còn cái quyền lựa chọn. Kẻ đó phải vâng mệnh bề trên, phục tòng ý Chúa. Tuyệt đối. Tôi được lệnh phải ở lại với họ đạo của tôi, với con chiên của tôi. Tôi đã bỏ đi.

Dụi tắt điều thuốc, ông đi đi lại lại, bốn chồn trên mặt thảm Ba Tư đỏ chói. Và kể cho tôi về sự khổ sở không cùng ấy.

Trước một tra vấn. Trước một cực hình. Đêm nào trở về căn phòng lạnh buốt của tôi ở một giáo đường Hoa Kỳ trên đường 19, tôi cũng quỳ trước tượng

Chúa, ông Nguyễn. Tự hỏi và cầu nguyện. Cầu nguyện và tự hỏi. Rằng Chúa có cho phép tôi vượt biển như tôi đã làm? Rằng một Linh mục Việt Nam như tôi tới nơi chốn này để làm gì?

Tôi dịu dàng:

– Đất nước đã đổi đời và đã lật sấp. Từ những Pendleton, Fort Chaffee. từ những Pulau Besar, Pulau Bidong, đã đẻ ra những bốn đạo mới. Cha tới đây để dẫn dắt cho những con chiên mới của Cha trên những bốn đạo mới.

– Bốn đạo nào của tôi? Căn phòng nguyện lạnh lẽo của tôi lơ lửng giữa một giáo đường Mỹ. Con chiên nào của tôi? Ông Nguyễn nhìn xem. Chung quanh tôi hoàn toàn người da đen. Những người da đen của con đường 14.

Phòng họp báo kể bên náo động. Cuộc họp báo chấm dứt. Đám vệ sĩ Mỹ mặc thường phục, cao lớn, súng gỗ sau ngực áo, ào ạt xô ra. Trong chen lấn, thấp thoáng nụ cười mở rộng của vị Tổng thống đương nhiệm và cái mũ fez quốc khách.

Chúng tôi theo người bạn ký giả xuống đường. Con đường 14 sương đã tan nhưng khi trời còn lạnh buốt. Tấm áo chùng thâm óng ả của vị Cha xứ Việt Nam trẻ tuổi lách giữa những bầy phụ nữ da đen đứng từng tốp và đang ngắt ngô cười giỡn với nhau cạnh những cột đèn. Chị nào thân xác cũng ngồn ngộn. Son phấn họ nhể nhại. Nước hoa họ thơm gắt. Tôi bậm miệng không dám cười, nháy mắt với người bạn, cùng liếc

sang vị Cha khả ái của chúng tôi, nét mặt nghiêm lạnh, hai mắt ngó thẳng bước thân trọng giữa cánh rừng phấn hương lơ lả.

Bỗng một ả trong đám chợt nhìn thấy cái áo chùng thâm và vị linh mục da vàng. Một vị linh mục trôi giạt. Không có nhà thờ. Không có bốn đạo. Và đang đi trên con đường 14. Vụt tách khỏi đồng bọn, ả tới đứng cản đường Cha. Tôi ngừng thở trước sự cản trở bất ngờ, chờ đợi ở người đàn bà đen của vỉa hè dọa lạc một hành động trêu ghẹo bất kính. Không. Rất ngoan đạo, ánh mắt thành khẩn, chị tay quỳ một gối xuống, kính cẩn làm dấu thành giá. Đoạn, nói một câu tiếng Anh như một lời xin phép, rồi ôm lấy vị Cha Sứ tị nạn của chúng tôi, hôn lên hai gò má của ông. Xong, chị ta lùi lại, cúi đầu xuống và để cho ông đi.

Rẽ sang con đường khác rồi, tôi và người bạn ký giả mới dám cười lẫn ra. Cha bật cười theo. Tôi yêu mến nắm lấy cánh tay áo đen, nói:

– Đó. Những con chiên mới của Cha?

– Thật vậy không, ông Nguyễn?

– Thật, Cha. Đó, những bốn đạo, những con chiên trôi giạt của Cha, một vị Cha xứ Việt Nam lưu đày và trôi giạt.

Cha tủm tỉm cười, cẩn thận dùng khăn tay lau sạch hai vết son môi ướm nhẩy in hằn trên hai gò má. Hai gò má. Má phải. Má trái. Như lời Chúa nói. Như trong Kinh Thánh.

Chúng tôi chia tay nhau.

GIỮA HAI CƠN MƯA

Chiếc xe hơi ngừng trước lối vào chung cư, nhìn ra từ bên trong khung kính mờ hơi nước đọng là hai tòa nhà tường mái trần trụi chạy dài vào sâu hút một bãi hoang ngập ngựa rác rưởi cuối đáy bãi đậu xe chung, những dãy xe im lìm nằm dưới màn mưa bay nghiêng trên những cầu thang lộ thiên, nước ào ào trút xuống từ những bậc xi măng ướt loáng. Chủ nhật. Bảy giờ sáng. Đời sống

Mỹ trên khắp vùng Tây Bắc buốt lạnh còn vắng ngắt, chưa một bóng người ngoài trời đất gió mưa tầm tã.

Người bạn Huấn vỗ mạnh vào đùi chàng, đùa cợt:

– Bạn có thể lên phòng, thay ngay quần áo, ngả xuống một mặt đệm, đánh một giấc quên đời đến chiều đến tối. Lâu lắm mới giữ lại một đêm đã cần nhàn suốt dọc đường là lạ giường, lạ chiếu, mất ngủ tới sáng. Trước, khắp đất trời là nhà, đang tử kia mà! Bây giờ “khuê phòng” quá vậy? Bộ có em đang nằm chờ sao?

Trước. Bây giờ. Lời nói vô tình như vừa đụng chạm tới một thương tâm dấu kín khiến Huấn muốn nổi sùng lên. Không hưởng ứng với câu đùa nghịch chàng thấy vô duyên và lạc điệu hết chỗ nói,

Huấn mở mạnh cửa xe, bực bội bước xuống. Trận mưa buổi sáng đón chàng từ nhà người bạn đi ra, trận mưa đuổi theo chàng suốt lộ trình, trên cây cầu treo vắt qua dòng sông ngăn chia thị trấn thành hai miền biệt lập, qua những đường phố hiu quạnh nhộp nhúa, dày và nặng hạt hơn. Màn mưa ném thốc tháo làm tối tăm mặt mũi càng làm cho cơn giận của Huấn bùng vỡ. Buông một tiếng chửi thề tục tằn, Huấn cầm đầu chạy rào trên lối vào lênh láng, nhảy ba bậc một cái trên cầu thang lộ thiên nước đổ ào ào. Và hấp tấp tìm tra chìa khóa vào ổ khóa.

Cánh cửa phòng chỉ vừa đụng tới đã từ từ mở ra khiến Huấn chờ người kinh ngạc. Tối qua đi, Huấn nhớ đã khóa cửa, rất cẩn thận. Cả khóa trên, khóa dưới. Với tuổi, chàng đã biết sống chu đáo, kỹ lưỡng. Hồi gần đây, khu phố lại có một

đám du đảng da đen không biết từ đâu kéo tới, chúng đã cạy cửa vào khiêng sạch đồ đạc ở nhiều nhà.

Lẳng tai nghe không thấy động tĩnh gì, Huấn đẩy hần cánh cửa ra, thận trọng bước vào. Lần này thì sự kinh ngạc ở chàng càng tận cùng hơn, kêu lên thành tiếng: nằm chình ình ngay chính giữa mặt thảm của căn phòng khách độc thân trần trụi là hai cái va-li da, một nâu một trắng, một lớn, một nhỏ, cả hai cùng mở toang. Kẻ nào đã tới phòng chàng trong đêm? Làm sao mở được cửa vào? Huấn tỉnh ngủ hần và từ từ tiến lại. Cả hai va-li đều thuộc loại thượng hạng, rất đắt tiền. Miệng va-li mở rộng từ đó tỏa lên một mùi hương phấn thơm ngát, cùng những quần áo, đồ lót ở bên trong, tất cả đều là vải lụa mịn vàng óng ả khiến Huấn sững người thêm một lần nữa. Hai

chiếc va-li đàn bà. Của một người đàn bà. Trời đất! Nhưng người đó là ai vậy? Người đàn bà nào đã tới đây trong đêm, không một dấu hiệu báo trước, thỉnh linh đột nhập như một đột nhập quái dị vào đời sống ẩn dật của chàng, vào cái thế giới đã mười năm khép kín của chàng, ở chốn này? Huấn nhìn quanh về phía phòng ngủ. Cửa phòng chỉ khép tới nửa chừng. Bên trong lặng như tờ, không một tiếng động. Nhón gót, Huấn từ từ đi tới, mở lớn mắt nhìn vào. Cùng với một đôi ủng phụ nữ nằm nghiêng dưới chân giường, một hộp đồ trang điểm mở nắp trên mặt cái bàn nhỏ, Huấn nhìn thấy chiếc khăn bông, chiếc chăn bông của chàng, tối trước gấp xếp ngay ngắn, chiếc chăn đã bị hất tung ra, phủ kín mặt giường và một thân người bất động nổi phình ở dưới nó. Người đàn bà nào đó đang nằm ngon lành trên giường ngủ

của chàng. Và đang ngủ, rất say.

Phân vân, không biết nên xử trí thế nào, Huấn quay trở ra, đội mưa xuống thang, tới đập cửa phòng ông già manager.

Ông lão vừa họ xù xụ từng hồi, vừa trả lời Huấn:

– Ai mở cửa phòng cho cô ấy vào?
Lão già đáng thương này chớ còn ai nữa?

– Một cô?

– Phải, một cô. Rất trẻ, rất đẹp. Khoảng 4 giờ sáng, tôi bị đánh thức bởi một tiếng xe hơi ngừng lại trước cư xá, rồi là tiếng giày phụ nữ ình ình trên lối vào và tiếng đập cửa phòng tôi rầm rầm. Thoạt đầu tôi không chịu, nói luật lệ cư xá buộc vậy, phải đợi ông về. Nhưng cô

ấy dữ quá, đậm chân la lớn. Nói là vợ ông và từ xa tới đây, đã lái xe một mạch suốt đêm không ngừng trên xa lộ và đòi tôi đưa ngay chìa khóa vì đã buồn ngủ cứng mắt.

Ông lão nhún vai tỏ vẻ sợ hãi:

– Suốt đời làm manager cư xá của tôi, thật chỉ mới đêm qua tôi mới đụng đầu với một cô nhỏ lắm liệt oai quyền như thế. Bắt tôi đưa chìa khóa đã xong đầu. Còn sai tôi ra xe xách hai chiếc va-li lên tận phòng cho cô ta nữa. Điều lạ lùng là tôi đã liu riu làm theo. Ông Huấn, ông vẫn chưa biết người con gái ấy là ai sao?

Huấn nín thinh không trả lời. Chàng lại đội mưa trở lên phòng. Đốt thuốc hút. Ngồi xuống ghế bành. Nhìn trân trân hai chiếc va-li mở toang. Và nhẩn nại chờ đợi.

Sự kinh ngạc của Tuấn rất thành thực. Sự bất ngờ và khó hiểu của chàng cũng vậy. Và nguyên nhân của chúng là cái nếp sống của Huấn, từ mười năm trên quê người, đã là một thay đổi hoàn toàn. Như chàng đã là một con người khác. Như đời sống chàng đã là một đời sống khác. Khác hẳn, không còn một dấu vết của đời sống cũ. Quá khứ, ở Sài Gòn, những chiếc va-li phái nữ bỗng dưng nằm chình ịch ở phòng khách chàng như hai chiếc va-li kia, trong khi chàng vắng mặt, những người đàn bà tới ngủ ngon lành trên giường ngủ của chàng, lúc chàng không có nhà như người con gái chưa biết là ai đang ngủ vùi trong phòng ngủ kia, với Huấn đều là những việc thông thường xảy ra, không bao giờ làm chàng bất ngờ, không bao giờ làm

chàng kinh ngạc. Trong quá khứ, nếp sống Huấn đang tử, đúng như người bạn hồi sáng đưa về nói, một nếp sống thả lỏng, bừa bãi, với căn phòng khách sạn của chàng ở một tầng lầu đường Nguyễn Huệ, căn phòng không bao giờ khóa cửa, cho những người tình, bạn gái, không nhớ hết, không đếm hết, từ một chiếu bạc, một sàn nhảy tự do tới, bỏ đi tự do, trở về bất kể ngày đêm. Mở cửa. Hai giờ sáng. Một bộ đồ lót viền đăng ten, một cái váy lụa, một chiếc áo kim tuyến ném liệng ngổn ngang trên thành ghế, dưới mặt thảm. Mở cửa. Bốn giờ sáng. Mùi nước hoa thơm lừng, tiếng nước dội ào ào trong phòng tắm. Mở cửa. Hai giờ trưa. Một tiếng hát giọng kim thanh thoát từ trong phòng ngủ lọt ra, một tiếng cười: em đây, anh về đấy à? Tảng sáng. Giữa trưa. Đầu chiều. Nửa khuya. Những lông mày và môi son. Những suối tóc và những tà áo.

Cánh bướm này bay đi, cánh bướm kia bay tới. Gót son này vừa ra khỏi phòng, gót son khác đã trên gót giày nhọn hoắt từ dưới cầu thang lên. Cũng là một cuộc vui thôi. Một cuộc vui thanh bình, cùng tuổi trẻ, cùng yêu đời kéo dài suốt mấy chục năm, như một hội vui không có bờ bến và giới hạn nào, một hội vui triển miên không dứt. Và cửa phòng Huấn thì không bao giờ khóa. Và những xuất hiện đột ngột nhất, như người con gái nào đó đang ngủ vùi trong phòng đêm qua chàng không về, cũng không bao giờ làm Huấn ngạc nhiên. Những cảnh tượng ấy là một bộ phận của đời sống chàng. Với chàng đã trở nên quen và thường lệ.

Biến động. Cái thế giới bao năm yên bình của Huấn như mọi thế giới lớn nhỏ

chung quanh, trái mìn của đời thành linh nổ tung, làm tan vỡ thành muôn nghìn mảnh nhỏ. Bạn bè, anh em bị dồn hết tới các trại cải tạo. Người em rể chết ngay ở một trại tập trung ngoài Bắc. Huấn cũng phải trốn lánh, đi vào đời sống ngoài vòng pháp luật của kẻ thù. Cho đến một đêm chàng ra biển được, giạt vào được một bờ bến Mã Lai và được bảo lãnh đón vào đất Mỹ. Biến cố thay đổi hẳn Huấn. Đời sống chàng. Thân thể chàng. Thời gian đầu, chàng lang thang ở miền Đông. Như một linh hồn không điểm nương tựa. Chàng trở nên cách biệt, khép kín với chính chàng, với hết thảy. Những cuộc vui, Huấn không nghĩ, không tìm kiếm nữa. Trên cái nền hắt hiu tro trọi là tâm thức chàng trong lũy thứ đơn độc, ngược hẳn lại với nền trời dĩ vãng, không còn một bóng dáng đàn bà kiều diễm nào hiện lên. Rồi được một

người quen giới thiệu cho một việc làm tối tăm ở Tây Bắc, chàng tới ngay vùng địa đầu xa thẳm này và ở lại đó, vô danh, ẩn dật, gần như không dấu vết không hình bóng, tới nay đã mười năm.

Có nhiều bằng hữu thân thiết rải rác trên nhiều tiểu bang Hoa Kỳ, bằng hữu của những ngày vui những đêm vui cũ nhưng tới Mỹ là Huấn chặt đứt ngay cho chàng hết thảy mọi liên lạc. Không thư từ. Không điện thoại. Đôi khi cũng có một vài người bạn tìm được địa chỉ Huấn. Viết thư thăm hỏi. Chàng đều không trả lời, mặc bạn muốn nghĩ về chàng thế nào thì nghĩ. Chẳng còn gì để sống. Chẳng còn gì để nói. Chẳng còn gì để gặp. Huấn thưởng nhủ thầm với chàng như vậy. Đi ngược con đường tìm kiếm lại những dấu tích và kỷ niệm dĩ vãng, như Huấn thường thấy là vậy ở những tâm

thể ngoài nước bây giờ, Huấn thẳng tay ném trả con người quá khứ chàng xuống tận đáy cùng mộ huyết của nó. Như quá khứ ấy đã là một mất tích hoàn toàn. Như nó chưa từng có. Và trên sự khai quang và chặt cầu tàn nhẫn ấy, phần đời còn lại của Huấn, Huấn muốn nó là một tách thoát, một khép kín hẳn với chung quanh, với mọi người. Cách sống này trở trọi vô cùng. Âm thầm vô chừng. Nhưng Huấn đã lựa chọn. Và thấy nó thích hợp với tâm hồn chàng, chừng như đã chết từ đêm nào bỏ nước ra đi.

Căn phòng sáng chiều đóng kín, tưởng như rêu phong đã phủ kín lối vào, người đàn ông âm thầm sáng đi, chiều trở về, không giao du với ai, thoát đầu cũng đem lại phiền phức. Những gia đình trong cư xá xì xào bàn tán. Huấn mặc. Rồi mọi người cũng để Huấn yên.

Ở sở, Huấn cặm cụi làm việc trước cái bàn vẽ. Nó cũng im lặng như chàng vậy. Buổi chiều, trừ những buổi phải tạt vào siêu thị mua thực phẩm và đồ dùng cần thiết, Huấn lên bus, ngồi thu mình ở đáy xe, khuôn mặt bất động, về thẳng phòng mình. Lâu dần, cái nếp sống cực kỳ cô độc trở thành thân quen. Và Huấn, trực xuất khỏi chàng mọi trạng thái tâm hồn mà Huấn thấy là chỉ bắt chàng suy nghĩ và bận tâm vô ích, cuối cùng đã tạo được cho chàng, giữa cảnh thổ Tây Bắc hiu hắt, một thế giới riêng, ở ngoài ở xa mọi đột nhập, mọi xâm phạm.

Vậy mà bỗng có một người đàn bà từ đâu tới, với hai cái va li mở toang nằm chình ình giữa phòng khách kia, đang ngủ vùi trong phòng ngủ của chàng. Huấn không khó hiểu, không kinh hoàng làm sao cho được.

Trận mưa đã ngớt. Tiếng mưa bên ngoài nhỏ đi. Chỉ còn là một rì rào trên mái. Sự chờ đợi kéo dài. Toàn thân Huấn mỏi rũ. Trọn đêm qua không ngủ, chàng đã buồn ngủ cứng mắt. Phải có ngay một ly cà phê đen. Thật đặc. Để chống lại giấc ngủ, Huấn đứng lên. Lấy cái ấm đồng, vặn nước, đặt lên bếp. Và chàng mới nhìn thấy cái mẫu giấy nhỏ, dính dưới máy điện thoại: “Em tình cờ có được địa chỉ của anh, qua một người bạn anh, khi đi qua Texas. Bèn trở về Los, và lái xe lên ngay đây. Đừng mắng ông già manager, tội nghiệp. Em lái xe suốt đêm. Để cho em ngủ, Phụng”

Mẫu giấy dính tòng teng. Như một trêu nghịch tinh quái. Huấn gỡ nó ra. Đọc lại. Nhìn kỹ từng chữ. Mấy dòng chữ viết nguệch ngoạc, nét chữ bừa bãi phóng túng. Phụng. Chưa có ly cà phê

mà Huấn đã tỉnh ngủ hẳn. Chàng vỗ trán, la thầm trong đầu: Phụng, quý sứ này, thế mà không nghĩ ra. Tới trước phòng ngủ, Huấn đẩy rộng thêm cánh cửa khép hờ, nhìn vào. Cái thân hình nổi lên trên mặt giường vẫn bất động dưới tấm chăn trùm kín. Huấn lắc đầu, bật lên một tiếng cười ngắn. Tiếng cười vừa có sự bức bối vừa có sự ngộ nghĩnh. Chàng xuống phố mua thuốc lá. Để yên cho Phụng ngủ. Và để yên luôn cho sự đột nhập trở lại của Phụng vào đời sống của chàng.

Đoạn đường ra tới tiệm Seven Eleven cuối phố và trở về, bằng sự có mặt đột ngột của Phụng đến từ trong đêm, đến từ rất xa, những dấu tích và kỷ niệm quá khứ tưởng đã nhận chìm vào quên lãng đồng loạt thức dậy trong Huấn, ào

ạt như một dòng thác lũ. Dòng thác cả ngàn con sóng. Và Phụng là con sóng trắng xóa ngỗ nghịch nhất.

Huấn gặp Phụng lần thứ nhất một đêm, đã thật khuya. Ở một vũ trường Chợ Lớn. Chàng đi chơi một mình. Phụng thì với cả một đồng bạn, cả trai lẫn gái. Chàng ngồi ở một đầu quầy, uống đã say ngất, nhìn đứa con gái mặc váy ngắn, vai trần, ồn ào nhất đám, bản nhạc nào cũng ra sàn nhảy và đặc biệt là quay valse thật tròn, thật bay. Quen nhau thế nào, Huấn cũng không nhớ nữa. Câu chuyện mở đầu như thế nào, Huấn chỉ nhớ thoáng.

Đâu như:

– Đêm nào ông cũng uống nhiều quá.

– Cô biết?

– Biết. Ông ăn chơi nổi tiếng mà. Vũ trường nào cũng có mặt. Tôi cũng vậy. Nhưng còn trẻ, chưa bằng ông thôi. Tôi đang buồn, thằng người tình vừa bỏ, ông cho tôi đi ăn đêm với ông đi.

Lối nói thẳng băng. Tiếng cười, cái nhìn cũng vậy. Bằng kinh nghiệm, Huấn thấy ngay đó là tỏ hiện của một tâm hồn tốt đẹp. Một tâm hồn có thể gió bão, bất thường nhưng tốt đẹp. Chàng bật cười, nói tại sao không, và trả tiền rời quầy, đưa Phụng trở về Sài Gòn, đi ăn đêm với nàng ở một tiệm ăn quen. Buổi sáng hôm sau thức dậy, chàng thấy Phụng ngủ ngon lành ở cạnh. Và như vậy, Huấn đã để người con gái đi vào đời chàng, vô điều kiện.

Có điều kiện lại không được. Hẳn vậy. Chắc chắn. Phụng có một lối sống rất tự do, độc lập. Có lẽ là độc lập tự do nhất trong tất cả những người đàn bà chàng đã gặp ở trong đời. Ở với chàng hai ngày, rồi Phụng bỏ đi, cũng đột ngột, tự nhiên như khi nàng tới. Buổi sáng, nàng còn ngủ khi chàng đi làm. Buổi chiều trở về, đã không thấy đâu nữa. Không cả một dòng chữ từ biệt. Huấn đứng lặng, giữa căn phòng không còn một dấu vết nhỏ của nàng. Hai ngày ở cùng, Phụng cực kỳ bừa bãi. Căn phòng như có một trận bão lớn thổi qua. Quần áo, giày dép, son phấn tùm lum tà la. Nhưng đi, Phụng đã cất dọn, thu dọn lại rất sạch sẽ, ngăn nắp. Từ phòng ngủ tới phòng tắm. Từ cái tủ áo của chàng đến những cuốn sách của chàng. Phẳng phiu. Ngay ngắn. Huấn đã yêu lắm cái sự thể ấy. Nàng đột nhập mà không làm phiền. Nàng ào tới. Như một

cơn địa chấn. Nhưng nàng đi, dịu dàng, không tiếng. Như một hơi gió, một làn hương.

Lần đầu ấy, Huấn chẳng biết gì về Phụng. Cuộc đời nàng. Con người nàng. Không biết. Sau này. Mãi mãi. Phụng không nói. Chàng cũng không hỏi. Về chàng cũng vậy. Phụng không hề tò mò, hoặc để lộ một ý muốn chiếm hữu, đòi chàng phải cho biết điều này, điều nọ về chàng, như phần lớn những người tình của Huấn đều không tránh được thương tình ấy, và đó cũng là điều Huấn rất mến yêu. Rồi một thời gian dài. Rồi Huấn quên nàng đi. Rồi một đêm khuya nàng trở lại, cũng tự nhiên như lần đến trước. Thức dậy, Huấn lại thấy người con gái nằm ngủ ngon lành ở cạnh, nghe thấy tiếng hát nhỏ, thanh thoát, trong phòng tắm, buổi chiều hai người cùng xuống phố đi ăn

cơm tiệm như một cặp tình nhân ở với nhau đã nhiều năm. Một trong những lần trở lại như thế của Phụng, Huấn nói:

– Sao không cho anh biết trước?

– Anh bắt em phải vậy sao?

– Không. Chỉ đề phòng trường hợp anh đi xa, vắng nhà nhiều ngày.

– Em sẽ đi, không có vấn đề gì hết.

Lần đó, người con gái đã có một biểu tỏ rất xúc động, rất nồng cháy. Nàng âu yếm nhìn Huấn, rồi chảy nước mắt. Nàng ôm chặt lấy Huấn, nói lâu lâu nàng lại muốn trở về, chỉ vì Huấn là người tình duy nhất để cho nàng được hoàn toàn, được mãi mãi tự do. Lần ấy, Phụng rất tiêu tụy. Đêm lên cơn sốt. Ho nhiều. Người gầy hằn. Mặt mũi nhợt nhạt.

Nhưng vẫn gượng đùa cười, và nhất định không để chàng đưa đi bác sĩ. Giọt lệ chảy ra lần đầu, cũng là lần cuối cùng. Không bao giờ Huấn thấy nàng khóc nữa. Cũng không thấy một lần đau khác. Có lẽ Phụng đã tránh trở lại với chàng giữa một tình trạng đau yếu. Cũng là Huấn phỏng đoán mơ hồ vậy thôi.

Sân quần vợt nằm ở dưới thấp, những đường kẻ trắng nổi hình trên mặt xi măng xám, đôi chỗ chưa khô ráo hẳn vì trận mưa đêm. Gió rào rào trong những lùm cây cao vây bọc như một hàng rào xanh ngắt. Huấn ngồi trên một gò đất, hút thuốc lá, nhìn xuống Phụng, quần ngắn, giấy vãi, áo sợi đỏ chói, một khăn lụa tím cột ngang trán, vừa thoăn thoắt chạy lên, lùi xuống vừa đập thật

mạnh những trái banh sang phía đối thủ là đứa con gái da đen ở cùng một cư xá với chàng. Trận đấu quyết liệt, tận lực, lúc là những tiếng chửi thề ngon lành, lúc là những chuỗi cười giòn giã, thích thú của Phụng, khi nàng đỡ hồng một trái banh hay đánh được một đường bay hay. Phụng có lối làm quen rất nhanh, rất Mỹ. Đứa con gái da đen đã trở thành người bạn mới của nàng, sáng sáng cùng tới sân quần vợt.

Sau bao năm đứt đoạn, một đêm đột ngột lái xe suốt đêm không nghỉ lên Tây bắc tìm chàng, Phụng đã ở lại với Huấn tới tuần lễ thứ hai. Chàng vẫn không biết gì hơn về Phụng ngoài điều nàng kể đã lái chiếc xe Cadillac một mạch 18 tiếng, với tốc độ 80 dặm một giờ từ Los Angeles lên tới trước cửa phòng chàng, tới đúng boong, cứ theo bản đồ mà đi,

không một lần phải hỏi đường khiến Huấn tròn mắt khâm phục. Biết thêm nàng có gia đình người chị ở một thành phố vùng ngoại vi Los, nàng không ở với chị, chỉ thỉnh thoảng về thăm. Biết thêm: nàng rất ham chơi quần vợt, năm ngoái đã sang tận Luân Đôn xem giải Wimbledon, năm nay chắc lại đi nữa. Và ngửa cổ cười lớn: “Mc Enroe là thần tượng của em”. Mấy ngày đầu, nàng bảo Huấn cứ đi làm như thường lệ, buổi sáng cứ đi làm như thường lệ, buổi chiều nàng đưa xe tới sở đón. Huấn nghe theo. Ra tới cửa sở, đã thấy chiếc Cadillac mới tinh chờ sẵn, Phụng hút thuốc lá, phục sức rất đằm dáng, vẫy tay cười và hai người cùng đi ăn tối, đi nghe nhạc tới khuya ở thành phố dưới lòng vịnh.

Mấy đêm liền như thế xem chừng có làm Phụng mỏi mệt, mặc dầu là một

mỗi mệt rất che giấu. Huấn xin nghỉ mười ngày ở nhà. Những cuộc đi chơi đêm cũng thu ngắn lại hơn. Cử chỉ săn sóc ấy chừng như làm Phụng rất sung sướng. Cái khía cạnh ngộ nghĩnh, đàn ông tính thu nhỏ hẳn, nàng đàn bà và dịu dàng hơn, như ở nàng vừa có thêm một người đàn bà khác. Sáng sáng, trên chiếc xe hơi của Phụng, chàng đưa nàng đi thăm hết mọi danh lam thắng cảnh của Tây Bắc. Thành phố chạy dài dưới lòng vịnh. Những tiệm ăn đồ biển khu Bến Tàu, nơi còn lưu giữ những dấu tích cổ cũ nhất của thành phố. Những mặt hồ, một góc là cái rừng cột buồm sặc sỡ của những du thuyền. Chỗ ngồi uống rượu lộ thiên bên cạnh cái đập nước, nơi có những đoàn tàu nối đuôi nhau từ biển trở về, cũng là nơi Phụng rất thích và đòi chàng trở lại nhiều lần. Một chuyến đi chơi hai ngày, ngủ đêm ở khách sạn, ở

thành phố Vancouver bên kia biên giới Canada nữa. Hai người lang thang ở khi Chinatown, thật khuya còn ngồi nghe nhạc ở một quầy rượu dưới hầm.

Mọi chi tiêu, Phụng tranh trả hết: “Em mang theo rất nhiều tiền. Anh đừng để ý tới điều nhỏ nhặt ấy.” Huấn gật, chịu. Khoản tiền lương công chức hữu hạn của chàng đâu có cho phép. Đôi lúc chàng cần nài khi thấy Phụng tiêu xài như một bà hoàng, như ném tiền đi, không coi tiền bạc vào đâu. Và Phụng rất nghiêm trang: “Đã có những thời kỳ em làm việc cực nhọc bằng mười sức đàn ông. Để có tiền. Nhưng với anh, thích tiêu đi, vậy thôi, đừng la em.” Huấn thôi, không la nữa. Nàng hoàn toàn tự do, chàng nghĩ thầm. Trước sau hãy để vậy, nàng đến, nàng đi, nàng sống, nàng hoàn toàn tự do.

Có hai ngày mưa lớn, phải ở nhà. Đó là hai ngày nhớ lại, Huấn thấy nàng hồn nhiên và sung sướng nhất. Hai ngày này, nàng thức dậy thật sớm, trước Huấn. Chàng thức, đã thấy nàng, ung da, áo tôi mưa lướt thướt đi chợ về. Nàng làm điểm tâm, món trứng chiên thịt ướp rất nghệ thuật và của một người sành ăn, cả hai được ngồi ăn cạnh cửa sổ, nhìn ra mưa mù mịt khung kính. Buổi trưa, mới là một trổ tài nấu nướng thật sự. Cá kho. Canh chua. Cả dưa cải muối xổi ăn ngay nữa. Nhìn người con gái, một ly rượu chát để cạnh, một tay điều thuốc, một tay ung dung, thành thạo xào nấu. Huấn đã tới hôn vào tóc nàng và nói đùa chàng đang có trong phòng một người phụ nữ Mỹ hoàn toàn làm những món ăn thuần túy Việt Nam. Tài nội trợ ở Phụng khá thật. Điều này khiến Huấn kinh ngạc, ở một người con gái sống một mình và

bất cần đời như nàng. Một buổi trưa, sau bữa ăn, nàng còn lấy kim chỉ mang theo, thoăn thoắt ngồi khâu, may lại hàng chục cái áo sơ mi đứt khuy, cháy thuốc lá của Huấn nữa. Và điểm đậm giải thích:

– Ngày trước ở nhà, em đâu biết làm. Nhưng đời sống ở Mỹ, anh không thấy sao, gì cũng phải làm lấy hết.

Sự bỏ đi của Phụng làm Huấn bàng hoàng kinh ngạc. Nàng đã bỏ đi nhiều lần, ngày trước ở bên nhà. Nhưng Huấn lại nghĩ là Sài Gòn ngày xưa khác, bây giờ ở Mỹ khác. Đến với chàng lần này, nàng cũng đảm đảm dạn dạn hơn. Khiến Huấn tưởng nàng có bỏ đi, ít nhất cũng sau một thời gian lâu dài hơn là hai tuần lễ ngắn ngủi. Không phải vậy. Nàng vẫn

bỏ đi, không một lời nói trước. Xuống phố trở về, không thấy chiếc xe đậu trước lối ra vào cư xá nữa, Huấn nhảy ba bậc cầu thang một chạy lên. Tiếng ông lão manager từ dưới nói lên khiến Huấn khựng lại: “Cô ấy đi rồi. Đã xuống chào và trả lại cho tôi chìa khóa. “Lòng nặng trĩu, Huấn mở cửa phòng bước vào. Căn phòng khách sáng láng, trống không, buồn bã. Trong phòng ngủ, mặt đệm phẳng phiu, hai cái gối xếp ngay ngắn. Một mùi thơm phảng phất. Huấn cúi đầu quay ra, trong lòng hơi thất vọng. Chàng vẫn bằng lòng để Phụng được hoàn toàn tự do. Như một giao ước gìn giữ mãi mãi, không bao giờ thay đổi.

Nhưng thất vọng thì có phần thất vọng. Chàng ném mình xuống đi-văng, thừ người ra. Lúc đó chàng mới nhìn thấy mẫu giấy dính ngay tầm mắt.

Chàng tới đọc. Chữ Phụng. Vẫn tuồng chữ nguệch ngoạc buông thả. Tất cả là những dặn lại, khá ngộ nghĩnh. Mẫu giấy thứ nhất dính ở chao cây đèn đứng, đầu đi-văng, nơi Huấn thường nằm đọc sách: “Nhớ bật đèn, kéo hại mắt”. Mẫu thứ hai ở chính giữa cái bếp điện: “Nhớ tắt điện trước khi đi”. Mẫu thứ ba, dính cao hơn, ở cánh cửa mở vào ngăn tủ đựng ly, tách, cái ngăn hơi cao, Huấn thường phải kiểng chân lấy ly, tách xuống. Câu dặn thân mật hơn: “Cẩn thận. Anh đánh bể mấy cái ly rồi đó”. Huấn lặng người, vừa bật cười, vừa muốn chảy nước mắt. Chàng trở vào phòng ngủ. Nhìn quanh quất. Không thấy mẫu giấy nào. Nhưng tới khi chàng tới lật cái gối phía chàng thường nằm, mẫu giấy thứ tư đặt ở dưới mới hiện ra. Ba chữ “Đừng quên em.”

Phải mất hai tháng trời, Huấn mới

đẩy được hình ảnh Phụng ra khỏi tâm trí chàng và sống lại được với đời sống cô độc cũ.

* * *

Lá thư đến ngót một năm sau, tổng chữ khác, nhỏ nhắn, nắn nót, Huấn lấy ra đọc lại một lần nữa phi trường trước giờ lên máy bay:

“Ông Huấn, tôi viết thư này cho ông, chỉ sợ ông không còn ở địa chỉ cũ. Lần lên với ông ở Tây Bắc về, Phụng, tôi là chị ruột nó, đau nặng và phải đáp ngay một chuyến máy bay tới một bệnh viện chuyên về ung thư danh tiếng ở tiểu bang Minnesota. Tôi không hiểu sao em tôi nhất định đến một bệnh viện quá xa gia đình chúng tôi như thế.

Có lẽ vì quen thuộc. Em tôi đã một thời gian ở Minnesota. Và em tôi vừa mất. Đã được chôn cất ngay ở bên ấy, do ông bà người Mỹ bảo lãnh cho chị em tôi ngày mới tới Hoa Kỳ. Em tôi đi bệnh viện bỏ lại ở chỗ tôi tất cả mọi thứ, kể cả cuốn sổ địa chỉ, trong đó có địa chỉ ông. Cùng với lá thu vĩnh biệt viết về, em tôi có gửi cho ông một bì thư dán kín. Nói nếu mời được ông tới nhận càng hay, chừng như nó muốn ông biết nơi chốn nó đã sống với chúng tôi nhiều nhất, trong 10 năm ở Hoa Kỳ.

Chúng tôi đợi một tháng. Nếu ông không tới, mới gửi bưu điện. Dưới đây là địa chỉ chúng tôi. Ký tên: Chị của Phụng.

Huấn tới phi trường Los Angeles bảy giờ chiều. Thuê taxi, tới được khu phố có địa chỉ người chị của Phụng, buổi tối

đã rất muộn. Rời khỏi đường lớn, con đường nhỏ lượn vòng đi dần lên theo một chiều cao, con đường nằm trên một sườn đồi, một bên là thung lũng sâu hút. Huấn đi chậm, lần theo dãy nhà cất theo cầu thang ở phía trái, bên kia là những lùm cỏ cây hoang rậm. Nhà người chị Phụng ở cuối dãy. Bà ta mở cửa ngay cho Huấn. Đó là một thiếu phụ đã đứng tuổi. Có những nét hao hao giống Phụng, nhưng nhu mì và khép nép hơn.

Huấn bước vào. Căn phòng khách bài trí giản dị, dấu vết của Phụng là một tấm hình bán thân nàng đặt trên mặt lò sưởi, cạnh dãy hình chụp vợ chồng con cái người chị.

– Mời ông Huấn ngồi. Chồng tôi và các cháu Los, chưa về. Tôi xin đi lấy ngay bao thư Phụng gửi từ Minnesota về cho

ông. Em tôi mất, đến hôm nay đã được đúng hai tuần lễ.

– Phụng đau từ lâu?

– Chắc vậy. Tôi không được rõ lắm, nó cũng không cho tôi biết. Cũng không ở đây thường. Tính nết nó lạ lùng lắm. Sống một mình, ở đâu đó, người thân không hay biết, không thích người làm phiền, cũng không muốn làm phiền ai.

Người đàn bà vào phòng trong. Trở ra với bao thư. Lặng lẽ trao nó cho Huấn. Rồi tế nhị, muốn để cho Huấn một mình, bà ta mở cửa ra ngồi ở ngoài hàng hiên tối. Chàng mở bì thư. Bên trong là một xấp hình chàng chụp cho Phụng ở nhiều nơi chốn, hai tuần nàng ở Tây Bắc với chàng. Huấn lật lật xấp hình, đoạn cột chặt lại như cũ. Chàng mở tiếp bì thư

thứ hai có địa chỉ của một hãng du lịch ở Minnesota, bên trong có một vé máy bay và một lá thư ngắn. Văn tuồng chữ của Phụng, tuồng chữ ở mẫu giấy dặn dò nàng đính lại ở phòng chàng trước khi ra khỏi đời chàng, vĩnh viễn:

“Giờ thì anh đã hiểu tại sao em bỏ đi không đợi anh về, không một lời từ biệt. Thời gian cuối cùng của em đã có hai tuần ở Tây Bắc với anh, như một gặp lại rất tình cờ, may mắn, sau bao nhiêu năm. Thế là đủ và em không ân hận. Em đã một mình đi khắp thế giới. Cho biết. Khi đời sống chẳng còn bao lâu nữa. Chỉ tiếc không gặp lại sớm, rủ anh đi cùng. Anh nhận cho em quà tặng duy nhất là cái vé máy bay đi du lịch một vòng Âu Châu này nhé. Và anh đi nhé. Như em đã đi cùng. Đừng quên em.”

Người đàn bà ngồi ở hàng hiên, vội vã đứng lên khi Huấn đi ra:

– Ông đi ngay?

– Thưa vâng. Cám ơn bà đã viết thư.

– Ông còn ở lại Los?

– Thưa không. Tôi trở về Tây Bắc ngay chuyến bay đêm nay. Chào bà.

Huấn cúi đầu chào, bước xuống mấy bậc thêm. Người đàn bà ngáp ngừng, chừng như muốn nói với Huấn điều gì, lại thôi. Và đứng yên nhìn chàng đi. Huấn đi trở xuống con đường nhỏ. Chung quanh chàng, đêm đã xuống hẳn, khuya khoắt một vẻ ngưng đọng, tịch mịch. Có tiếng côn trùng kêu, trong những lùm cây gần, dưới thung lũng sâu hút. Huấn bước chậm từng bước, mắt nhìn thẳng,

tấm lòng vừa như mở toang ra thành một trùng khơi không bến không bờ, vừa như khép kín lại thành một nắm mồ bần bật. Xuống tới chân dốc, chàng ngừng bước quay nhìn trở lại ngôi nhà trên cao, ngôi nhà có tấm hình bản thân của người bỏ đi đặt trên mặt cái lò sưởi. Nhưng Huấn không còn nhìn thấy gì hơn là vùng tối đen hoa mắt. Và tiếng gió đêm ào, ào, ở trên đầu chàng, trong những lùm cây.

Thế giới của KATHY GRAHAM

Khi nàng về tới ngôi nhà trên đồi, những điểm đèn đã thấp, lung linh dưới thung lũng, lối vào nhà chứa xe im lìm, căn phòng phía Tây trên lầu của nàng tối đen như mọi căn phòng khác, chỉ còn phòng khách tầng dưới sáng. Và bà Kathy Graham, giáo sư dương cầm, dưỡng mẫu của nàng, mái tóc trắng tuyết, đang đọc sách ngồi đợi nàng về.

Bỏ chiếc xe hơi trên lối đi, chiếc xe đã đưa nàng buổi sáng xuống đồi, rồi đưa nàng trở về từ nơi đó, từ cái công viên vắng lặng, nơi nàng đã nằm, khi chỉ còn một mình, thật lâu trên cỏ, buổi chiều, những tòa nhà chọc trời của Los Angeles nhìn thấy chập trùng ở xa xa, nàng ra khỏi xe, chột hoảng hốt cất bước như chạy, tới cửa vào đóng kín. Tưởng như trời đất đang dịu dàng bỗng thù nghịch, cõi đời đang hiền hậu bỗng trở mặt, đêm tối bỗng đe dọa, một vật thể xa lạ hải hùng nào đó vừa đuổi tới ở sau lưng.

Nàng tới được cánh cửa. Mở ra. Bước nhanh vào. Đóng sập cánh cửa lại. Căn phòng khách ấm cúng. Những tấm rèm buông rũ. Trong khoảnh khắc, vây bọc lấy nàng như một vòng tay êm ái, đã là một thế giới khác, khác hẳn với cái thế giới nàng vừa rời bỏ ở bên ngoài, cái

thế giới đầy yên tâm của Kathy Graham, nàng đã sống tám năm và đêm nay nàng vừa trở về sau trọn một ngày ở những nơi chốn khác. Trở về. Một mình.

Bà Kathy buông sách, ngược mắt. Bà hỏi, dịu dàng:

– Con đi đâu về muộn vậy?

Nàng tựa lưng vào thành cửa:

– Con về từ Canoga Park.

– Canoga Park. Những sáu mươi dặm. Hai anh em đưa nhau đi chơi xa quá vậy?

Canoga Park. Công viên dưới chân một ngọn đồi đại học. Đại thụ. Trên từng khoảng cách đều đặn. Những vòm lá tối. Nắng tắt. Lối đi xuống. Chiếc xe nàng

đậu ở trên cao. Thảm cỏ nuốt nà chạy dài tới mặt hồ dưới thấp, những thân cỏ nghìn ngọn sát liền tầm mắt tạo một ảo giác lồng dưng và phóng lửa tới vô tận, biển cỏ như một tràn ngập kín trùm xanh ngắt qua thần trí và thân thể trong suốt mở ngỏ với chỗ nằm tịch mịch.

– Thưa mẹ, con muốn trở lại nơi đó.

Bà Kathy nhìn nàng, lâu lâu. Rồi cười, khoan dung:

– Kỷ niệm. Những nơi chốn người ta muốn trở lại mãi mãi, trong đời. Mẹ biết, mẹ nhớ. Ngày anh con mới sang hai anh em ngày đầu đã đi chơi ở một công viên Canoga Park.

– Vâng, ở đó.

Những cánh bướm bàng hoàng đuổi

theo nàng ở sau xe suốt dọc con đường nàng trở về, để ngừng hết dưới chân ngọn đồi, bây giờ, trong cái thế giới đầy yên tâm của Kathy Graham, sự rối loạn ở trong nàng đang dần dần lắng xuống, và nàng rời chỗ đứng, thông thả đi sang phòng ăn, ngồi xuống trước bữa ăn nguội người dưỡng mẫu đã dọn sẵn cho nàng trên mặt bàn.

Bà Kathy theo sang. Kéo ghế ngồi cạnh. Bà âu yếm nhìn đứa con gái nuôi Việt Nam tứ cố vô thân một mình tới Mỹ bà đã đón về ở dưới mái nhà bà được tám năm, nó đã vào đại học, đã lớn, đã trở thành thiếu nữ, càng ngày bà càng thương yêu như con đẻ, đang nghiêm trang cắt từng khoanh bánh, từng khúc thịt nhồi, hai mắt mở lớn, như mỗi cử chỉ từ tốn của nó đều là một cố gắng kiểm soát, kìm giữ một niềm xúc động

nào đó, một niềm xúc động kín thẳm bà không hiểu được.

– Vậy là người chị dâu của con và ba cháu nhỏ từ Sài Gòn sang bằng đường lối đoàn tụ đêm nay tới phi trường Los?

– Dạ.

– Và hôm nay anh con từ miền Bắc xuống là để đón họ cùng đi lên miền Bắc.

– Thưa mẹ, đúng vậy.

– Con kể với mẹ người chị dâu và bảy nhỏ trước đây tưởng đã chết trên đường vượt biển, theo một nguồn tin gửi sang từ quê nhà?

– Vâng, con có kể cho mẹ nghe chuyện đó.

– Bây giờ đoàn tụ. Chắc anh con phải vui mừng ghê gớm. Anh ấy đang ở đâu? Sao không đưa anh ấy tới đây?

Nàng trả lời người dưỡng mẫu là anh nàng nhờ nàng xin lỗi bà, anh phải đi thuê một chiếc xe lớn đưa ra phi trường chờ gia đình, rồi ngay trong đêm đưa gia đình từ phi trường đi thẳng lên miền Bắc.

Sau đó, nàng dọn bữa ăn, đứng dậy ôm hôn người dưỡng mẫu, chúc bà ngủ ngon và đi lên phòng riêng.

Căn phòng ở phía Tây của nàng, căn phòng đẹp nhất của ngôi nhà, ngó thẳng xuống thung lũng, đối diện với con đường lượn vòng từ chân đồi đi lên. Nàng đẩy cửa đi vào, không bật đèn, lần bước trong bóng tối và tới ngồi ở cái ghế

kê sát thành cửa sổ mở rộng. Nàng tựa lưng vào thành ghế, hai tay thu vào lòng, nhìn ra ngoài trời. Vòm trời sâu thẳm. Những vì sao lác đác. Đêm về khuya, những điểm đèn dưới thung lũng như xa mờ, lung linh hơn. Con đường lượn vòng từ chân đồi đi lên chỉ còn là một vệt mờ ảo, thấp thoáng, lúc thấy lúc mất giữa những bụi cây rậm rạp.

Nàng ngồi bất động, thật lâu, cho tới lúc nghe thấy tiếng chân nhẹ nhàng của người dưỡng mẫu đi qua cửa phòng. Những chuyện nàng kể với bà Kathy đều là sự thật. Người mẹ và ba đứa con chết trên đường vượt biển rồi không phải vậy. Một gia đình đêm nay tới phi trường Los Angeles. Một cảnh tượng đoàn tụ cảm động. Một chiếc xe hơi lớn sẽ rời phi trường chạy suốt đêm trên xa lộ thăm thẳm đi lên miền Bắc. Tất cả đều là sự

thật. Trọn một ngày vừa qua, nàng đã đi những đâu với anh nàng, nàng kể lại với bà Kathy trong bữa ăn cũng đều là sự thật. Buổi sáng. Bãi biển Laguna Beach. Cát bãi lòa nằng. Khơi xa ngời ngời. Những ngọn đồi ở phía sau, xanh lam, in lên nền trời. Cái quán ăn ngó xuống bãi, gió lồng lộng cùng khắp, những chiếc dù lớn sặc sỡ ngoài khu ăn lộ thiên thả những tảng bóng rợp lay động xuống những lưng trần vai trần màu mật, vẫn hai cô bồi bàn xinh đẹp mấy lần gặp trước, tóc bạch kim, người Đan Mạch. Buổi trưa, New Port. Những khu phố du lịch bên trong. Đường hẹp, lát gạch đỏ, cây thấp ngang tầm đầu, tiệm sách báo Pháp và dãy cửa hàng thời trang hiên rộng, mát đảm, vây quanh khu bến đậu của du thuyền san sát rừng cột buồm chạy dài về hướng biển. Buổi chiều. Khu sinh viên Westwood. Không khí như ở Nguyễn Huệ. Xe máy

như ở Sài Gòn. Đám người trẻ tuổi đi đất, tràn lan như một dòng suối lấp lánh trên những khúc vĩa hè nhạt nắng. Trọn một ngày. Những nơi chốn đã tới. Và trở lại. Thêm một lần nữa. Cuối cùng là cái công viên khuất nhỏ bên cạnh ngọn đồi đại học, một mình. Chiếc xe đậu lại ở trên cao. Con dốc dẫn xuống, không một bóng người. Mặt hồ dưới thấp, nắng tắt và chỗ nằm trên cỏ, thần trí và thân thể trong suốt mở ngỏ, những thân cỏ sát liền tầm mắt tạo một ảo giác lồng đưng và phóng lớn tới vô tận. Tất cả, tất cả đều là sự thật. Duy có một điều nàng đã giấu người dưỡng mẫu, không phải là sự thật.

Người đàn ông ra phi trường đón vợ con mới từ Việt Nam tới, người đàn ông đó không phải là anh ruột của nàng.

Đêm về khuya lạnh buốt. Gió đêm từ

chân đôi thối lên, tấm rèm cửa lay động, những sợi tóc rối lòa xòa trên trán, trên hai gò má. Ngày cuối cùng. Lần gặp cuối cùng. Con đường chàng đi về miền Bắc trong đêm, xa thẳm, mất hút. Vĩnh viễn. Những cánh bướm còn đuổi theo nàng suốt dọc đường trở về, những cánh bướm đã chết. Và nàng đã thấy nàng trở về ngôi nhà trên đồi, một mình, như buổi sáng ra đi. Và nàng đang thấy nàng ngồi đó, trong đêm, một mình, trong cái thế giới đầy yên tâm của Kathy Graham.

Khóc.

SÂN KHẤU GIỮA RỪNG

Khi chiếc ghe mỏng mảnh đã chui lọt vào một hốc lạch um tùm kín khuất — chung quanh chúng tôi chỉ còn là Rừng Sát ngút ngàn vây bọc — Nữ quăng dây buộc cứng mũi ghe vào một thân đước. Đoạn, cột chặt mái tóc lại bằng một sợi thung, cúi xuống hắt hàm ra hiệu với Yến ngồi cùng tôi ở trong khoang.

Giữa trưa. Nắng dữ dội phản chiếu những hoa nắng lung linh chập chờn trên khuôn mặt nhể nhại của hai người đàn bà vượt tuyến cùng rất trẻ. Chừng 21, 22 giờ đó. Nữ sinh quán ở Bà Rịa. Gia đình nghèo, đi theo các anh lớn chài lưới khắp vùng cửa biển Vàm Cống từ tuổi nhỏ. Được thu nhận vào tổ chức vượt tuyến mà điểm hẹn then chốt là Rừng Sát, nhờ thuộc lòng toàn bộ hệ thống kinh rạch chằng chịt của rừng này, Nữ đã hàng chục lần đưa người từ Cầu Chữ Y ra điểm hẹn, với lời hứa của tổ chức sẽ một lần thưởng công cho đi miễn phí ra ngoài thế giới tìm hai người anh vượt biển năm trước đã định cư ở Úc Châu. Lời hứa cuối cùng được thực hiện với Nữ. Bằng chuyến đi có tôi.

Đêm ở cầu Chữ Y, phút rời bờ ra sông lớn, hoang mang trước chuyến đi

quyết định cuộc đời, chuyển đi được trả công bằng hai năm dãi dầu đưa người ra điểm bốc không ngừng không nghỉ, Nữ nắm chặt lấy tay tôi, vừa khóc vừa nói:

– Cháu tú cổ vô thân không còn một ai. Chỉ có hai anh ở xa, tới được trại đảo mới tìm cách liên lạc. Từ giờ phút này, bác cho cháu đi cùng với bác. Bác ở đâu cho cháu cùng ở, đừng bỏ, không bao giờ cháu dám quên ơn.

Tôi gật, nhận lời. Định tâm dù sống chết thế nào cũng không để đứa con gái lầm than trở trối giữa đời xa mình nửa bước.

Hoàn cảnh vượt tuyến của Yến lấp lánh hơn. Cũng lãng mạn và tiểu thuyết hơn. Yến có sạp hàng ở chợ Bến Thành. Đi chui mà áo thun Montagut và quần

crêpe đen diện ngất tới bến. Còn có một người tình tóc tém bóng nhẫy đã dính hôn đi cùng, chàng và nàng đứng chờ ở chân cầu Chữ Y còn ôm cứng lưng nhau rất là du dương tình tứ. Nhưng phút chót tổ chức chia lìa họ ra, Yến dậm chân la lối vẫn không làm sao được, đành dặn với người tình gặp lại nhau trên tàu lớn.

Mái tóc buông dài óng ả cũng đã cột chặt lại bằng một sợi thun như Nữ rồi mà Yến vẫn ngồi bất động trong khoang không nhúc nhích. Nhìn ra hai mạn ghe, tôi hiểu ngay được sự ngẩn ngại bàng hoàng của người con gái thành phố ăn trắng mặc trơn mới vượt biển và mới tới Rừng Sát lần đầu. Nữ vừa ra hiệu cho Yến rời ghe bước xuống. Nhưng bước xuống đâu? Chỗ nào đặt chân? Tới giữa buổi trưa, nước vừa rút hết, thủy triều xâm tới mới lên, chiếc ghe chúng tôi hết

như một con cá mắc cạn nằm chình ình trên một biển bùn vĩ đại. Đó là thứ bùn lầy nghìn đời của Rừng Sát, nồng nặc, đặc quánh, không đáy, cùng khắp trải rộng tới bất tận giữa một rừng sậy được ngọn ngang chìm ngập tới ngang thân, và trên cái biển bùn ghê gớm vô bờ ấy không nổi lên một phiến đất nào, dù chỉ một gò đồng nhỏ.

Làm thế nào? Đã bùn còn đĩa nữa. Những bầy đĩa đói, bám chặt, hút hết máu, chỉ nghĩ tới đã rợn người lên. Là con nhà chài lưới, tai nạn này với Nữ đã quen rồi. Nhưng Yến không phải là Nữ. Và tôi chỉ cần nhìn thoáng hai bàn chân của người con gái thành phố là đủ thấy. Hai bàn chân mềm mại, trắng nuốt, những đầu ngón cắt tỉa mỹ thuật như mới từ một mỹ viện trên đường Lê Lợi đi ra, chắc chắn chưa một lần chìm sâu

vào một vũng bùn nào. Nhìn người con gái mặt mày đã tái nhợt như người chết rồi, tôi ái ngại, nói ra ngoài khoang với Nữ:

– Bùn lầy khủng khiếp qua. Cùng ngồi cả trong khoang đến chiều được không?

– Vâng, bác ở trên ghe.

– Tôi có cả ba ta kia.

Nữ thất sắc, la lớn:

– Chết, đâu được. Chú Sáu căn dặn thế nào, bác quên rồi sao? Làm khác lỡ có chuyện gì cháu phải chịu hết trách nhiệm, còn hỏng chuyến đi và chết cả đám. Xuống lẹ đi, chị Yến.

Tôi ngồi yên không dám can thiệp

cho đôi chân thành phố trắng nuốt nồn nà của Yến nữa. Anh Sáu, người cầm đầu tổ chức quả đã dặn dò kỹ lưỡng cả ba chúng tôi lúc rời bờ. Căn dặn, trên từng chi tiết một. Hàng ngàn chuyến vượt biển, chuyến nào cũng phải dàn cảnh, người vượt tuyến là một diễn viên nhất nhất phải tuân theo mọi dàn dựng của đạo diễn là chủ tàu hoặc người cầm đầu tổ chức. Không được trái ý, không được làm khác. Và như vậy, từ trước ngày đi, tới lúc khởi hành, vở kịch còn phải diễn tiếp trên từng chặng đường, sân khấu chỉ buông màn khi tàu đã ở ngoài hải phận. Điểm sinh tử nhất là trường hợp bị xét hỏi ngang đường, làm sao để công an không phát giác ra mình là người vượt tuyến. Như vậy mới không bị bắt, còn có thể đi nữa nếu bị xua ngược trở về.

Hóa trang cho đẹp thành xấu, cho

trẻ hóa già, công tử Catinat nhưng mặc quần áo đánh cá Châu Đốc, triệu phú nhưng biến hình thành khổ rách áo ôm, thông hành giả, chứng minh thư giả, hết thảy những đội lốt và trá hình ấy đều là những xảo thuật cho vở kịch đánh lừa an ninh cộng sản và vở kịch càng tinh vi, khéo léo tới đâu, hy vọng đi thoát càng lớn hơn chừng ấy.

Vở kịch anh Sáu dựng cho ba chúng tôi đóng tương đối cũng đơn giản thôi. Thẻ tùy thân giả anh Sáu phát cho ghi rõ tôi là một ông già 65 tuổi, sinh quán ở một xóm chài lưới gần châu thành Bà Rịa. Tôi vào thăm đứa con trai đã lập gia đình ở khu Cầu Ông Lãnh. Không gặp. Đứa con đã đi vùng kinh tế mới. Tôi đành cùng Nữ và Yến là hai đứa cháu gái trở về. Nửa đường tôi thỉnh thoảng bị đau nặng, sợ sông nước gió máy, phải vào

Rừng Sát nghỉ lại. Thấy rừng nhiều lá gồi, căn nhà ở Bà Rịa đang bị tróc mái, tôi sai hai đứa cháu vác dao rời xuống xuống chặt lá đem về lợp nhà. Vở kịch thật ra đầy kẽ hở, ngây ngô và kịch cỡ, nhưng anh Sáu không tìm gì được hơn là vai trò ông già Bà Rịa về Sài Gòn thăm con và dặn tôi cứ thế làm theo, khoảng thời gian từ buổi trưa đến buổi chiều ở Rừng Sát chờ xuống máy tới chuyển qua đưa ra tàu lớn.

Màn kịch phải đóng ngay rồi. Trục trục là phút chót: do một đôi chân tiểu thơ trắng hồng không chịu bước ra sân khấu. Cuối cùng là một tiếng thở dài náo nức. Người con gái đã hiểu nàng buộc phải rời ghe. Khuôn mặt rưng rưng như sắp muốn phát khóc, bằng cử chỉ chậm chạp, Yến cúi xuống, sẵn dần hai ống quần lên, buộc túm lại ở phía trên đầu

gối. Bác ở lại ghe. Cháu xuống chặt lá với Nữ.

Yến nói nhỏ như một lời từ biệt. Đoạn cầm lấy con dao quắm, chống tay từ trong lòng ghe lom khom bò ra. Tôi nhìn ra hai người con gái với hai con dao quắm lăm liết, hai cái bóng mảnh mai in hình lên nền trời, dưới cái nắng Rừng Sát đỏ lửa. Suốt chuyến đi, với tôi đây là cái hình ảnh lạ lùng nhất và cũng tức cười nhất. Rồi Nữ trước, Yến sau, hai người con gái cùng liều mạng nhảy xuống biển bùn.

Ở lại trên ghe, tôi tự dàn cảnh cho vai trò ông già quê Bà Rịa nửa đường đau nặng. Đặt mình nằm xuống, tôi phủ lên ngang ngực một tấm bao bố và đặt sẵn vài viên thuốc cảm cạnh chỗ nằm. Thử ho vài tiếng. Thử rồi có cảm tưởng

kỳ quái như chính mình sắp đau nặng thật. Bên ngoài, cách một mũi tre mỏng, tiếng chân bì bõm trong bùn, thật gần rồi xa đi. Đoán thấy Nữ và Yến cùng tới ẩn mình sau một bụi đước, nghe ngóng động tĩnh. Một lát, những tiếng bì bõm trở lại, cùng với những tiếng sát phạt rào rào. Hai người con gái diễn đúng vở kịch, đang vung quắm chém lá. Rồi là cái mũi xuống bị xô đẩy dữ dội bởi những phiến lá gồi to nặng ném búa lên. Tôi nghĩ hai người con gái, nhất là Yến, sau một hồi phạt lá đã mệt đến đứt hơi. Chưa bao giờ trong đời tôi lại khẩn cầu thiết tha cho một buổi chiều mau tới và cho một thủy triều mau dâng như vậy. Cho hai người con gái thôi bị dày dạn trong bùn, dưới nắng. Cho lòng rạch nước đầy đưa con ghe chúng tôi trở ra sông lớn. Rồi ra sao thì ra. Chỉ sau mấy tiếng đồng hồ, Rừng Sát kinh dị, Rừng Sát ghê gớm, Rừng Sát

không một chỗ đặt chân, Rừng Sát không một giọt nước ngọt đã giam cầm chúng tôi trong cái vòng đai sinh lầy và nắng lửa khủng khiếp, cũng khủng khiếp như cái nhà tù chế độ chúng tôi vừa bỏ lại ở điểm khởi hành.

Đồng hồ trên tay tôi chỉ đúng 5 giờ khi những tiếng róc rách đầu tiên từ ngoài sông lớn lan tới. Khởi sự, đó chỉ là một tiếng nước chảy lau lách, rất nhỏ. Như một niềm ngờ vực. Rồi lớn dần, mạnh dần và sự đụng chạm làm cho đáy ghe, dưới chỗ tôi nằm lắc lư, rung động. Tôi la thầm một tiếng mừng rỡ. Thủy triều đã lên, đang lên. Đã sắp tới giờ chúng tôi chèo ghe ra cửa lạch, đón xuống máy tới quãng dây kéo ra ngoài biển. Tôi ngồi lên, cùng một lúc với lòng ghe rời khỏi

mặt bùn tròn một buổi đã chôn chặt nó, thân ghe trông tránh sung sướng trên mặt nước đã vào, đầy tràn con lạch.

Nhưng thủy triều chảy vào cũng là tức khắc tai nạn chảy vào theo. Vừa toan lên tiếng gọi Nữ và Yến trở về ghe, tôi nín bật và nằm vội xuống trước tiếng mái chèo đập nước của một chiếc ghe lạ tới gần. Trong một khoảnh khắc, tôi nhớ lại lời dặn dò đầy kinh nghiệm của anh Sáu: “Phải cảnh giác từng phút từng giây. Không có một mảnh đất, một bụi bờ nào an toàn cho người vượt tuyến”. Đúng vậy thật. Và màn kịch kịch côm, tức cười phải đóng bỗng hiện ra với tất cả sự hữu lý của nó. Phía bờ lạch, chắc chắn Yến và Nữ cũng đã nhìn thấy chiếc ghe lạ tới gần, đã phát giác ra ba chúng tôi. Họ đang bối rối ghê gớm, chắc vậy. Nhưng vẫn không ngừng phạt lá.

Chiếc ghe lạ ngừng lại chỉ cách chỗ tôi nằm chừng một hai thước. Một lát. Căng thẳng. Rồi một tiếng đàn ông, quyền uy hách dịch:

– Làm gì thế kia?

Yên lặng. Tiếng phạt lá. Người đàn ông hỏi lại, nạt nộ hơn:

– Trả lời tôi. Hai chị kia làm gì ở đây?

Tiếng Nữ, trong một cố gắng thần nhiên và bình tĩnh:

– Chị em tôi chặt lá về lợp nhà.

Người đàn ông cười gằn nói với một người đàn ông khác, chưa lên tiếng:

– Hai con nhỏ nói vào đây chặt lá về lợp nhà. Kỳ không? Tin được không? Nhà các chị ở đâu?

– Bà Rịa. Nữ đáp.

– Còn ai trong ghe?

– Chú Ba tôi. Chú đang đau nặng.

– Hai chị tỉnh ngủ đêm lại đây sao?

– Không, chúng tôi đang định đi. Chờ thủy triều lên để đưa chú Ba tôi về nhà gấp.

Nữ trả lời không được trơn tru lắm. Nhưng cũng tạm, chưa sơ hở. Tôi thấy mình nằm nín khe không ổn, cũng phải đóng kịch một chút. Ho khan mấy tiếng, tạo cho mình một giọng nói Bà Rịa quê mùa và mệt mỏi nhất, tôi hỏi vọng ra:

– Sửa soạn về nhà hai cháu. Các anh nào ngoài đó vậy?

Lại im lặng một lát. Tôi đoán hai người đàn ông đang quan sát hai người con gái. Nữ thì được rồi. Nhưng còn Yến. Cho dù tay chân mặt mũi lem luốc thế nào, tinh ý cũng nhìn thấy cái dáng vẻ thành phố lộ lộ.

– Hai chị nói thật đi. Lá với cành gì? Đang trên đường ra bãi đáp hả? Này, vượt tuyến tội nặng thế nào biết không? Đi tù. Tịch thu tài sản.

Yến lên tiếng khiến tôi giật mình. Nhân vật thứ ba trong đoàn diễn chúng tôi cũng đã từ phía sau cánh gà bước ra sân khấu. Đoạn kịch cũng thật bất ngờ, cũng thật táo bạo, với giọng nói chùng mực, bình thường, như thật:

– Hai anh không tội nghiệp chặt lá giùm chị em tôi một tay, còn hỏi này hỏi

nọ làm chi! Cực thấy mồ, muốn vượt tuyến thật đấy, ai cho theo là đi liền à! Các anh không tin, cứ kéo ghe chúng tôi về Bà Rịa điều tra. Đỡ phải chèo, cảm ơn hai anh nữa là đằng khác.

Tôi vừa kinh hãi vừa phục sát đất. Trông người vậy mà đâu phải vậy. Buổi trưa, chỉ phải xuống bùn, Yến đã tái nhợt, như người sắp chết, muốn bật khóc. Vậy mà đã đóng đoạn kịch thần sầu, vượt hản Nữ. Chỉ một câu trả lời liều lĩnh, đã từ thế bị động cướp ngay lại cái thế chủ động cho mình. Tôi đoán thấy hai người đàn ông lạ mặt cùng ngăn người ra. Khuôn mặt xinh đẹp của Yến chắc cũng đã khiến cho hai đứa phần nào rung động. Chúng đấu dịu:

– Trời tối rồi. Đâu có ở đây chặt lá cho các chị được. Nhưng nghi lắm. Vẫn phải

đưa các chị về Bà Rịa điều tra. Chúng tôi chờ các chị ở cửa lạch.

Chiếc ghe lạ quay trở ra. Tiếng chèo xa dần rồi mất đi. Khoảng khắc, Rừng Sát đang tối dần trở lại hoàn toàn yên tĩnh. Rồi là tiếng chân bì bõm của Nữ và Yến trở lại ghe.

– Công an? Tôi hỏi.

– Không biết. Yến đáp.

– Họ ăn mặc thế nào. Có đeo súng ống gì không?

– Không, ăn mặc như người thường vậy thôi.

– Liệu bọn chúng có chờ bọn ta ở cửa lạch không?

– Cháu không biết nữa.

Tôi thở dài:

– Không biết thế nào thật. Lên ghe đi, tới giờ hẹn rồi. Đằng nào ta cũng phải ra chờ ở cửa lạch. Chuyện gì, tới đâu hay tới đó vậy.

Tôi khen Yến một câu:

– Yến đối đáp liều lĩnh qua. Nhưng cũng hay. Không vậy chúng còn lằng nhằng ở đây không biết tới bao giờ.

Hai người con gái lên ghe. Nữ nhanh nhẹn, ngon lành, không có gì khác lạ. Nhưng Yến thì không sao nhắc bỗng được mình lên khỏi mặt nước. Tôi ngạc nhiên, phải cùng Nữ mỗi người một tay xốc mạnh Yến lên. Ngã vào lòng ghe, Yến kêu lên một tiếng đau đớn như vừa bị

trúng thương trầm trọng. Tôi lạnh người khi nhìn thấy hai cẳng chân người con gái chới với trong không khí. Thì ra, khác hẳn với hai cẳng chân đã chai đá của Nữ, hai cẳng chỉ quen giày dép của người con gái thành phố sau trọn một buổi chìm sâu trong thứ sinh lầy khủng khiếp của Rừng Sát đã đọng máu, đã tím ngắt và sưng phù lên, từ bàn chân, tới tận đầu gối, rất ghê rợn. Thêm một bầy đĩa bám chặt, con nào con ấy hút no máu người đã tròn ủng. Tôi dứt từng con đĩa ném xuống nước. Yến nhìn xuống đôi chân ghê rợn của mình, nhìn những con đĩa, toàn thân run bắn rồi ôm mặt nức nở khóc.

Ra tới cửa lạch, trời đã tối mịt. Quay nhìn trở lại, Rừng Sát chỉ còn là một thế giới đen thui, câm lặng, đầy đặc những hình thù quái dị. Không thấy hình bóng

chiếc ghe của hai người đàn ông lạ mặt. Chúng là công an hay thanh niên trong vùng? Không bao giờ tôi biết được. Chỉ biết chúng dọa nạt vậy thôi và đã bỏ đi. Chuyển đi trót lọt sau đó. Chờ chừng nửa giờ, nghe thấy tiếng xuống máy từ phía trong Sài Gòn chạy tới. Chiếc xuống chạy chậm chậm, gần bờ, như tìm kiếm. Theo đúng mật hiệu, tôi bấm năm lần đèn bấm. Ba cái trước mau, vụt tắt ngay. Hai cái sau, lâu hơn, vệt sáng xuyên thủng bóng tối sông lớn. Chiếc xuống máy đã thấy. Nó bấm đèn đáp lại và từ từ chạy tới. Chúng tôi rời bờ, chèo ra. Thủy triều đã dâng cao. Gió thật mạnh thổi vào từ cửa biển, nước chảy reo réo. Sóng đập dào dạt. Chiếc xuống máy tới sát. Một tiếng hô ngắn: tám. Nữ đáp lại: chín. Thêm một mật hiệu nữa đúng rồi. Nữ đón lấy sợi dây từ xuống ném sang, cột chặt đầu ghe ghềch lên. Một tiếng

quát: “Nhảy mau sang”.

Chính khoảnh khắc này lại là khoảnh khắc cheo leo sinh tử nhất của cả cuộc hành trình. Dùng tận lực, chắc là Nữ và tôi nhảy sang xuống máy được rồi. Nhưng còn Yển, với đôi chân sưng phù đau đớn, không thể đứng lên, không thể cất nhắc?

Tôi bảo Yển: “Cẩn rằng lại, nhịn đau nhé!” Đoạn cùng Nữ kéo lết Yển ra tới đầu ghe. Chiếc ghe tròn tránh dữ dội, như sắp lật xuống, để tay vào lưng Yển, tôi quát: “Nhảy!” và với Nữ, dùng tất cả sức mình, đẩy mạnh Yển lên. Yển mất đà, nhảy hụt, chỉ nắm được sợi dây. Cũng may đã có người trên xuống túc trực. Nắm được tay Yển và kéo lên. Tôi thở ra hoàn hồn và cùng với Nữ nhảy lên theo. Ra tới tàu lớn, thêm một lần

vất vả nữa. Yển lại suýt rớt xuống biển tối, nếu không có chúng tôi, người nắm tay, người nắm chân ném bóng như một bị cát lên mặt tàu. Mãi ba ngày sau, lúc vượt qua hải phận Thái Lan, đôi chân sưng phù tím ngắt của Yển mới thu nhỏ lại được nửa phần. Nhưng không khóc vì đôi chân đau đớn nữa, Yển lại vật vã khóc lóc cả một ngày vì chuyện khác. Chiếc ghe chở người tình có mái tóc tém bóng nhẫy của Yển, chẳng hiểu vì lý nào không tới bãi đáp, không có mặt lúc tàu khởi hành. Nó lạc đường, bị bỏ lại, đã bị bắt, hay thủy triều đã nhận chìm? Không biết. Vượt tuyến là những mất tích như vậy. Không dấu vết, không bao giờ sáng tỏ. Nó là hư vô, là một giấc mơ. Và sông nước là một nắm mồ vô danh vĩ đại.

Bảy ngày sau cái buổi trưa không bao giờ quên ở giữa lòng Rừng Sát, cặp bờ

rồi bị đuổi, kéo ra biển nhiều lần, thêm hai trận bão cấp năm, cấp sáu, cuối cùng chúng tôi đánh vỡ tàu và lên được một bờ đất Mã Lai. Đôi chân Yển chưa lành hẳn. Lội tới ngang ngực vẫn còn phải tôi và Nữ mỗi người một bên dìu đi. Nhưng khuôn mặt trắng hồng, xinh đẹp của Yển thì đã làm chết ngất ngay mấy thằng cảnh sát Mã Lai hiếu sắc. Nhờ Yển, chúng bớt chửi mắng chúng tôi. Và chỉ một ngày sau chở cả chúng tôi tới trại Pulau Besar.

Giữ đúng lời hứa lúc sắp rời bỏ cầu chữ Y, tôi thu xếp được cho Nữ ở gần. Trong một lều vải toàn đàn bà trẻ con sát cạnh lều tôi ở. Không biết đọc, biết viết, tứ cố vô thân, đời sống tạm trú ở ngang đường, với những phái đoàn ngoại quốc đến rồi đi, những người cảnh sát Mã Lai

dữ dẩn la lối là một thế giới kỳ lạ và đầy vẻ hãi hùng với đứa con gái Bà Rịa đánh cá trên suốt dọc đường vượt biển hung hiểm lại rất lắm lý can đảm. Tôi xin được cho Nữ một ít quần áo cũ. Đưa lên hậu trường làm hồ sơ nhập trại. Ghi tên cho Nữ vào lớp học tiếng Anh. Viết hộ cho Nữ mấy lá thư cho hai người anh ở Úc châu, theo cái mẫu giấy địa chỉ Nữ gìn giữ trong người suốt chuyến đi như một báu vật, một bùa hộ mệnh. Rồi đời sống quen dần, thư hồi âm của hai người anh chờ hoài không thấy. Đó là người con gái ít nói và nghiêm trang nhất trại. Một hạnh kiểm mẫu mực. Nghe lời tôi, Nữ chịu khó làm mọi việc nặng nhọc nhất cho cả lều. Như bổ củi, sớm sớm ra giếng lấy nước. Khiến dần dần được cả lều quý mến. Về sau, mạnh dạn hơn, theo đám người trẻ tuổi cùng khu vào rừng chặt cây, cùng với họ dựng những căn

lều mới, bán cho những gia đình đông con vừa tới trại, cũng để dành được một khoản tiền.

Mãi gần hai tháng sau, Nữ mới nhận được thư của hai anh và giấy tờ bảo lãnh đem nộp cho phái đoàn Úc. Nhưng thủ tục chậm trễ khiến ngày tôi rời đảo Nữ mới được gọi tuyên thệ. Buổi sáng tôi đi Kuala Lumpur, Nữ sang lều, tiễn tôi sang tận làng Merang. Nghẹn ngào:

– Bác bỏ cháu lại rồi.

Tôi an ủi:

– Không bao giờ. Nhưng bác đi Mỹ còn Nữ thì sắp được sum họp với hai anh bên Úc Châu kia. Tuyên thệ là vài tuần nữa đi. Bác rất mừng cho Nữ. Mấy tháng ở trại, Nữ đọc và viết khá lắm rồi. Bác đã cho địa chỉ. Tối Úc viết thư ngay. Bác

cháu mình luôn luôn liên lạc với nhau.

Vậy mà khi chiếc xe chở tôi lặn bánh, Nữ biến sắc liền. Vừa khóc vừa chạy theo xe, chạy một thôi dài, tới không đuổi kịp xe nữa, vẫn vừa chạy theo vừa khóc. Khiến tôi không cầm được nước mắt. Phần Yến thì qua thể, quá trời. Như vết thương ở chân tới đảo là lành hẳn rồi, lại mềm mại trắng nõn, vết thương lặn mất người tình trong chuyến đi của Yến cũng mau chóng lành theo. Chỉ một tuần, đứa con gái đi tới đâu, xuống biển phơi nắng, ra bãi supply, đã rùng rùng một đám con trai mê mẩn đi theo. Được bầu ngay là hoa hậu của trại, lại nói tiếng Anh. Yến bắt bồ liên với đám cảnh sát Mã Lai, chúng thay phiên nhau đem hoa, đem quà tới lều tặng, còn đặc biệt cấp riêng cho Yến một giấy thông hành đặc biệt, được ra khỏi trại, đi chơi thủ phủ

Trengganu bất cứ lúc nào. Người tình đã mất tích không bao giờ được nhắc nhở tới nữa. Anh chàng mất tích thêm một lần nữa. Yến dễ làm mê mẩn thật. Nhất là những buổi chiều vắt khăn ra ngoài bãi tắm. Bộ bikini tím sát chặt lấy thân hình nảy nở, cân đối, gò ngực cao vút, cặp đùi tròn lẳn. Đứa con gái đùa nghịch với sóng, rồi từ từ lên bãi, nằm phơi nắng ở một chỗ quang đãng nhất, để mặc cái khối da thịt khêu gợi cho hàng trăm cặp mắt nhìn ngăm.

Được bảo lãnh từ New York, hai ngày trước khi rời trại, Yến mời tôi và Nữ sang lều ăn cơm từ biệt. Bữa ăn thịnh soạn. Đồ ăn mua về từ một tiệm cơm Tàu ở Trengganu. Tôi đoán bữa ăn đầy người. Từ đám cảnh sát Mã Lai mê Yến đến đám

thanh niên ở trại theo đuổi Yến. Nhưng không, bữa ăn chỉ có ba người. Tôi ngạc nhiên:

– Chỉ có chiếc ghe Rừng Sát chúng ta sao?

Yến ngăn người một giây rồi ngửa cổ cười lớn:

– Đúng vậy bác. Chỉ có chạt lá, chỉ có sinh lầy, chỉ có buổi trưa Rừng Sát. Đám bồ bịch của cháu, bữa tối mai kia. Tối nay chỉ mời bác và Nữ. Cháu xin được đi trước và cháu cảm ơn. Ở Rừng Sát ra, chân cẳng cháu thế, không nhờ Nữ và bác làm sao lên được xuống máy, lên được tàu lớn.

Thì ra chuyến đi vẫn còn vài chi tiết ở cùng với trí nhớ gần như đã bôi sạch quá khứ của đứa con gái không còn một

gắn bó nào với những điều bỏ lại. Cũng được. Đời sống là như vậy. Một cội trí nhớ mất tích. Những cội trí nhớ nguyên vẹn. Cuối năm ngoái, tôi nhận được thiệp báo hỉ của Yến. Thiệp gửi từ Montreal. Tên người chồng sắp cưới lạ hoắc. Chùng như để trả lời cho câu hỏi của tôi, tấm thiệp ghi thêm một dòng chữ viết tay của Yến: “Chồng cháu không vượt biển, chưa từng một ngày ở Pulau Besar.”

ĐÊM SYDNEY

Anh Toàn đã báo trước là tràn vào cái thế giới êm đềm phẳng lặng của tôi không phải một đoàn người. Mà hơn. Một trận bão người. Để tôi khỏi bất ngờ. Vậy mà bão tới, vẫn làm tôi bàng hoàng kinh ngạc. Giờ giấc bão tới, Toàn cũng cho biết trước nữa, khá cận kề:

– Cất cánh từ Los Angeles, ngưng hai giờ đổi máy bay, họ phải bay ít nhất

16 giờ trên Thái Bình Dương. Tính ra tới phi trường Sydney là quá nửa đêm. Anh sẽ đưa họ đi “súu dề” rồi chở về thẳng cô, vì đường xa chắc họ đều mệt lả. Chắc đòi đi ngủ ngay đấy. Vậy trước hết nhờ cô giường đệm sẵn sàng. Sang ngày hôm sau, tính sau, mọi chuyện anh lo hết.

Tôi rất ghét bị xô đẩy. Cũng kỳ lắm những bất ngờ. Cái thế giới khép kín đây im lặng và bóng tối của tôi, sự cô đơn buồn bã dịu dàng của tôi từ mười năm trên đất Úc vẫn xa lạ như những năm tháng đầu mới tới, tôi đã thân gần đã thói quen, thói quen của một con ốc ngại sóng gió nằm an toàn trong vỏ kín. Và thỏa thuận vậy với mình, không muốn phá vỡ, chẳng muốn đổi khác. Thoạt đầu tôi giãy nảy. Nhưng rồi anh Toàn giải thích là họ không chịu ở khách sạn, chỉ muốn ngã vào một gia đình đồng bào, thân mật

hơn, anh Toàn lại không tìm được nhà quen nào khác, tôi đành nhận. Cũng rất khó lòng từ chối. Ba chị em tôi chịu ơn Toàn. Hồi mới từ trại đảo tới Sydney, anh giúp đỡ chị em tôi nhiều. Thu xếp chỗ ăn, chỗ ở. Thủ tục giấy tờ định cư. Mới đây còn mách việc làm thêm cho Hòa và Hợp.

Tôi nghĩ thầm: “Thôi đành vậy, chỉ một tuần.” Và, đồn Hòa, Hợp xuống cái bungalow ở cuối vườn, tôi thì chuyển sang ở tạm căn phòng may nhỏ chật, tôi thu dọn lại ba căn phòng ngủ, dành hết cho khách đoạn thắp đèn đọc sách chờ người phương xa.

Họ tới lúc đó là vào khoảng gần hai giờ sáng. Mọi mắt, tôi buông sách, ngủ chợp đi lúc nào không hay, đến khi giật mình choàng dậy thì trận bão xa đã ập

tới trước cửa nhà. Thoạt đầu là tiếng máy chiếc xe van của Toàn ngừng lại. Máy xe chưa tắt, từ trong phòng tôi đã nghe thấy tiếng những cửa xe mở toang. Tiếp theo, tiếng những hành lý đoán thấy nặng trĩu quăng ném bịch tới tấp xuống hè đường. Ngay đó, tiếng người. Ba bốn tiếng người, cùng nói lớn.

Tiếng một phụ nữ, giọng kim, thanh thoát, suýt xoa:

– Đêm Úc lạnh thấy tổ nội, anh Toàn.

Tiếng một người đàn ông, ồm ồm:

– Phố xá Úc gì mà tối thui thế này!

Chê Úc. Chê Sydney. Chê liền. Rồi một tiếng phụ nữ khác, giọng thổ, khàn khàn, rất đặc biệt:

– Nhà này đầy hả? Hoang vu ghê rợn như nhà ma thế kia.

Tôi không ngăn được bĩu môi. Hừ, nhà ma đấy, đến ở làm gì? Nhưng tôi không kịp bực bội nữa. Tiếng đập cửa đã âm âm. Tôi đi ra, thất thần tránh giạt sang một bên cho trận bão xô cửa ào vào. Không kể Toàn, họ là bốn người. Người đàn bà đi đầu, còn rất trẻ, trắng hồng, tóc cột cao, hơi mập, mặc một cái áo len vàng dài tới đầu gối. Người thứ hai một thanh niên, mặt mũi non choẹt, áo bành tô lưng thùng, sợi giây vàng trên ngực. Người đàn bà vào sau, cao, gầy mặc toàn đen với một khăn choàng quấn nhiều vòng quanh cổ. Chừng như cô ta đang đau. Vào tới nhà, đã gặp người xuống ho. Vào sau cùng là một người đàn ông đứng tuổi, tóc hoa râm, nét mặt và cái nhìn đều có một vẻ buồn phảng phất, gương

mặt trầm lặng, khắc khổ. Anh Toàn giới thiệu theo thứ tự vào nhà:

– Chị Lệ Châu, chú Quang Bình, chị Lan Anh trong đoàn trình diễn. Bác Nguyễn Mạc, đi chơi với đoàn thôi. Còn đây là nữ chủ nhân, chị Phương.

Lan Anh nhìn tôi, ánh mắt thông minh, tinh quái, lối xưng hô thân mật đốt giai đoạn:

– Phương thức lúc tụi này đến?

Tôi gật. Lan Anh quay sang Lệ Châu la lớn :

– Chết mẹ! Bọn mình nói bảy bà ngoài cửa, Phương nó nghe thấy hết trơn rồi.

Lúc đó, người đàn ông đứng tuổi

mới tiến đến trước mặt tôi, giọng ôn tồn dịu dàng:

– Chúng tôi đến làm phiền, chị Phương vui lòng cho nhé! Mấy cô này ăn nói bừa bãi. Họ sẽ nói như vậy tối ngày, chị Phương đừng để ý.

Anh Toàn bảo chuyển bay dài chắc làm họ mệt lả, đòi đi ngủ ngay. Lầm to. Toàn vừa ra khỏi cửa, hện sáng mai lại đón, đoàn người của tiền trưởng, của đám đông đến từ Mỹ châu xa vời đã biểu diễn ngay một màn ngoạn mục về thể nào là cái nếp sống nghệ sĩ lấy đêm làm ngày ngày làm đêm của họ. Họ không vào ba căn phòng ngủ, mà chùng như tỉnh táo hẳn giữa một nơi chốn xa lạ, kéo hết vào nhà bếp, để mặc đồng hành lý ngổn ngang ngoài phòng khách. Một chai rượu mạnh được lấy từ một xách tay ra. Một gói giò

chả, mấy món đồ chua, mang theo trên máy bay, từ một xách tay khác. “Nhậu, Phương”. Lan Anh la lớn. Tôi cười, lắc đầu, tựa lưng vào tường ngắm nhìn cái cảnh tượng náo nhiệt. Trong bốn người, thấy rõ ngay ở Lan Anh và Mạc, hai tửu đồ thượng hạng. Lan Anh uống rượu ồn ào hết sức. Mái tóc lắc lư, bàn tay gõ nhịp, hai chân thượng hết lên ghế, chửi thề từng chập, cười ngắt từng hồi. Mạc uống nghiêm trang hơn, đôi khi quay lại hỏi chuyện tôi, về chuyện vượt biển của ba chị em tôi, về đời sống Việt Nam ở Úc. Anh chàng Quang Bình thì ngốn ngấu một hồi rồi ưỡn bụng nghêu ngao vài khúc nhạc kích động ngoại quốc. Lệ Châu chỉ ngồi cười, nụ cười tươi vui hiền lành, một lúc chép miệng thở than là mới tới đây đã nhớ quá đứa con trai đầu lòng sáu tháng.

Đứng coi một lúc rồi tôi trở về phòng mình, khép cửa lại. Nằm xuống kéo chăn lên ngang tầm ngực – đêm Sydney lạnh buốt – tôi lắng nghe những tiếng nói cười ồn ào, tiếng ly tách va chạm, chen lẫn với tiếng chửi thề ngon lành của Lan Anh vẫn từ căn bếp vọng sang. Lắng nghe trong một tâm trạng vừa tức cười, vừa bực bội. Họ vui thật, tức cười thật, nhất là Lan Anh, mỗi người tỏ hiện rõ ràng không che dấu một cá tính, và họ tới nhà tôi sau nửa khuya mà như đem tới bình minh và ánh sáng, đem tới sự sống tươi rói cho ngôi nhà, so sánh với trước đó, lạnh ngắt như một nhà mồ.

Nhưng bực mình cũng thật bực mình. Buổi chiều tôi đã phải xin sở nghỉ một tuần để ở nhà tiếp khách thay cho Toàn, mặc dầu tôi rất ghét nghỉ việc. Ngôi nhà tôi bao năm là một thế giới ngăn

nấp, sạch sẽ từ cửa trước tới vườn sau. Hòa, Hợp động bày ra là bị tôi la mắng. Tính tôi vậy, và có lẽ bởi vậy mà trở nên khắc khổ, lạnh lùng, bữa bãi là tôi không tài nào chịu được mà đám người thì tự do phóng túng qua thể. Riêng cái đám hành lý ném ngổn ngang chống chất giữa phòng khách bàn ghế xô lệch hết đã làm cho tôi hết vía. Riêng cái kiểu ra vào phòng tắm, vắn nước tùm lum lênh láng, xà bông khăn mặt quăng liệng, lung tung của anh chàng Quang Bình lấc cấc đã làm tôi hoảng hồn. Những tiếng la, những chuỗi cười của Lan Anh nữa. Như thủy tinh vỡ. Vắn tắt là họ tới, và ngôi nhà tôi đã thoát biến thành một bãi chiến trường. Mai phải bảo cho Toàn biết mới được. Nhiều sự đã làm tôi điên đầu rồi. Trong ý nghĩ này, tôi ngủ thiếp đi.

Tôi chẳng bảo Toàn gì hết. Sự có mặt của đoàn trình diễn đến từ Hoa Kỳ xa thăm và âm âm đổ bộ vào nhà tôi, sang tới buổi sáng hôm sau, đã chuyển vào một không khí khác. Chừng như họ đã thân gần với tôi gấp bội đêm đầu. Sự thân gần tới từ cả bốn, ngộ nghĩnh và đậm đà nhất ở Lệ Châu và Lan Anh. Họ ngủ chung một phòng. Ngủ vùi tới một giờ trưa mới thức giấc. Toàn đến, thấy họ còn ngủ, bỏ về, nói chiều trở lại. Tôi ngồi nói chuyện với Mạc, ông ngủ ở sofa phòng khách, lúc dậy đi dạo một mình ngoài vườn rồi trở vào, rủ tôi cùng uống trà. Ông ít nói, cái nhìn bất chợt thật xa xôi, những cử chỉ hà tiện, chừng mực. Trong phong cách đỉnh đạc một người anh lớn, chừng như ông rất được Lệ Châu và Lan Anh nể trọng, ông cũng rất quý mến họ, cả những lúc cau mày vì Lan Anh luôn miệng chửi thề nhiều quá. Họ

kêu Mạc thân mật bằng sư phụ. Đón lấy tách trà nóng bỗng ông trao cho tôi, tôi bắt chước nói đùa câu nói đùa thứ nhất: “Sư phụ đêm qua thức khuya, sáng nay vẫn thức sớm nhất.” Mạc cười:

– Với tuổi, giấc ngủ của người càng ngày càng ngắn. Ngoài vườn có nhiều cụm hồng đào đẹp qua. Hồng nở giữa mùa đông tới lúc tôi chợt nhớ là thời tiết Úc Châu ngược lại với thời tiết Hoa Kỳ, cuối năm lúc này là đầu xuân Sidney.

Nhìn tôi:

– Họ gọi đùa tôi là sư phụ, vì ở Mỹ không đi hát là tối ngày vùi đầu vào phim chưởng và bắt chước ngôn ngữ phim chưởng. Phương cũng lớn tuổi rồi, kêu tôi bằng anh. Đời sống mấy chị em bên này được dễ chịu không?

Lời hỏi thăm dịu dàng làm tôi xúc động. Mười năm trên Úc Châu xa lạ, buổi sáng đi làm trong âm thầm, buổi chiều trở về trong tro trọi, với hai đứa em và cái thế giới trẻ tuổi, riêng tây của tôi chúng, tôi chưa được ai thăm hỏi ôn tồn như thế. Câu chuyện đứt quãng với Lệ Châu và Lan Anh trong phòng ngủ tươi cười đi ra. Đã một giấc đầy mắt, cả hai cùng tươi tắn với khuôn mặt nhẹ nhõm để trần không son phấn và mái tóc cùng búi cao lên. Họ rủ đi phố. Tôi ngần ngại quá, rất ít khi ra khỏi nhà, tới chỗ đông người. Nhưng rồi đành chiều theo vì Châu, Anh đều không biết đường, cũng không dám lái xe hơi tôi cho mượn, vì không quen đi trái. Ông Mạc ở nhà, anh chàng Quang Bình có bạn trai tới đón, tôi đưa Lệ Châu và Lan Anh tới khu Cabramatta là khu đông đảo người Việt nhất ở Sidney.

Chưa từng bao giờ trong đời, tôi đi cùng hai người đàn bà nghịch ngợm và đùa cười ồn ào như thế. Cũng chưa bao giờ trong đời tôi ở cạnh hai sự mua sắm lung tung và ăn quà triển miển không ngừng như vậy. Họ kéo tôi vào tiệm ăn sáng, rồi mua trái cây, ô mai một túi lớn vừa đi vừa liệng cho nhau ăn giữa hè đường. Tôi thường đọc những bài báo viết về người nghệ sĩ trình diễn. Nói họ là người của tiền trường, của đám đông. Tiền trường chưa thấy đâu, nhưng đám đông thì thấy ngay thật. Những tấm quảng cáo nhiều màu có hình họ và chương trình nhạc hội và khiêu vũ cuối tuần anh Toàn đã cho dán đầy đặc những cửa tiệm, những vì tường Cabramatta và những người trẻ tuổi ở đây đã nhận ra Lê Châu và Lan Anh. Họ la lớn vui mừng. Chặn đường, đi theo. Bầy người trẻ tuổi ồn động ấy, mỗi phút một đông. Nhưng

họ cũng không sàm sỡ, nham nhở gì. Chỉ tranh nhau xin chữ ký, chụp chung hình kỷ niệm. Lê Châu và Lan Anh cùng không thích bị phát giác và cản đường như vậy. Nhưng bảo tôi: “Thôi cũng được. Một cách gây tiếng vang cho chương trình anh Toàn. Cho mọi người biết hai con nhỏ đã tới Sidney”.

Buổi trưa. Tiếng hát giọng kim và tiếng hát giọng thổ lại kéo tôi vào tiệm ăn nữa. Lan Anh đã hút tới gói Dunhill thứ hai, dõng dạc gọi rượu, uống một chập mấy ly liền như uống nước lã. Vui chuyện, họ kể cho tôi về những chuyến lưu diễn qua nhiều tiểu bang Hoa Kỳ, ở Canada, ở Âu châu. Lê Châu mới vào nghề, lại lập gia đình ngay, đi ít hơn. Lan Anh thì rời khỏi Việt Nam từ năm 14 tuổi, vẫn ở một mình, từng làm đủ nghề để sống, và đã hát ở hàng chục thủ đô, hàng chục kinh

thành thế giới. Họ cười lớn với nhau về những lần lỡ máy bay, những chuyến gặp bão tuyết phải ngủ ở phi trường, về bà bầu nọ, ông bầu kia, giai thoại vui này ở Paris, chuyện tức cười kia ở Nhật. Tối ba giờ trưa, hai cơn lốc trẻ trung pha trò luôn miệng mới chịu ra xe theo tôi về. Bữa cơm chiều ở nhà. Cùng với Mạc và anh Toàn mới tới, chúng tôi lại họp hết ở nhà bếp, nhìn Lan Anh và Lệ Châu trở tài củi lửa. Điều tôi không ngờ là giọng thổ như giọng kim đều nấu ăn thật nhanh và thật giỏi. Của Lệ Châu là món canh chua cá kiểu Bắc, của Lan Anh là thịt heo kho tộ và gỏi gà kiểu Nam. Một lúc Lệ Châu: “Phương, xin nghỉ một tháng, theo tụi này qua Mỹ chơi đi.” Một lúc, Lan Anh: “Bồ của Phương đâu? Mai giới thiệu với bọn tớ, đừng giấu.” Tôi ngượng chín người, chỉ biết ngồi cười. Bồ bịch nào đâu. Bao nhiêu năm, tôi như một đời cây

buồn, đứng trơ trọi giữa một mùa đông dài thả. Bao nhiêu năm, tôi vẫn chỉ là một cái bóng một cái hình âm thầm cô độc, những xôn xao tình cảm chẳng bao giờ có trong trái tim căn cỗi, tình yêu, hạnh phúc là hai danh từ với tôi hoàn toàn xa lạ và chừng như tôi không có xuân đời, và chừng như tôi đã mất tuổi trẻ, chỉ còn là một khối vật vờ trôi theo dòng tháng ngày lặng lẽ mà thôi.

Tối đó Lệ Châu và Lan Anh nằng nặc buộc tôi sang ngủ chung phòng: “Chị em mình nói chuyện đàn bà với nhau. Ngủ một mình chán chết, tụi này cũng không quen ngủ sớm.” Ngủ một mình chán thật. Ngủ chung phòng vui thật. Lệ Châu và Lan Anh đúng là vô địch thức đêm thật. Tối thật khuya vẫn không ngừng chuyện trò. Qua hàng trăm chuyện họ trao đổi lung tung không mạch lạc, tôi

biết thêm nhiều điều về đời sống Lê Châu, về con người Lan Anh. Và qua họ, đời sống, tâm trạng, những vui buồn, những thăng trầm của người nghệ sĩ, của thế giới trình diễn, nói chung là một lối sống chạy theo sức xô đẩy của tâm hồn, mưa nắng của thị hiếu, vinh nhục của nghề nghiệp, và không thềm biết tới ngày mai. Một lúc nào đó, Lan Anh nhắc tới một người tình cũ của mình. Người tình ấy là một quân nhân. Đã chết trong cuộc chiến. “Tao đã muốn tự tử chết theo anh ấy nhiều lần, mày ơi!” Nói rồi, chảy nước mắt. Thật là một cuộc đời gió bão. Đời sống Lê Châu có vẻ hiền lành hơn, không đèo cao vực sâu như thân thể Lan Anh. Lê Châu luôn miệng nói nhớ đứa con, Phương à, mai cho mình dùng điện thoại gọi về cho thằng cu và bố.

Đoàn người từ phương xa tới đêm

thứ hai, đã ở trong nhà tôi tới thứ năm. Ba ngày, buổi sáng uống trà với Mạc, ông đọc hàng giờ một cuốn sách dày cộm mang theo (và tôi đã biết ông là nhà văn, ông được mời sang Úc cùng đoàn và sẽ nói chuyện mấy buổi ở Sydney, Melbourne) từ buổi trưa đưa Lan Anh và Lê Châu đi chợ, đi shopping nhiều khi tới tối mịt mới về, một buổi tối đi cùng họ tới một bữa tiệc linh đình do các hội đoàn Sidney khoản đãi, tôi đã trở thành một người thân của cả đoàn trình diễn. Thân với cả Mạc, mặc dầu ông ít có những tỏ hiện thân mật. Nhưng trong cái nhìn và những lúc rủ tôi ra vườn đi dạo, ông đã coi tôi như một đứa em gái nhỏ và điều này làm tôi sung sướng. Còn với Lê Châu và Lan Anh thì khỏi nói. Gần như tôi đã bị đẩy dính chặt vào, không rời được nữa. Ngủ chung phòng, đêm tôi thức dậy, thấy nằm gọn giữa giọng kim

một bên, giọng thổ một bên, cùng một chân đấp. Sáng dậy, họ kéo tôi tới trước gương, chải tóc cho tôi theo một kiểu tóc mới, dạy tôi cách kẻ lông mày, tô son môi theo đúng thời trang, cho tôi phấn, nước hoa mang theo từ Mỹ, bảo tôi phải mau mau bỏ lối ăn mặc kín bưng, bà già, cho quần áo cũng là một giải phóng, một niềm vui. Cứ như thế tôi trôi vào cơn lốc óng ánh. Nhiều lúc, giật mình bàng hoàng, tôi thấy tôi chừng như không còn là tôi nữa, mà Lan Anh và Lệ Châu đã biến đổi tôi thành một người đàn bà khác, không còn mảy may dấu vết của con người tôi, đã bao nhiêu năm và trước khi họ tới. Vắn tắt là chỉ sau ba ngày, cái trận bão người tràn tới từ bên kia Thái Bình Dương mệnh mông đã thổi giạt tôi vào một trời đất khác. Đúng là bão thật. Hết thấy ngày tháng tôi xưa, hoàn toàn cuộc đời tôi trước đã bị giạt cho đổ sập.

Bất ngờ là xảy ra chuyện này. Chuyện thời tiết Úc. Chuyện khí hậu Úc. Chuyện mưa nắng đặc biệt ở Cabramatta. Chuyện nóng lạnh thất thường cuối năm ở Sydney. Ngày thứ năm, từ Mạc đến anh chàng trâu lẩn Quang Bình, đến Lan Anh và Lệ Châu đều ngã bệnh hết. Đau cả bốn, thỉnh linh và bất ngờ. Anh Toàn tới, trước những tiếng họ rũ rượi từng chập, trước cả đoàn trình diễn cùng nằm la liệt giường, đòi có ngay bác sĩ và từ chối ăn sáng ăn trưa, cuống người lên. Toàn xanh mặt là đúng. Chỉ còn một ngày thứ sáu, tối thứ bảy đã trình diễn, sau đó cả đoàn còn phải đi trình diễn ở Brisbane và Melbourne nữa. Không ăn nhằm gì đến mình, tôi cũng cuống cuống lên. Đoàn lưu diễn lại chưa có một buổi tập dượt nào với ban nhạc địa phương, non nớt và rất khớp đạo nhạc cho đàn anh đàn chị. Vị bác sĩ danh tiếng nhất

vùng được cấp tốc đưa tới. Ông thăm bệnh, chẩn mạch từng người, cho toa. Riêng với Lan Anh là người đau nặng nhất. Phần tôi, nấu cháo, làm nước cam tươi, xúc dầu cạo gió cho Lệ Châu và Lan Anh nữa. Nằm dưới mấy lớp chăn, lúc nóng bỏng như một lò lửa, lúc lạnh ngắt như một tảng băng, Lan Anh vẫn còn thích nói đùa: “Phen này anh sạt nghiệp rồi, anh Toàn.” Đoàn trình diễn đau, mỗi người nằm một nơi, ngôi nhà đang ồn ào của tôi chợt yên tĩnh hẳn. Mọi người bất động tới buổi chiều, tối dậy ăn qua loa rồi lại về phòng ngủ hết. Chùng như họ dùng giấc ngủ để hóa giải căn bệnh.

Sáng thứ sáu, ban nhạc tới, ngồi chờ ở phòng khách. Lan Anh, Lệ Châu cùng gắng gượng ngồi lên, khoác chăn lết bết đi ra. Dần dần rồi ban nhạc cũng dượt được một bài chính yếu cho buổi diễn.

Với những tiếng đàn, tiếng hát, tiếng gõ nhịp, không khí được hâm nóng hơn, cảm cúm xem chừng đang rút lui từng bước. Điều tôi nhận thấy là lúc thường họ đùa nghịch dõn cợt bao nhiêu, lúc tập dượt, Lan Anh, Lệ Châu, Quang Bình trang nghiêm và cẩn trọng bấy nhiêu. Nhiều đoạn chỉ một nhịp, một âm, họ bắt ban nhạc dượt đi dượt lại cả chục lần, chăm chú hát theo, tới lúc gặt đầu mới chuyển sang đoạn khác.

Sáng thứ bảy, Mạc pha cho mỗi người một tách trà, hỏi: “Tối nay lên sân khấu được không?” Lan Anh và Lệ Châu, còn trèm mền trên vai, nét mặt mệt nhọc, đồng thanh: “Thưa được, sư phụ”. Họ cười: “Không được cũng phải được. Bộ để cho anh Toàn nhảy xuống Thái Bình Dương tự vẫn sao?” Sáu giờ chiều. Tôi theo cả đoàn tới hí viện. Xách cho Lan

Anh và Lệ Châu hai thùng đồ trang điểm nặng chiu, và mấy máng áo dài, cái nào cũng rực rỡ, lấp lánh kim tuyến họ sẽ mặc thay đổi mỗi người một giờ ngoài tiền trường, tôi cùng im lặng với họ trên suốt lộ trình 30 dặm giữa hoàng hôn Sydney đang thắm màu dần dần. Cảm thấy ở họ một tập trung, một căng thẳng, gần như một lo âu nào đó. Thì ra trình diễn là thế, không phải chỉ cười đùa. Mà còn là tập dượt công phu và khổ cực. Mà còn là chuẩn bị tinh thần trước mấy ngàn con người chờ đợi, làm sao cho tốt đẹp phần mình, làm sao cho bên dưới không thất vọng. Đúng một giờ đêm buổi diễn mới chấm dứt. Một thành công rực rỡ. Quang Bình cũng được lớp người trẻ hoan hô nhiệt liệt, Lệ Châu mới là bông hoa kiều diễm nhất dưới ánh đèn và Lan Anh mới là một bà hoàng sáng chói của sân khấu.

Những tiếng bis, bis vang dội từ các hàng ghế. Những tràng pháo tay vỡ rập. Một rừng hoa tặng đưa lên. Cả đoàn cùng đi ra, xếp thành một hàng dài, hát bài tạm biệt, vẫy tay chào, hẹn trở lại Sydney trước một cảnh tượng la hét, tán thưởng hân hoan chưa từng thấy. Rồi màn hạ. Anh Toàn vui mừng ra mặt. Đêm đó anh mời cả đoàn tới tiệm ăn Trung Hoa sang trọng nhất của Sydney. Buổi diễn tốt đẹp như cất khỏi Lan Anh và Lệ Châu một gánh nặng. Họ lại cười đùa, lại giỡn nghịch như hai đứa con nít. Về tới nhà, Lệ Châu và Lan Anh cùng kéo tôi vào phòng ngủ. Tặng tôi một lô son phấn, nói giữ làm kỷ niệm. Nói họ về Mỹ, sẽ nhớ tôi, sẽ viết thư. Rồi Mạc gỗ cửa vào. Ông nắm lấy tay tôi, thay mặt cho cả đoàn nói lời cảm ơn và từ biệt.

Sáng sớm hôm sau họ đi Brisbane và không trở lại Sydney. Trận bão người từ viễn phương, đổ ập vào nhà tôi một đêm Úc Châu lạnh buốt, trận bão ấy đã rút đi được hai tuần rồi. Tôi thu dọn lại nhà cửa, trở lại phòng ngủ mình, mỗi buổi sáng mù sương lại lái xe đi làm như cũ. Như đoàn người xa lạ trước sau vẫn xa lạ. Như không có chuyện gì xảy ra. Đôi lúc tôi muốn nghĩ họ đã quên tôi. Họ đã đến những đô thị khác, những kinh thành khác, gặp hàng ngàn người khác, vào ở những ngôi nhà khác và Sidney không còn trong trí nhớ. Muốn nghĩ vậy. Để dễ dàng cho mình. Để cũng mau chóng lãng quên.

Nhưng rồi tôi thấy tôi như một người mất hồn. Bởi dấu vết trận bão để lại vẫn tan tành và nguyên vẹn. Dấu vết ấy cùng khắp mọi xó góc. Trên lối đi ngoài vườn,

Mạc đã đi buổi sang ông thức dậy. Trong căn phòng nhà bếp, cái ghế kia Lan Anh, cái chỗ này Lê Châu. Trong phòng ngủ tôi, dấu vết họ để lại mới tràn ngập. Mấy tuần rồi mà như vẫn còn phảng phất đâu đó, mùi phấn của giọng thổ, mùi nước hoa của giọng kim, chuỗi cười ròn rã của Lê Châu, tiếng chửi thể ngon lành, bạo tợn của Lan Anh. Khuôn mặt họ, bàn tay họ cầm lược chải đầu, cầm thỏi son môi, vẫn còn như in hằn trên tấm gương bàn phấn tôi ngồi nhìn tôi đắm đắm, những đêm khuya không tài nào ngủ được.

Rồi Sydney thân tình, Sydney thỏa thuận, Sydney đã mười năm phảng lảng bình yên, Sydney với tôi thành linh khác hẳn. Như một xa lạ, một đứt rời đột ngột. Những đêm Sydney bỗng lạnh. Những

ngày Sydney bỗng buồn. Những buổi trưa Sidney chợt sa mịch, những buổi chiều Sydney mùa đông. Con đường đi tới sở sao mà tịch mịch. Con đường từ sở về sao mà dài thẳm. Trận bão tới đã giạt sập tôi xuống, biến tôi thành một con người khác. Điều lạ lùng này vừa làm tôi khổ sở lại như vừa làm tôi sung sướng. Vừa làm tôi đắm đuối nước mắt, vừa làm tôi hồi hộp, rạo rực. Bích, chị ruột tôi, đã định cư ở Hoa Kỳ vẫn viết thư giục tôi thu xếp dần để sang sống với chị. Tôi chợt nhớ tới Bích. Bảo lãnh chừng khó, nhưng không phải là bất khả. Rồi Úc Châu cũng là một chật đút nhiều đau đớn. Những vết thương nào mà không lành, lựa chọn nào không ít nhiều mất mát. Tôi bật cười, nhớ đến câu chửi thể ngộ nghĩnh của Lan Anh. Dù má nó. Ủ, dù má nó, tại sao không nhỉ? Tại sao không nhỉ anh Mạc? Tại sao không nhỉ

Lệ Châu, Lan Anh? Một ngày gần đây, tôi cũng sẽ biến thân thành bão. Đi vào vùng gió lớn.

Tất cả từ một trận bão người đổ ập vào cái thế giới lặng lẽ buồn rầu của tôi ở Sydney. Một đêm kia.

NGƯỜI HÀ NỘI CUỐI CÙNG

Khoảng năm sáu tháng thất thủ miền Nam, tôi gặp lại Xuân, người bạn học cũ, lần thứ nhì. Xuân có ngót bốn mươi năm đảng tịch, cấp bậc và địa vị khá cao, được đi ghé chuyên cơ, danh từ cộng sản dùng cho những chuyến bay đặc biệt dành riêng cho những nhân vật đỉnh đảng.

Lần thứ nhì. Vì chỉ vài ngày sau 30 tháng tư, Xuân đã có mặt ở Sài Gòn và tìm ra địa chỉ tôi, lúc Sài Gòn mất hẳn đang có công tác ở tuyến đầu Quảng Trị, và lập tức nhảy lên molotova đi một mạch hai ngày hai đêm không nghỉ. Do vậy tôi được Sài Gòn trong số những cán bộ miền Bắc tới được Sài Gòn sớm nhất. Xuân trở về Hà Nội. Nói sẽ thu xếp trở vào nữa. Và đã làm được như thế. Nhờ giao dịch khéo léo. Nhất là nhờ Huyền, người vợ có anh ruột phụ trách về kỹ thuật ở phi trường Gia Lâm, đặc biệt về những chuyến bay đặc biệt cho các đàn anh lãnh tụ.

Lần đầu, nằm với nhau một đêm, viện dẫn tình bạn thân thiết từ thiếu thời và cùng một lớp học, để xóa bỏ hết mọi ranh giới ngăn cách thù nghịch giữa người hai miền, Xuân đã thuật lại cho tôi

sự thật hoàn toàn, không che giấu, về Hà Nội điêu tàn, Hà Nội đổ nát thảm thương sau 20 năm xã hội chủ nghĩa. Thuật lại, về một Hà Nội tiền chiến và tiền khởi nghĩa Xuân và tôi đã cùng sống dưới những hàng cây và trên những vỉa hè của nó những tháng năm tuổi trẻ và vào đời đẹp nhất. Thuật lại một Hà Nội sau đó, phản lực Mỹ nổ ở Khâm Thiên, ở Ngã Tư Sở, ở bãi Phúc Xá, Hà Nội đổ chỉ còn một mình Xuân, tôi đã di cư vào Nam và Xuân lấy Huyền, người bạn gái cùng lớp của hai chúng tôi, bấy giờ Huyền đã rất xinh đẹp và mới mười bảy tuổi. “Chính cô ấy dẫn tao vào được Sài Gòn, nhớ tìm kiếm dấu tích để lại của mày ngay. Dấu tích, vì chúng tao được tin đồn sai là mày đã chết. Mấy ngày nữa, tao về thuật lại mày còn sống nhần, hai thằng gác chân trò chuyện suốt đêm, chẳng hiểu cô ấy phản ứng như thế nào”.

Lần thứ hai, Xuân vào, không còn đem theo lời của dặn của Huyền kiếm tìm dấu tích để lại của tôi như lần trước. Mà một gói quà của Huyền. Một cây thuốc lá Điện Biên. Một chai rượu Lúa Mới. Quý hơn, một gói cốm Làng Vòng nữa. Tôi cười: “Huyền bao giờ cũng những cái nhỏ nhỏ, cũng chu đáo y hệt ngày xưa nhỉ? Xuân có vẻ hài lòng lắm khi tôi khen ngợi người bạn gái cũ của hai đứa chúng tôi từ một thời gian xa lắm, cái thời gian chúng tôi cùng có vầng trăng Tây Hồ trên đầu, trận mưa phùn ngay nghiêng qua cửa Ô Quan Chưởng ở trên vai, bóng mát mùa hè của những đại thụ đan cành trên lòng đường Cửa Nam, Quán Thánh. Xuân gật: “Vẫn giữ được nét đó. Cũng đỡ cho tao lắm. Bây giờ già rồi vì đời sống chúng tao và bây giờ vẫn cơ cực. Nhưng vẫn rất tình cảm. Tao kể mày chưa chết, đã gặp lại, bật khóc

lên đấy. Muốn vào Nam thăm mày ngay, nhưng chưa thu xếp được việc nhà. Nói chuyện với mày đây»

Xuân moi ở đáy bạc-đà ra một cái băng cát-sét. Hắn lắp cuốn băng vào máy. Và lấy quần áo đi tắm. Để tôi một mình nghe tiếng nói của Huyền sau hơn hai mươi năm và gửi vào tử Hà Nội.

Huyền nói vào băng chừng mười lăm phút. Chậm rãi, dịu dàng rành rọt. Nhưng đôi lúc cũng không kìm giữ được xúc động. Vẫn giọng nói, cách nói chỉ có một của người Hà Nội tôi không biết miêu tả sự chính xác, sự thanh thoát như thế nào, chỉ biết những người ở Hà Đông, ở Phủ Lý, ở Gia Lâm, những tỉnh giáp ranh với Hà Nội, rất gần, không cách một triền núi ngăn một dòng sông nào nhưng giọng nói, cách nói đã

khác biệt, dân miền Bắc với nhau nhận định được liền sự khác biệt này. Có như một người dân ở Paris, ở Lourdes với tất cả những người địa phương còn lại của nước Pháp nước Anh vậy. Gọi đó là cách nói, giọng nói của người thủ đô, vậy thôi. Và nó văn minh, nó thủ đô hơn. Nghe lại một giọng nói xa xưa thân thiết, kể lại những đổi thay, những kỷ niệm, như một tường trình đầy quý mến, tôi cũng thấy băng khuâng trong lòng. Như thấy Huyền đang ngồi trước mặt. Và rất vui khi tiếng lời nói, câu nói những danh từ Huyền dùng sau hơn hai mươi năm không thay đổi, tấm lòng quý mến của tôi có thể giảm sút hẳn, hoặc tôi sẽ bật cười chế riễu nếu Huyền nói cái kiểu nói rập khuôn ngàn người như một của những người Hà Nội sau này tôi gặp, với những từ ngữ kịch cớm, quê mùa bọn cán bộ ưa dùng, và dùng y hệt như nhau,

như những cái máy nói, những con vẹt nói. Không có gì khổ cho cái lỗ tai bằng sự biến tướng, biến âm ấy về ngôn ngữ của cả một lớp người Hà Nội. Ở sự biến tướng kỳ quái thất vọng ấy về giọng nói, cách nói, chỉ vậy, chưa cần nói đến những hình thái khác của đời sống.

Hà Nội thanh lịch thuở nào, Hà Nội “ngàn năm văn vật đất Thăng Long”, Hà Nội lệ kiều và đài các người lính đi kháng chiến trường kỳ trong thơ Quang Dũng đêm đêm mơ về, Hà Nội ấy đích thực đã bị chôn vùi dưới đáy Hồ Gươm, chôn vùi xong xuôi, từ hai mươi năm. Xuân, người bạn thân ngày xưa gặp lại, cũng đã phần nào rơi vào guồng máy biến tướng ấy. Dẫu còn đỡ, chưa quá quẩn lắm. Như khi lấy quần áo xuống nhà tắm, hẳn nói: “Tao tranh thủ đi tắm trước nhé!” khiến tôi suýt phì cười. Riêng Huyền không.

Thật may. Bao nhiêu năm, giọng nói vẫn một đất xuân xưa, một trời thu xưa Hà Nội. Nàng đã “tranh thủ” trọn nửa đời để giọng nói nàng vẫn còn là của chính nàng. Lối kể lại những đổi thay, những vui buồn trải dài trên hơn hai mươi năm gió bão, cũng vậy. Nó xuất phát từ một hình thái tâm hồn và tình cảm không thay đổi. Mặc dầu người thiếu nữ ở nàng đã chết.

Huyền kể rất nhiều chuyện của hai mươi năm chiến tranh và chia cách, với Hà Nội trước sau như một ngã tư lớn đứng giữ nhiều ngã đường phiêu linh và trôi giạt mà Huyền đã trải qua, Xuân cùng với nàng và tôi, một phần trong quá khứ.

Về cuộc chiến, Huyền không đích thực tả lại nó. Mà về Huyền, về chính đời

sống của nàng, của mẹ nàng, bà cụ đã mất trong đợt đấu tố địa chủ và bầy con nhỏ lần lượt ra đời trong chiến tranh. Quãng đời hai mươi năm ấy của Huyền, quãng đời ở đó Huyền nhìn thấy tuổi trẻ của nàng không còn những mộng tưởng một đời sống đồng loạt tan vỡ, là hình ảnh một con đường vừa vô cùng gió bão, vừa hết sức lẻ loi.

– Anh Xuân ít khi có nhà, Huyền nói. Năm thì phải đi chiến trường Điện Biên. Năm thì phải đi chiến trường Tây Bắc. Gia nhập đảng từ Việt Minh còn trong bóng tối, từ hồi hai anh cùng bỏ học đeo bạc–đà đi vào kháng chiến, nhưng anh ấy vẫn phải nhận lãnh những công tác hiểm nghèo và ở xa vợ con nhất, vì là thành phần tiểu tư sản, điều này chắc anh cũng đã rõ. Bà cụ còn bị đấu tố đến chết nữa mà đứa con cộng sản không cứu nổi mẹ,

còn phải bỏ hết nhà cửa, đất cát ở Phủ Lý thì anh biết chế độ khắc nghiệt đến thế nào và đời sống mẹ con em thê thảm tới mức nào. Đến mức ở ngoài mọi tưởng tượng. Đến bây giờ em cũng vẫn không hiểu tại sao em có thể trải qua một mình những năm tháng ấy, còn thêm một đàn con nhỏ trên tay. Anh còn nhớ căn nhà lá dưới bờ đê sông Đáy, trên lối vào chùa Hương, một lần anh từ Khu Tư ra có ghé nhà và ở lại với vợ chồng em hai đêm không? Hai đêm ấy, em còn nhớ trăng sáng tuyệt đẹp, em đi theo hai anh lên mặt đê ngồi kể lại thời đi học tới khuya, sau đó anh vào Hà Nội và không bao giờ em còn được gặp anh nữa. Hai đêm trăng cuối cùng của chúng ta. Nhớ lại, lần nào em cũng khóc. Nhiều năm sau, anh Xuân lại phải đi chiến dịch ở biên giới, em đem bảy con về ở lại căn nhà ấy. Những ngày mưa to gió lớn, em vẫn

phải đội nón lá ra cánh đồng ngập nước mênh mông, bì bõm trơn buổi trong bùn để bắt mấy con tôm con cua đem về nấu bát canh cho các con em, hôm nào được nhiều đem ra chợ bán lấy tiền mua gạo. Em không can đảm đâu. Anh nhớ ngày trước động một tý là em khóc liền, hai anh phải thay phiên dỗ. Chỉ là khổ đến cùng, khổ trọn một đời, khổ mấy chục năm liền, đứa em gái của anh đã chai đi, không còn biết buồn vui là gì, không còn nước mắt để khóc. Không có đàn con giữ lại, chắc em đã tự tử chết. Lại còn bệnh tật của Xuân nữa. Đi chiến trường về, anh ấy bị kiệt lực, sốt rét rừng đủ thứ, nằm liệt giường hơn một năm trời. Cũng may chiến tranh chấm dứt, đất nước mình chia đôi thành hai miền, anh vào Nam và gia đình chúng em tìm cách về sống được ở Hà Nội. Hà Nội. Những nơi chốn gặp lại. Những kỷ niệm sống lại. Mỗi

lần đi lại một con đường xưa, một lòng phố cũ của Hà Nội, Hà Nội thanh bình, Hà Nội của tuổi học trò, của tuổi trẻ thơ mộng lãng mạn của chúng ta, vợ chồng em lại nhắc đến anh, anh mà chúng em không còn một dấu tích nào ngoài tin đồn từ Sài Gòn ra là anh đã mất. Anh đi. Chúng mình xa nhau. Cùng mất nhau. Và Hà Nội của chúng ta thuở nào, Hà Nội ấy cũng đã mất rồi. Bởi Hà Nội bây giờ không còn gì của Hà Nội cũ.

Và với một giọng kể êm đềm hơn, ấm áp hơn, tiếng nói của người Hà Nội trong cuốn băng gửi vào từ Hà Nội đã tả cho tôi, thấy nhiều nơi chốn của Hà Nội xã hội chủ nghĩa. Về địa chỉ hiện giờ của nàng thì Huyền và Xuân đã xin được một miếng đất nhỏ, cất được một căn nhà tường gỗ mái lá ở một ven biên Hà Nội, khu Hoàng Hoa Thám, cạnh làng

Láng nổi danh vì rau húng Láng. Nhà cửa chật chội, quê mùa nhưng Huyền kể nàng cũng thu xếp được khá tươm tất, ngăn nắp “nó cũng sang hơn, từ ngày có cái quạt máy, cái máy cát-sét và cái mừng Mỹ anh Xuân mang được ở Sài Gòn về». Rồi Huyền kể tiếp cho tôi nghe về một vài khu phố của Hà Nội, thường là trên con đường đến trường ngày trước của chúng tôi, những nơi chúng tôi thích la cà đi dạo buổi chiều thứ bảy, buổi sáng chủ nhật. Khu Đồng Xuân, Hàng Khoai, bây giờ tới mùa là Huyền chở rau vườn nàng trồng tới bán, cho có thêm tiền chi tiêu trong gia đình. Khu Cổ Ngư, Trấn Quốc, chúng tôi thường đạp xe đi hóng gió những chiều hè. Khu Tràng Tiền, Nhà Hát Lớn, khu Hoàn Kiếm, Hàng Trống hết năm học là phương vĩ đỏ rực, Huyền nói sự thanh lịch thuở nào từ lâu đã chết, chỉ còn là những dãy phố tối tăm, điều

tàn không được chỉnh trang gì từ đã mấy chục năm. Khu Bạch Mai Phố Huế. Khu Kim Liên Đống Mác. Con đường chạy dài từ Hoàn Kiếm xuống ngoại ô Bạch Mai nữa, với những cỗ xe điện cổ lỗ không bao giờ được thay mới. Khu Tràng Thi, Cửa Nam nữa, mà Huyền nói nếu tôi một ngày được ra thăm Hà Nội, không tài nào tôi còn nhận được ra.

“Đó, Hà Nội mà anh đã một thời yêu mến và chắc vẫn chưa quên”. Huyền kết thúc với tôi như vậy, phần thâu bằng tiếng nói của Huyền về Hà Nội. Đoạn cuối chót cuốn băng là một mong ước. Một mong ước chí tình và chân thực, cũng là đoạn băng làm tôi cảm động nhất.

– Em cầu mong rằng mọi thù oán giữa hai miền người lắng và tan biến dần theo thời gian. Anh tin sự thành thật của

em nhé! Mấy chục năm dài khổ cực, em đã thay đổi hết từ hình thức đến tinh thần, em đã cấm anh Xuân không được mang hình em vào cho anh coi, em như Hà Nội, anh nhìn hình cũng chẳng nhận ra. Nhưng có một điều không đổi thay bao giờ trong em, là em quyết tâm không sống với một oán thù nào. Và em đã giữ được trọn đời cho em như vậy. Thì tại sao người hai miền rồi đây không là như vậy? Em biết tới đây, anh cười em ngây thơ rồi. Ngây thơ. Chắc vậy. Nhưng em vẫn cứ cầu mong, với tất cả sức mạnh của tâm hồn. Là một ngày kia, em được ra tận đầu ngõ đón anh vào căn nhà gỗ khu Hoàng Hoa Thám này. Giữ anh lại ở với vợ chồng em. Như anh em mình đã ở cùng nhau những ngày vui cũ. Rồi chiều chiều, anh em mình lại lên Bờ Hồ hóng gió, tới Hồ Tây chờ trăng, đạp xe qua cầu

sông Cái về quê thăm quê anh ở bên kia Hồng Hà. Như xưa. Như trước.

Tôi tháo cuộn băng ra khỏi máy. Tiếng Huyền, cái tiếng nói tuyệt đẹp của người Hà Nội, tâm hồn Huyền ở cái phần kín thắm tốt đẹp nhất của Hà Nội mà chế độ không hủy diệt được, còn vang ngân trong đầu. Cảm ơn Huyền, tôi nói thầm. Cảm ơn và rất tiếc. Chẳng bao giờ chúng ta còn có trùng phùng cho những người Hà Nội, như chúng ta. Vĩnh biệt.

Xuân đã tắm xong. Từ sân trong đi ra. Cái khăn cán bộ vắt vại. Mái tóc, điệu dáng, giọng nói cán bộ:

– Cô ấy nói gì? Chẳng hiểu Xuân có mặt lúc Huyền thâu tiếng nói hoặc đã nghe trước cuộn băng hay không, tôi đáp:

– Chuyện gia đình mày. Chuyện Hà Nội.

– Phản động lắm phải không? Cô ấy chửi đảng khiến tao suýt chết mấy lần đấy.

Tôi cười:

– Không. Rất cách mạng. Rất tiến bộ. Nghĩ lại, thấy lời nói đùa của mình rất đúng. Huyền cách mạng và tiến bộ thật. Không vậy làm sao còn được là người Hà Nội, gìn giữ được tấm lòng của người Hà Nội. Tới giờ.

ĐÊM SA MẠC

Người đàn ông ngồi quay lưng lại với khu đọa lạc của thị trấn ở trên cao, một thị trấn hoàn toàn xa lạ, hắn chỉ mới tới hồi chiều, lần đầu. Và đặt chân xuống từ chuyến xe lửa ngừng lại ở một nhà ga đổ nát. Hắn hỏi thăm một ông già da đen. Hiểu được khu đọa lạc nằm ở phía Tây thị trấn. Nói cảm ơn và lầm lũi cất bước đi về hướng đó. Băng qua những đường rầy chằng chịt, một

bãi hoang ngập ngụa rác rưởi, những kho hàng phế thải, hắt xuống tới chân nước và đi ngược lên. Hắt đi ngược lên, đi dọc theo những thân tàu mục nát, những mặt nước đen kịt hiện ra từng quãng, và ngừng lại ở khúc bến bờ hoang, nơi có con phố đi dần lên theo hình bậc thang tới khu đọa lạc, bên kia những đường rầy.

Còn sớm. Mới buổi chiều. Chưa tới giờ. Đời sống của bất cứ một khu đọa lạc nào trên trái đất này chỉ thực sự bắt đầu cùng đêm tối xuống, khi tiếng nhạc dậm dật kích động trỗi lên cùng với sự cháy rực của những ánh đèn đỏ khé. Chưa tới giờ. Hắt biết rõ vậy. Chưa một tiếng nhạc thác loạn nào tử trên kia vọng xuống. Chưa một ánh đèn đỏ khé. Thả bịch cái xắc đeo ở trên trên vai cho rớt xuống mặt đất bến, hắt ngồi xuống một

kè đá. Và im lặng chờ giờ.

Một lát. Thật lâu. Nhiều giờ phút trôi qua. Buổi chiều thắm màu rồi bóng đêm như một cánh dơi khổng lồ từ từ phủ xuống. Những cảnh tượng chung quanh, mặt đất bến hoang rậm lẫn lóc, cửa vịnh mù sương trước mặt, những ống khói tàu và những thân tàu đổ nghiêng lần lượt biến dần từ những hình thể nhá nhem lẫn lẫn tới một nhòa nhạt cùng khắp, hắt cũng vậy, đồng màu dần dần với cái lưới bóng tối mỗi phút một dày hơn. Hắt châm một điệu thuốc, hai chân thả lỏng trên mặt nước phía dưới, nơi thủy triều đang dâng, rì rào ở những chân cừ.

Toàn thân hắt như gãy xuống trong một mội mội rời rã. Từ vai tới lưng. Từ bàn tay hắt đang cầm điệu thuốc tới khắp cùng thân thể nhóp nhúa. Hắt đã

đi gần trọn một tháng trời. Từ Nam lên Bắc. Từ Đông sang Tây. Qua không biết bao nhiêu vùng đọa lạc. Và hắn đã tới đây như một trạm tới cuối cùng. Và hắn ngồi đó. Một mình, trên mặt bến tối thẫm. Bất động như một pho tượng lạnh. Nhấn nại chờ đợi.

* * *

Tại sao tôi thình lình vất bỏ hết thảy, con tàu đánh cá hùn chung với Phát, cái đời sống lỏng lẻo gió nắng và đầy tương lai ở Louisiana, nơi tôi đã sống từ ngày vượt biển tới Mỹ, cuộc chung sống êm đềm sắp tới với Huệ, người em gái hiền lành thùy mị của Phát, tại sao tôi thình lình vất bỏ hết thảy như vậy và lên đường từ cái bến đánh cá bình yên ấy ở

Louisiana? Tôi không biết được. Hoặc cho là biết, cũng từ một xô đẩy rất lung linh mơ hồ. Như là cái lý do của một kiếm tìm tưởng chẳng bao giờ nữa, bỗng bâng hoàng thức dậy thành một thúc bách khẩn cấp. Không biết. Không rõ. Chỉ biết buổi chiều hôm ấy, cùng Phát đưa con tàu đánh cá từ ngoài khơi về bến, tôi gọi Phát vào phòng lái và cho nó biết tôi thôi hành nghề, thôi chung vốn, lấy lại phần hùn.

Phát tròn mắt:

- Mày nói đùa hay nói thật?
- Thật. Tao đã suy nghĩ. Đã nhất định.
- Để làm gì? Tao đi. Rời khỏi đây.
- Đi đâu? Tại sao đi?

– Đó là chuyện riêng của tao. Mà mày không nên hỏi tới.

Phát ngẩn người, nhìn tôi như nhìn một thằng điên. Ngày trước, nó ở cùng đơn vị biệt kích với tôi. Đã nhiều lần cùng vào sinh ra tử. Nó đã nhiều lần tròn mắt về tâm tính lạ lùng khó hiểu của tôi, nhưng đây là lần đầu nó nhìn tôi như nhìn một thằng khùng, một thằng mất trí đích thực. Nó lặng người đi. Một lát:

– Công việc làm ăn bọn mình đang đà phát đạt...

– Tao biết.

– Mày không chịu giải thích cái điên khùng kỳ lạ của mày thì tao chịu, biết làm thế nào bây giờ. Chuyện em gái tao với mày, tao tưởng...

Tôi gạt đi:

– Tao rất quý mến Huệ. Nhưng phải đi. Mày đừng đề cập tới, tao rất khổ tâm.

Phát lắc đầu, chán ngán. Tức giận, nó văng tục:

– Mẹ kiếp! Thôi kệ cha mày. Chia phần hùn cũng dễ thôi. Cứ chặt đôi ra. Nhưng hiện giờ trưng mục chưa đủ số tiền phải trả lại mày.

– Có bao nhiêu cứ đưa tao một phần trước cũng được. Tao có thể trở về, không chừng. Khi đó sẽ tính lại với nhau sau.

Thế là nhét một cọc giấy bạc vào túi áo, mặc lại bộ quần áo dù mang theo ngày vượt biển, một túi vải trên vai, tôi rời khỏi Louisiana. Phát giận, không thềm tiền ra bến xe. Tôi cũng chẳng cần. Chỉ

có mấy phút nặng nề là lúc tôi tìm từ biệt Huệ. Chúng tôi chưa có một tỏ tình nào rõ rệt với nhau. Nhưng bao năm chung sống dưới một mái nhà, sớm tối đều thấy mặt, sự thân gần đã dẹt thành giữa Huệ và tôi một tình cảm yêu thương không nói. Khiến như nếu một ngày tôi và Huệ đi tới hôn nhân thì đó cũng là một điều rất tự nhiên. Một người tình, chưa rõ thế nào. Nhưng một người vợ thì Huệ là một mẫu người lý tưởng. Nàng dịu dàng, nét na như trong đời tôi chưa thấy một người con gái nào dịu dàng nét na như thế. Chắc Phát đã nói tôi đòi lại phần hùn, tôi sắp bỏ đi. Hai ngày sau cùng Huệ tìm đủ cách để tránh mặt tôi. Kiếm mãi mới thấy nàng ngồi một mình ở một khúc biển vắng, trên một gò cát. Phút từ biệt rất buồn bã. Huệ ngồi lặng, đầu cúi xuống, ngón tay vẽ vẽ xóa xóa trên mặt cát, không chịu nói với tôi một lời nào.

Nàng khóc lặng lẽ và lúc tôi quay gót, vẫn ngồi bất động trong điệu dáng cũ.

Chiếc xe bus thưa vắng chạy lên một dốc cầu, cho tôi nhìn thấy cái bến đánh cá, những ngôi nhà cũ kỹ ở đó và dải biển bao la trước mặt nó một lần cuối cùng. Phát. Huệ. Những buổi sáng ra khơi từ tối đất. Những hoàng hôn về bến, cái bóng dáng nhỏ nhắn của Huệ đứng đợi in hình lên nền trời, mái tóc Huệ bay tung theo chiều gió. Tôi làm nghề miệt mài với Phát, mềm lòng đi trước những săn sóc dịu dàng của Huệ và cùng với thời gian trôi qua nhiều lần tôi tưởng tôi đã quên được. Quên được quá khứ mình. Quên được quãng đời cũ, với tất cả mọi chuyện đã trôi qua và đã bỏ lại thật xa, tận bên kia trái đất. Tôi đã tưởng vậy. Mong vậy.

Rằng nó chỉ là con điểm mặt hạng, một con điểm đứng đường, chắc nó đã chết rồi, và nếu còn sống thì cả hai phía, nó và tôi, đều đã quên nhau.

Mọi chuyện bắt đầu bằng một tiếng nổ phá dữ dội ở Bình Long. Một trái lựu đạn thành linh từ đâu ném tới nổ tung cách tôi năm thước khi tôi vừa phóng mình lên từ sau một gò đất và lao tới tấn công một ổ súng địch phía bên kia một con suối cạn dòng. Tôi ngã vật xuống, ngất đi. Hai ngày sau tỉnh dậy, thấy toàn thân bông băng trắng toát nằm trên một giường sắt nhộp nhúa của Quân Y Viện Cộng Hòa. Tôi thoát chết. Nhưng bác sĩ nói những vết thương còn lâu mới lành, tôi còn phải nằm viện ít nhất hai tháng và nếu có xuất viện được, cũng phải dùng nặng ít nhất trong vòng một năm. Hai tháng nằm bệnh ấy là sáu mươi ngày

chán nản tro trọi nhất của đời tôi. Ở đơn vị tôi còn một số bạn đồng đội khá thân thiết. Như Phát. Bị thương nặng, phải chuyển về một bệnh viện hậu cứ, tôi mồ côi cha mẹ từ thuở nhỏ, tứ cố vô thân, ngày này qua ngày khác, chỉ có mình với mình và những ống thuốc chích, không có một kẻ nào tới thăm. Những đêm thao thức. Cái trần phòng bệnh trên đầu trắng toát. Những ngày lê thê. Chỉ một khung cửa sổ phòng in hình những cụm mây lạnh lùng trôi qua. Lòng dạ tôi lúc nào cũng bồn chồn như lửa đốt.

Cuối cùng sự nhẫn nại của tôi chạm tới cái giới hạn cuối cùng của nhẫn nại. Chờ một buổi tối chủ nhật, bệnh viện vắng người, ngồi lên, lắng tai không nghe thấy một tiếng chân nào ngoài hành lang, tôi tháo bỏ hết bông băng mặc dầu vết thương chưa lành hẳn, và mặc nhanh

bộ quần áo dù lên người, tôi lấy hai cây nạng dựng ở đầu giường, tập tễnh trốn khỏi bệnh viện đi ra.

Trời tối lại lất phất mưa nữa. Cổng bệnh viện vắng ngắt. Không ai phát giác ra tôi. Đi được một quãng dưới những hàng cây, tôi mới thấy được cho tôi là trong người không có một đồng, một chữ nào và cũng chẳng có một nơi chốn thân quen nào để tìm đến.

Thật là một tình huống vừa hiểm nghèo vừa tuyệt vọng. Nhưng trở lại viện thì tôi không có đủ can đảm ấy. Đúng lúc ấy, một tiếng gọi từ sau một thân cây:

– Anh kia, đi chơi đêm nay không?

Lúc này tôi mới nhận ra là dưới những tàng cây nhá nhem, có một bầy gái chơi, chúng đứng cách nhau mỗi đứa

một quãng, và tiếng người vừa hỏi tôi là của một trong những ả gái điểm ấy.

Cùng một lúc với vết thương ở đùi trái làm cho đau nhói, tôi tảng lờ như không nghe thấy và nghiêng rằng chống nạng đi tiếp. Đứa con gái không chịu buông tha. Nó đi ra từ sau thân cây và rảo bước theo.

– Anh bị thương sao?

Tôi giận điên lên, chỉ muốn quật mạnh cây nạng vào đầu đứa con gái bán vui không đúng lúc và chẳng nhằm người. Vết thương lại buốt nhức đến không chịu đựng được. Tôi la lên một tiếng đau đớn. Đứa con gái cau mày, giọng đầy quan tâm:

– Trời đất! Vết thương chưa lành mà. Đúng là anh vừa trốn khỏi bệnh viện.

Thật vậy không?

Tôi không còn đủ hơi sức nào để đối phó với đứa con gái đứng đường dai như đĩa xôi. Cả một bắp đùi trái như vừa bị một mũi nhọn đâm suốt, vết khâu chưa lành miệng vỡ ra, cảm thấy máu chảy ướt đầm một khúc quần, cơn đau khủng khiếp đến mê loạn thần phách, tôi lao đảo, hai cây nến rời khỏi tay đổ xuống, và tôi chơi với, mất thăng bằng cũng đổ gục xuống theo. Chỉ thoáng nghe thấy tiếng kêu khiếp hãi của đứa con gái rồi tôi mê đi.

Tôi thấy mình tỉnh dậy ở một nơi chốn lạ hoắc. Một nơi chốn rất tiêu tụy, như một căn phòng khách sạn rẻ tiền và đoán thấy ở một tầng cao qua tiếng xe cộ vọng lên từ một mặt đường dưới thấp. Tôi nằm trên một cái giường gỗ ọp ẹp,

đối diện với một tủ gương hai cánh mở toang bên trong ngổn ngang quần áo và vật dụng của đàn bà. Ở một góc phòng, hai vì tường xây lủng cho một phòng tắm nhỏ xíu có tiếng nước nhỏ giọt ở bên trong. Trên người tôi một tấm chăn mỏng đắp ngang và bộ quần áo dù ai đó đã giặt treo trên một cái giá sắt gần cửa sổ. Những tấm màn ố bẩn buông rũ. Căn phòng tối mờ, ngột ngạt. Vết thương ở đùi cảm thấy đã dịu xuống chỉ còn hai thái dương là vẫn còn đau nhức.

Cửa phòng chợt mở. Đứa con gái từ ngoài bước vào, bưng trên tay một ly cà phê và một gói thuốc lá. Nó đứng lại nhìn tôi, vui mừng:

– Anh mê man cả đêm, tỉnh rồi đấy à? Xuống phố mua cà phê thuốc hút cho anh đây.

Đặt ly cà phê và gói thuốc lá xuống cái ghế đẩu thấp ở đầu giường, đứa con gái ngồi xuống cạnh tôi:

– Anh ngắt đi. Em thuê đại xe đưa anh về đây.

Thấy tôi nín thinh, nó nhún vai rồi nói tiếp:

– Tên em là Phượng, bạn bè gọi em là Phượng Khùng. Tối qua em làm anh bực mình lắm phải không? Xin lỗi. Vết thương ở đùi của anh ra máu nhiều quá, em đã băng bó tạm lại rồi. Nếu máu không ngừng chắc phải gọi ông y tá ở tầng dưới lên. Anh đừng nghĩ ngợi gì. Nằm nghỉ cho khỏe đi. Rồi muốn có bà con thân thuộc nào tới đón về em đi kêu họ tới đây cho.

Tôi nín thinh. Chỉ nhìn đứa con gái đăm đăm, và lúc này mới nhìn thấy rõ. Nó không đẹp. Khuôn mặt không son phấn nhợt nhạt xanh tái, nhưng cái nhìn toát ra một vẻ gì tình cảm hiếm thấy ở những đứa con gái cùng nghề, tưởng như vẫn còn một chút gì, rất người, chưa mất và ẩn giấu bên trong. Cái đẹp duy nhất là một thân thể đầy đặn, tròn lẳn, không hiểu sao chưa bị hủy hoại bởi cái nghề khốn nạn. Thấy tôi vẫn nín thinh, nó đứng lên:

– Em có việc phải đi. Nhân tiện, ghé chợ mua con gà về nấu cháo cho anh ăn.

Và tứ cố vô thân, bơ vơ giữa đời, trốn khỏi bệnh viện, không có một địa chỉ nào tìm về, tôi đã ở nán lại với đứa con gái đứng đường xa lạ, trong căn phòng khách sạn rẻ tiền của nó. Đứa con

gái mà bạn đồng nghiệp của nó gọi là Phượng Khùng. Vết thương, do những săn sóc mỗi ngày của Phượng, hai tuần sau lành dần rồi lành hẳn. Nhưng đi lại trong phòng tôi vẫn phải chống nạng. Tôi cũng ở lì cả ngày trong phòng, chẳng muốn đi đâu, dù là xuống tới từng dưới. Những ngày đầu, để khỏi đụng vào vết thương chưa lành của tôi, Phượng trải một tấm chăn cũ nằm xuống mặt nền. Sau, lên nằm chung giường, Phượng cũng thu mình một góc, xây lưng lại và nằm rất yên cho tới lúc ngủ đi. Chúng tôi chỉ thỉnh thoảng chuyện trò chút đỉnh. Chừng như Phượng biết tính tôi lắm lì ít nói nên đã tôn trọng cho tôi được ít nói được lắm lì như vậy. Qua những lần trò chuyện, tôi được biết quê Phượng ở Cần Thơ. Nàng sẽ có một đời sống trong sạch, một hạnh phúc bình thường, nếu mẹ nàng không đột ngột mất đi, cha

nàng không đem về một người dì ghẻ quá độc ác với con chồng khiến Phượng phải bỏ trốn lên Sài Gòn năm mười lăm tuổi. Nàng đã đi làm con sen. Đi gánh nước thuê. Gánh hàng ở chợ Bến Thành. Bán nước mía ở chợ Cầu Ông Lãnh. Và cuối cùng là rớt xuống cái vực thăm đọa lạc. Lần kể về thân thế ấy là lần duy nhất. Cũng duy nhất là lần Phượng chảy nước mắt khiến tôi phải ôm lấy nàng, thật chặt, một lúc trong tay.

Vết thương tôi lành hẳn và Phượng, có thêm tôi như một gánh nặng, đã không sao ra thoát được cảnh mưu sinh khốn nạn của nàng. Buổi chiều, đèn đường dưới phố bật sáng, là Phượng son phấn ra đi. Một lần tôi hỏi:

– Đi đâu vậy?

Lần ấy, đang kẻ lông mày, Phượng ngừng tay, nhìn nàng trong gương và nói không quay lại:

– Anh đã hiểu còn hỏi làm chi vậy? Em vẫn phải đêm đêm đứng đường, biết làm thế nào. Chỉ có điều là từ khi gặp anh, không bao giờ em trở lại cổng Quân Y Viện Cộng Hòa nữa. Mà đến những khu khác.

Tôi không bao giờ hỏi Phượng câu hỏi tàn nhẫn lần thứ hai. Xem chừng nàng rất hài lòng thấy tôi như thế. Một điều nữa ở tôi cũng khiến Phượng rất ưng ý. Là tôi không ra khỏi cửa phòng, không đòi bỏ đi, đi đâu về bao giờ nàng cũng thấy tôi nằm ở trên mặt đệm. Sống với Phượng, giữa bốn vì tường của căn phòng nhóp nhúa, tôi dứt rời hẳn với thế giới bên ngoài, cái thế giới ngày trước

tôi lang thang trôi giạt cùng khắp, và nổi chìm trong những biến động không ngừng của nó. Đôi lúc tôi cũng nhớ đến Phát, đến mấy thằng bạn cùng đơn vị. Nhìn đôi nạng dựng ở đầu giường tôi hồi tưởng lại những tháng ngày nhập ngũ, những cuộc hành quân ở Quảng Trị, ở Huế, ở Đồng Tháp, những trận đánh kinh hoàng đã tham dự với những ngày di động dưới ánh nắng lửa chói chang, những đêm nằm trong chiến hào, hỏa châu sáng rõ trên những núi rừng đầy bất trắc. Thế nhưng tôi đã thay đổi. Đời sống quân ngũ đôi lúc băng khuâng nhớ lại, cũng chỉ còn là một phần đời, một thế giới nào đã ở thật xa, bên kia một dòng sông và một con đường trở về đã xóa nhòa dấu tích. Phát, thằng bạn thân nhất bây giờ ở đâu? Vật lộn ở một chiến trường nào? Còn sống hay đã chết? Hỏi vậy nhưng tôi không tìm hiểu nữa. Phát

cũng đã thuộc về cái thế giới ấy, cái thế giới bên kia một dòng sông và không còn có tôi. Không còn. Không còn. Chỉ còn căn phòng khách sạn rẻ tiền, như một hang động tôi thu mình nằm ẩn với Phượng mỗi buổi chiều lại son phấn ra đi tới tảng sáng mới về. Và ngày qua ngày, sự có mặt đầy yên tâm của nàng đã trở thành một thói quen. Không thấy là thấy nhớ. Giờ giấc ăn ngủ của tôi cũng thay đổi hẳn. Trước, ngày tôi thức, đêm ngủ vui tới sáng. Sau, tôi bắt gặp tôi đêm đêm nằm thức đợi nàng về, chờ tiếng giày nàng chạy trên cầu thang, tiếng cửa phòng mở ra và cái bóng nàng in hình trên đó.

Ở Phượng cũng có sự thay đổi. Nàng không còn trang điểm lòe loẹt như trước. Chỉ một chút phấn son vừa đủ. Và chừng như đêm nào trở về, ở Phượng cũng là

một cố gắng trở về sớm hơn đêm trước. Nàng mua đồ ăn, trái cây, đôi khi thêm mấy lon bia bày lên mặt sàn, chúng tôi cùng ăn với nhau rồi mới tắt đèn đi ngủ.

Một đêm nàng về thật sớm, nét mặt trầm trọng:

– Cả Sài Gòn đang nháo nhào lên. Bọn giàu có ùn ùn kéo nhau ra phi trường Tân Sơn Nhất. Anh biết gì không?

Tôi lắc. Phượng nói, giọng đầy lo lắng:

– Buôn Mê Thuật mất rồi. Ta bỏ Kon-tum, ta bỏ Pleiku rồi. Nghe như Huế, Đà Nẵng cũng đã mất. Anh, chừng như ta thua trận rồi. Chúng nó vào tới đây thì làm thế nào?

Thua trận. Tôi đã thua trận. Bây giờ là cả miền Nam. Thật vậy sao? Phượng và tôi ăn nhằm gì tới những chuyện ấy? Nhưng Phượng thì lo âu thực sự. Luôn mấy ngày sau đó, buổi sáng đã ra đi, như có một toan tính nào gay go trong đầu óc. Rồi một hôm, cùng với tin cộng sản đã chiếm được Nha Trang, Phan Thiết, Phượng từ dưới phố hấp tấp trở về và đòi tôi phải ngồi dậy nghe nàng nói chuyện. Thì ra Phượng đang có một thằng tình hờ là quân nhân Mỹ. Và nàng đã thu xếp xong kế hoạch cho tôi rời khỏi Việt Nam:

– Anh là lính trận. Chúng nó vào thế nào cũng bắt anh đi học tập mùa. Em đã thu xếp xong cho anh. Nói dối anh là anh ruột của em. Thằng Mỹ đã bằng lòng cho em một số tiền để giúp anh tìm đường vượt biển với điều kiện em phải ở lại để đi cùng với nó. Em đã mua được

một chỗ dưới một con tàu rời bến Bạch Đằng đêm nay cho anh. Hai lạng vàng. Tàu nhỏ neo rời bờ, anh mới phải trả.

Phượng vùng ôm chặt lấy tôi. Trong một phút mềm yếu bất chợt. Nàng vùi đầu vào vai tôi, thổn thức:

– Em không muốn xa anh một phút. Nhất là lúc này. Nhưng em tin có số trời. Không có số trời, sao anh với em gặp nhau lạ lòng như vậy, ở cùng với nhau như vậy. Nếu trời còn cho chúng ta thấy lại nhau, em hẹn với anh ở Mỹ. Chỉ cốt anh đừng quên em thôi. Bây giờ em thu xếp quần áo cho anh và đưa anh ra bến.

* * *

Thấm thoát đã mười năm. Tôi tới đảo Guam, tình cờ gặp lại Phát ở đó, tôi giấu nhem chuyện tôi với Phượng không cho Phát biết và theo hẩn về định cư ở Louisiana. Và Phượng thì mất tích, hoàn toàn, từ sau cái phút nàng chảy nước mắt tiễn tôi đi ở bến Bạch Đằng. Thời gian thăm thẳm. Không gian mịt mù. Những dấu tích là bóng chim tăm cá. Tôi không còn được một tin tức gì về Phượng. Nàng còn sống hay nàng đã chết? Nàng có rời khỏi Sài Gòn với thằng tình hờ người Mỹ hay nàng kẹt lại và dưới chế độ mới vẫn tiếp tục cái nghề đọa lạc?

Nhiều lần tôi định nghỉ một buổi đi tàu, về Houston, đăng mấy dòng trên mục rao vặt một tờ báo kiếm nàng. Rồi ngần ngại. Rồi thôi. Hy vọng gì. Nếu Phượng đang sống đâu đó trên xứ sở này, chắc nàng đã lấy một họ tên khác, một cách

xóa bỏ đi cái dấu vết cuối cùng của một quá khứ tối tăm. Nhiều phần Phượng đã có chồng rồi cũng nên. Thằng quân nhân Mỹ chẳng đòi lấy nàng từ Sài Gòn sao? Trường hợp này thì nàng đã yên phận và tôi cũng nên để nàng được yên.

Nghĩ vậy, tôi vẫn không sao xóa bỏ được hình ảnh Phượng trong đầu óc và cái khuôn mặt dịu dàng của Huệ cũng không sao thay thế được cho tôi hình ảnh ấy. Như một ám ảnh. Phượng hiện hình trong tôi bất cứ lúc nào. Giữa biển khơi, lúc đang tận lực quăng lưới đánh cá với Phát. Buổi chiều, tôi đi dạo với Huệ ở ngoài bãi. Nửa khuya, tôi nằm thao thức, không ngừng hút thuốc, hình ảnh Phượng chập chờn cùng khói thuốc bay lên. Sau cùng, tôi nghĩ chỉ còn cách cưới Huệ làm vợ mới đẩy được người xưa ra khỏi trí nhớ mình. Quyết định này xem

chừng có hiệu lực. Hình ảnh Phượng phai mờ dần. Cho đến khi tôi tình cờ nhìn thấy tấm hình quái ác ấy.

Tấm hình nằm ở trang trong một tờ báo cũ xuất bản ở tiểu bang Arizona. Bài báo dưới hình là một thiên phóng sự ngắn nói đến những quán bia ôm có khiêu vũ, âm nhạc và vũ nữ đang mọc lên ở một khu đọa lạc của thành phố Phoenix, đám vũ nữ giang hồ này có cả đàn bà tỵ nạn Á Châu. Hình chụp một bầy vũ nữ phục sức hở hang ngồi chen chúc ở một căn phòng lồng kính mà bài báo nói là phòng đợi khách. Tôi bàng hoàng nhận ra đứa con gái da vàng tóc đen ngồi ở giữa hình là Phượng. Càng nhìn kỹ càng thấy đúng là Phượng. Đúng. Tôi không thể nhìn lầm được. Nếu là một đứa con gái khác thì trên đời khó lòng có thể có ai giống Phượng như vậy được. Tôi choáng váng,

tôi run bắn người lên. Phượng đang ở Arizona? Vẫn làm nghề cũ, dù nghề cũ đã trá hình? Người gái điếm gặp tôi như có số trời xui khiến ở cổng bệnh viện Cộng Hòa, đưa tôi về căn phòng khách sạn rẻ tiền ở đường Đồng Khánh, săn sóc tôi tới lành bệnh, trở thành một ràng buộc, một ân tình sâu nặng nhất của đời tôi, còn giúp tôi vượt biển, đang đêm đêm có mặt ở một khu đọa lạc của thành phố Phoenix? Nếu thật thì đúng có số trời rồi. Rồi tôi nhớ đến lời nói từ biệt của Phượng: “Chúng mình sẽ gặp lại nhau ở Mỹ. Nếu anh đừng quên em.” Tôi nhìn người trong hình và muốn thét lên thật lớn: “Không bao giờ, không bao giờ anh quên em.”

Quyết định đi tìm Phượng, tìm bằng thấy, dù có phải đi tới sơn cùng thủy tận có ngay từ phút ấy. Cẩn thận cất tấm hình

vào đáy ví, tôi biết ngay là phải đòi Phát trả lại phần hùn. Như vậy mới có tiền đi đường, ăn ngủ ở khách sạn. Như vậy mới có tiền chuộc Phượng ra khỏi nơi đọa lạc, nếu phải chuộc. Như vậy mới có tiền bắt đầu lại cuộc sống với Phượng ở một nơi nào đó. Một nơi nào đó. Vì tôi đã định nếu thấy Phượng cũng không đem nàng về sống ở Louisiana nữa. Để tránh cho Huệ sự đau lòng.

Những chuyến bus thay thế nhau trên nhiều chặng đường dài thăm thẳm xuyên qua những sa mạc, những đồng cỏ mênh mông đã đưa hần tới khu đọa lạc của thành phố Phoenix, sau hai ngày hai đêm không ngừng nghỉ. Ngày sa mạc nóng cháy. Đêm sa mạc lạnh buốt. Mệt mỏi rã rời, lếch thếch với cái túi vải trên vai, hần đã đi hết một vòng khu hộp đêm của thành phố Phoenix. Nơi nào

có tiếng nhạc, có những ánh đèn đỏ khé trên thêm của hần cũng vào. Ngồi ở quầy rượu. Đảo mắt tìm kiếm. Đưa tấm hình ra hỏi người pha rượu. Hần đã nhìn kỹ từng đứa con gái da vàng vũ khóa thân, từng đứa gái chơi da vàng ngả nghiêng trên đùi khách. Nhìn kỹ. Từng đứa một. Thấy đều không phải là Phượng, con Phượng Khùng của hần. Như thế trọn hai đêm ở Phoenix. Cuối cùng, một gái nhảy Đại Hàn hần mời tới bàn, gạt đầu khi hần chỉ người trong hình:

– Tao biết nó. Bạn tao. Giờ nó lấy tên Mỹ là Mona. Nhưng nó đâu còn ở đây nữa. Nó được người mua tới một trại gái điếm ở Las Vegas rồi. Từ hơn một tháng trước.

Cất lại tấm hình vào đáy ví, ngủ li bì trọn một ngày cho lại sức, rồi hần lên

Greyhound đi Las Vegas. Cuộc hành trình tới Phoenix thế nào diễn ra ở cái thủ đô đổ bác danh tiếng hoàn vũ Las Vegas đúng y như vậy. Hắn lại hỏi thăm, lại lần mò tới mọi nhà chứa, mọi ổ điểm trong vùng Las Vegas. Ở những sòng bài nữa. Las Vegas thức suốt ngày suốt đêm. Hắn cũng thức theo như thế. Và luôn tay đưa tấm hình ra hỏi mọi người. Lắc đầu. Không biết. Không thấy bao giờ. Thế giới đọa lạc ở Las Vegas rộng lớn trăm lần hơn ở Phoenix. Rải rác và dưới nhiều hình thức. Khiến cuộc kiếm tìm của hắn vô cùng khó khăn và mất rất nhiều thì giờ di chuyển, do vậy hắn đã phải ở lại Las Vegas tới mười ngày.

Ngày thứ chín, một gã pha rượu người Nhật ở một sòng bài, sau khi nhìn tấm hình và lắc đầu nói không biết đứa vũ nữ trong hình là ai, nói với hắn:

– Bồ của mày à? Đi tìm như mày gian nan quá há? Tao nghe khách đánh bài ở đây nói chuyện với nhau là có một hệ thống nhà điểm mới mở suốt dọc bờ biển miền Tây. Từ Los Angeles, qua San Francisco lên sát biên thùỵ Gia Nã Đại. Hàng trăm nhà vậy đó. Bọn đầu nậu, ma cô đã tới đây cả một bầy, hốt cả trăm con đem sang bên đó. Á Châu nhiều lắm. Đại Hàn, Tàu, Nhật đủ cả. Không chừng con bồ mày ở trong đám gái ấy cũng nên. Sao mày không làm một chuyến đi chơi sang vùng bên ấy.

Nghe nói San Francisco đẹp thần sầu. Đáng tới lắm. Ân may còn thấy lại bồ cũ.

Hắn đã làm theo. Như kẻ đi qua hàng trăm con đường hầm tối thui, vẫn đi, với cái hy vọng dù rất đổi mong manh

là sẽ gặp được một cửa hầm ánh sáng. Như cuộc kiếm tìm vô vọng đây biển mò kim đã trở thành một động lực ma quái đẩy hần lao xuống một triển dốc choáng váng không sao ngừng lại được. Và lại là những thị trấn đi qua, những thành phố tìm đến. Và lại là những chuyến bus đầu đêm, những đường trường dài thẳm. Hần không muốn nghĩ ngợi gì hơn. Chỉ một nhất tâm kiếm tìm thôi. Như cuộc kiếm tìm đã là lẽ sống của hần, đồng hóa với hần, trở thành hần vậy.

Thành phố Los Angeles. Khu đường Main đầy đặc những người đàn bà Mỹ Tây Cơ mập ú, những hộp đêm Đại Hàn trên đường 8, cái tiệm nhảy có vũ nữ Việt Nam ở đường Olympic. Thành phố Los Angeles. Những đứa con gái đứng đường như đứa con gái một đời của hần ngày nào, ở Việt Nam, đứng từng tốp ở

cạnh những thùng rác, những cột đèn suốt dọc hai con đường Sunset và Hollywood. Hần đã tới. Đã ở lại. Đã tìm kiếm. Đã đến những nơi có vũ khỏa thân, có nữ chiêu đãi, có gái đứng đường, có nhà tắm hơi. Đến hết.

Quận Cam. Còn được gọi là thủ đô người Việt Nam tỵ nạn. Vì đông nhất. Hơn cả Louisiana của hần. Hơn cả Texas. Đây là chặng dừng đỡ buồn nhất. Hần đi lang thang trên mấy con đường Bolsa, Brookhurst, Westminster đầy đặc những cửa tiệm Việt Nam, có cảm tưởng như hần đang đi giữa Sài Gòn, sau những cuộc hành quân, trong những ngày nghỉ phép.

Phượng. Phượng với Sài Gòn. Sài Gòn với Phượng. Phượng, em đã cứu sống anh. Chính em vẫn là người phải

cứu sống anh thêm một lần nữa. Số trời. Trời ở đâu? Xin chỉ cho tôi người đàn bà một kiếp của tôi là người nào trong cái đám đông kia. Tôi đi khắp cùng rồi. Xin chỉ. Xin chỉ. Và hắn đã tới. Đã ở lại. Đã tìm kiếm. Đã đến những nơi có vũ khóa thân, có nữ chiêu đãi, có gái đứng đường, có nhà tắm hơi. Đến hết.

Thành phố San Jose. Một nơi tập trung đông đảo người Việt nữa, cái thành phố mà từ trên Greyhound bước xuống, hắn còn biết thêm tên gọi thơ mộng là Thung Lũng Hoa Vàng. Nghe nói con đường chính Santa Clara đông người đi lại nhất, hắn kêu tắc xi chở tới đó, đi đi lại lại nhiều lần trên hai phía hè đường. Buổi trưa ngồi trong một tiệm phở, hắn suýt đánh rớt đôi đũa khi nhìn thấy một người đàn bà ngồi xây lưng lại, và nhìn từ sau lưng giống Phượng như đúc. Người

đàn bà ngoảnh đầu gọi bồi bàn mới thấy là không phải, dầu cũng có một đường mũi hao hao giống Phượng.

Thành phố San Francisco. Hắn nhớ lại lời ca tụng của gã pha rượu Nhật Bản ở Las Vegas. Đúng vậy. San Francisco đẹp kỳ ảo với những đường phố dốc ngược, những cây cầu vươn dài trên cửa vịnh, khu Chinatown đông đúc khiến hắn nhớ lại mấy con đường Tổng Đốc Phương. Đồng Khánh thuở nào. Hắn lại mượn một căn phòng khách sạn rẻ tiền. Lại kiểm soát lại tấm hình trong ví. Lại xuống phố từ sáng sớm tới đêm khuya mới trở về phòng. Đáy biển mênh mông. Cây kim nằm ở chỗ nào và thật có cây kim nơi mịt mù đáy biển. Hắn lại vào các nhà tắm hơi, các hộp đêm có vũ khóa thân, tới những khu phố có nhiều cửa tiệm Việt Nam, uống rượu đợi chờ, nhìn

từng khuôn mặt đàn bà Á Châu, đem tấm hình đã nát nhàu ra khỏi những gã gác của những gã pha rượu. Lắc, không thấy. Không biết. Đã hàng ngàn cái lắc đầu. Đã hàng ngàn cái không biết và sự kiên nhẫn lạ lùng của hắn thì chừng như đã gần tới cái giới hạn cuối cùng của kiên nhẫn.

Rời cái thị trấn Tây Bắc nằm trên một lòng vịnh và giáp ranh với biên thùy Gia Nã Đại hiện ra như trạm tìm kiếm cuối cùng. Hắn đã kiệt lực rồi trong cuộc kiếm tìm vô vọng. Hắn cũng không thể đi thêm được nữa. Trên chuyến xe lửa ngược đường lên Tây Bắc, hắn đã kiểm lại số tiền mang theo. Sau ngót một tháng trời ăn ngủ ở khách sạn, tiền xe, tiền tàu, số tiền đã gần hết. Chỉ còn đủ cho hắn trở về Louisiana. Đành phải trở về vậy, hắn nghĩ thầm. Lấy nốt số tiền phần hùn

ở Phát rồi tính sau, hắn nghĩ thầm. Chỉ cầu trời cho Phượng còn sống. Ở đâu đó. Thì thế nào một ngày hắn cũng phải tìm ra.

Đêm Tây Bắc xuống hắn. Thủy triều đã dâng cao dưới những chân cừ. Và cùng với thủy triều lên, gió từ khơi xa thổi vào từng đợt lạnh buốt. Hắn liệng mẩu thuốc xuống mặt nước tối thẫm và đứng lên khi nghe thấy những điệu nhạc dân loạn từ trên đầu dốc cao vọng xuống. Nhìn lên, khu đọa lạc đã phơi rõ bộ mặt dưới vùng ánh sáng bệnh hoạn của những ngọn đèn đỏ khác. Hắn dấu cái túi vải vào một bụi cỏ rậm, miết mạnh ngón tay vào sống mũi cho tỉnh táo hắn và từ từ đi lên.

Vượt qua mặt đất bến lồi lõm, vượt qua những đường rầy lằn lóc, hắn vào tới

con đường đi lên theo hình bậc thang. Trên hai bờ tường, từng tốp da đen quần áo rách tươm, tròng mắt trắng dã, im lặng nhìn hẩn lăm lũi đi qua và dừng lại trước ngôi nhà đầu tiên có những tấm hình vũ nữ khỏa thân treo hai bên cửa vào. Tới một giờ sáng thì hẩn đã đi vào hết mọi căn nhà có gái điếm và có âm nhạc nằm trên khúc đường đọa lạc. Chỉ còn căn cuối cùng ở lưng chừng con dốc, bên hè phố bên kia. Hẩn băng qua đường đi sang. Lòng hẩn thật chẳng còn mảy may hi vọng nào. Nhưng chỉ còn căn cuối cùng. Chẳng lẽ không vào nốt. Và hẩn đẩy cửa bước vào.

Đây là một tiệm bán rượu với quầy rượu chạy dài ở phía trái, với một số bàn ghế gỗ ngang không hàng lối trước quầy. Đây cũng là một nơi có vũ khỏa thân, khi hẩn vào, hai ả vũ nữ trần truồng,

một trắng một đen, đang uốn éo nhún nhảy trên một sân khấu có lồng gương ở cuối đáy. Dăm bảy ả chừng như đã biểu diễn xong, đã mặc lại quần lót đeo lại nịt vú ngồi ngả nghiêng cười đùa với đám khách phần lớn là những người da đen còn mặc nguyên những bộ quần áo làm việc của thợ thuyền ở công trường. Mấy ả này chốc chốc lại đứng lên và mất đi sau một tấm màn đỏ khác ở phía trái sân khấu đoán là lối mở vào một hành lang không nhìn thấy.

Hẩn ngồi xuống một cái ghế. Không đáp lại nụ cười đã thỏa của đứa con gái chiêu đãi mập ú, hẩn lạnh lùng gọi một ly bia và đảo mắt một vòng. Đám vũ nữ, không có một ả nào là người Á Châu hết. Bầu không khí của cái hộp đêm tồi tàn vừa có một vẻ gì mệt mỏi chán chường vừa có một vẻ gì dữ dằn và bất

trắc. Chẳng ngồi thêm nữa, chẳng còn gì để ngồi thêm, hắn nghĩ thầm. Cái túi vải còn giấu ở dưới bến, phải xuống lấy. Phòng ngủ cũng chưa kiểm nữa và đêm đã khuya. Hắn tộp thêm một ngậm bia, đẩy ghế đứng lên.

Đúng lúc đó, tấm màn cửa đỏ khá lay động từ phía trong, và ả vũ nữ từ trong cái hành lang không nhìn thấy vén màn đi ra. ả thân hình tầm thước, da vàng, mái tóc đen dài thả xuống kín vai. Và hắn lặng người đi, kêu lên một tiếng kinh ngạc, hai trong mắt mở lớn đến đứt kẻ. Đúng là Phượng rồi. Đúng là người con gái hắn đêm ngày nhớ tới suốt mười năm qua và đã ngót một tháng trời lang thang kiếm tìm cùng khắp. Đúng là Phượng của hắn rồi. Đúng là bờ vai ấy, nét mặt nhìn nghiêng ấy, cái thân hình tròn lẳn ấy hắn đã bao lần ôm cứng trong tay. Đúng là

Phượng của hắn rồi. Diễn tiến xảy ra rất mau chóng. Hắn bàng hoàng chưa biết xử trí thế nào thì thấy người con gái đi thẳng tới trước mặt một gã da đen cao lớn mặc đồ lớn đứng cạnh lối đi lên sân khấu, hắn đoán chừng là người quản lý của hộp đêm. Khoác trên người một cái áo tơ màu xám người con gái nghiêng đầu nói gì đó với tên quản lý vừa nghe như ả tới muộn. Và xin lỗi. Vì tên quản lý vừa nghe vừa cau mặt nhiều lần. Rồi người con gái quay gót và đi nhanh trở lại lối ả đi qua.

Khi đó hắn mới hốt hoảng phản ứng. Hắn la thật lớn mấy tiếng “Phượng! Phượng” khiến cả đám khách chơi da đen cùng quay lại nhìn. Và cố gạt những bàn ghế chắn lối, hắn tiếp tục la lớn “Phượng! Phượng” và chạy tới cuối phòng, phía có tấm màn cửa đỏ chói. ả

vũ nữ chùng như không nghe thấy tiếng gọi bị át đi bởi tiếng nhạc cuồng loạn và đã mất đi sau tấm màn đỏ chói. Hấn lao tới đó. Gã quản lý túm lấy hấn, cản lại. Nhưng hấn hất bảu gã da đen ra và tung màn chạy vào phía bên trong. Đó là một hành lang, khá dài, cuối đáy có một cánh cửa gỗ khép hờ, chùng là lối đi ra phía sau của hộp đêm. Trần trụi dưới ánh sáng lạnh lẽo của một ngọn đèn vàng khè, hành lang vắng ngắt và người con gái một đời của hấn đã biến mất.

Không ngớt la lớn: “Phượng! Phượng”, hấn cuống cuồng vung tay đập thình lình vào một cánh cửa đóng kín, vừa đập vừa la gọi: “Anh đây, anh đây”. Không có một tiếng động nào đáp lại. Hấn lại cuống cuồng chạy tới trước một cánh cửa đóng kín khác. Và lại đập mạnh, lại thất thanh la gọi. Cứ thế hấn chạy dần

tới cuối hành lang. Đúng lúc hấn vung tay toan đập vào cánh cửa phòng đóng kín cuối cùng thì toàn thân hấn lại bị đập thật mạnh từ phía sau khiến hấn lao đảo té vào bờ tường. Hai gã da đen, một cời trần ngực vẽ những hình xăm kỳ dị, một mặc một cái áo thun đen dè cứng hấn vào tường. Hấn tung chân đá loạn xạ, tận lực vùng vẫy. Nhưng cổ họng hấn, hai cánh tay hấn đã bị khóa chặt. Một thằng đen thứ ba xuất hiện. Thằng này có một vết sẹo là một vết chém sâu hoắm ở cằm và một hơi thở nồng nặc men rượu. Thằng đó lục soát hấn rất nhanh và rất kỹ. Nó lấy cái ví ở túi quần hấn ra, mở banh ra coi, thấy tấm hình, cười gằn và xé vụn ném xuống đất. Lục tới ngực thằng da đen reo lên một tiếng vui thú. Nó moi ra được những tờ giấy bạc cuối cùng của hấn trong túi áo. Hấn gầm lên một tiếng, dùng tận lực phóng

chân vào hạ bộ thằng da đen. Đứng vào lúc thằng da đen kêu lên một tiếng đau đớn và loạng choạng lùi lại, thì một vật cứng, như là một thanh sắt nặng quất mạnh xuống đúng đỉnh đầu hắn. Cả cái đầu hắn như vỡ tan dưới đòn đánh chí tử. Hắn rống lên một tiếng khủng khiếp và từ từ gục xuống chân tường.

Hai thằng đen kéo lết người đàn ông mặc bộ quần áo lính dù tới cửa ra phía sau của hộp đêm. Đêm đã khuya. Tự một lúc nào, mưa bụi đã dấy lên. Một thằng đen cẩn thận nhìn trái, nhìn phải rồi nhìn suốt dọc con đường từ bên hông hộp đêm đổ xuống khu bến tàu bỏ hoang cuối dốc. Không một tiếng động. Không một bóng người. Hai thằng đen hát hàm ra hiệu với nhau rồi cùng khiêng người đàn ông vắn ngất đi lên. Chúng khiêng tới lưng chừng con dốc vắng ngắt và ướ

loạng thì cùng lăn qua lăn lại cái thân người trên tay chúng trong nhiều lần lấy đà. Rồi cùng liệng mạnh người đàn ông đi.

Trong một thoáng sống cuối cùng, như một hồi tỉnh khoảnh khắc, người đàn ông Việt Nam đến từ một bến đánh cá ở Louisiana thấy toàn thân bị ném bổng lên và bắn đi. Hắn mơ hồ thấy hắn rớt xuống trên một mặt dốc đổ xuống. Hắn mơ hồ thấy hắn lăn lông lốc nhiều vòng, cái đầu đập mạnh nhiều lần trên mặt dốc. Nhưng hắn không còn cảm thấy đau đớn gì nữa. Và đã lăn, và con dốc đẩy hắn lăn tiếp xuống. Lăn tới những đường rầy. Lăn qua. Lăn tới mặt đất bến bỏ hoang. Lăn nữa. Cuối cùng, hắn lăn tới bờ kè đá, ngừng lại ở đó một giây và từ từ rớt xuống. Toàn thân hắn rớt xuống một mặt nước tối thẫm, lạnh

buốt. Hẳn chìm dần dần. Cho đến khi
chỉ còn những tiếng sóng đập rì rào nơi
những chân cừ không nhìn thấy.

MỘ THỎ

Một buổi tối cuối tuần, từ một tiểu bang xa về người em ở thành phố Westminster, Hạng, đứa cháu gái, 14 tuổi, vừa mở cửa cho tôi vào, vừa khoe, nét mặt rạng rỡ sung sướng.

– Bác, nhà vừa có một con thỏ.

Một con thỏ. Chỉ một con thỏ. Tưởng gì. Làm như nhà vừa trúng số độc đắc, hoặc vừa có E.T, trái tim thánh thiện đỏ

rực từ thượng tầng vũ trụ lạc xuống, lỡ đường về, chạy ẩn vào một gia đình Việt Nam tị nạn. Chuyển đi một ngày qua sa mạc Nevada chói chang làm tôi mệt lả. Và buồn ngủ cứng mắt. Hai tiếng thế à thờ ơ không hưởng ứng của tôi làm con cháu cụt hứng. Nó lủi thủi trở lại với cái máy truyền hình và tôi đi thẳng vào phòng riêng.

Giấc ngủ tôi đêm ấy bần bật tới sáng, không có một bóng dáng một con vật nào. Càng không có cái hình thể gù gù giật giật đặc biệt của một chú thỏ. Đã cả ngàn giấc ngủ người lớn của tôi như vậy, tiềm thức khép chặt không đón vào nữa với nó, cái thế giới loài vật kỳ ảo, trái tim tôi khô cằn dần trong khí hậu nhân thế buốt lạnh đã không còn một chỗ đứng nào cho những con vật thần tiên đã làm nên thiên đường tâm hồn tôi thời kỳ ấu

thơ. Với tuổi, với đời, tôi đã thay đổi. Trong cái chiều hướng không tươi tốt của thay đổi. Tuổi nhỏ, tâm hồn tôi cũng là một tòa lâu đài nguy nga đầy chật những đấng thượng đế trăm vẻ nghìn hình ấy là loài vật, cái thế giới vũ trụ loài vật. Tôi cũng có những con sáo tuổi hồng của tôi. Như con sáo truyện ngắn Duyên Anh. Những con mèo tuổi ngọc của tôi, như con mèo truyện dài Nguyễn Thị Thụy Vũ. Những hạnh phúc không bến bờ. Những cảm xúc thần thánh. Trong tuổi nhỏ, dấu vết mỗi con vật là một dấu vết rạch rỡ. Trong tuổi nhỏ, con vật nào cũng hoang đường thần thoại. Đó là những tình bạn đầu, tình yêu đầu, những tặng phẩm không thể tưởng tượng do hồng ân từ trời đất trên một khay vàng đem tới. Một số những kỷ niệm tươi hồng sáng rỡ tuổi nhỏ ấy, đến nay tôi còn nhớ mãi. Con cá đầu. Lăn câu đầu. Ba tuổi, cái cần

câu, một khúc tre nhỏ xiu như người. Tôi ngồi ở cái bến đá trước cửa nhà, mùa nước, con sông nhỏ tràn bờ. Thành linh tôi kêu lớn, cái cần câu đang nhẹ thênh trĩnh nặng, giật vội lên, đầu dây một chú cá rô đen thui. Tôi vừa la vừa vác cần về nhà, chạy vội ngã xấp trán trên kê đá, máu đổ lênh láng. Ông y tá gần nhà mang bông băng chạy sang, hối đun nước sôi rửa vết thương khiến tôi gần chết ngất vì sợ hãi. Nhưng sau đó, cái băng trắng toát trên đầu tôi, tôi mê mẩn hàng giờ ngắm con cá chì tôi đã tháo từ lưỡi câu ra thả vào chậu nước. Con chim sẻ mép vàng như nắng nữa. Đêm mưa to gió lớn. Chú sẻ từ tổ trên mái rớt xuống bay đập loạn xạ vào những khung kính. Tôi chớp được. Nâng niu sẻ trong hai lòng bàn tay chụm, đoạn lấy lụa mềm buộc nhẹ lên hai cánh, suýt soa như chính mình bị thương. Con ghé mới đẻ, cà thọt cà thọt, sáng sáng

tôi bỏ học theo mục đồng đưa sang bãi cỏ bên kia bờ đê, cha tôi đánh cho một trận nên thân. Con chào mào của Thóc nữa, thằng bạn lớp đồng ấu. Nịnh nọt, đi theo làng nhàng cả tuần, nó mới chịu nhận hai tập vở học và đổi chim cho.

Những con vật của tuổi nhỏ đã là những thân yêu ngây ngất. Chúng tạo nên vui buồn, làm mất ăn mất ngủ, chiếm hết đầu óc ấu thơ, tràn đầy những giấc mộng cũ. Bây giờ không như thế nữa. Tôi đã lớn. Và với thế giới loài vật, tâm hồn tôi cần cỗi lâu rồi không còn là một địa chỉ hoa.

Sáng hôm sau thức giấc, tôi thấy ngay trong nhà người em có chuyện khác lạ. Ngày cuối tuần, lũ cháu tôi thường ngủ rất muộn, chín mười giờ bắt chửa động tĩnh, mẹ chúng phải đập cửa từng phòng

đánh thức. Sáng ấy, mọi cửa phòng ngủ đã mở toang, và vọng vào những tiếng ồn ào của căn vườn phía sau, nơi tôi yêu thích nhất của ngôi nhà, mỗi thuốc lá, cà phê đầu ngày đều ra ngồi ở đó. Tôi ra vườn. E.T., trái tim đỏ rực khối lửa nhân hậu, từ thượng tầng vũ trụ rớt xuống, đã chạy lạc thật vào một gia đình Việt Nam tị nạn ở thành phố Westminster.

E.T., đang nằm trong một cái chuồng đan hình mắt cáo. Đó là một chú thỏ. Con vật lông vàng bản, rất xấu, đuôi cụt ngắn, gù gù, giật giật, nhỏ xíu không bằng một nắm tay. Và bà cháu tôi, con chị ra mở cửa cho tôi đêm trước là lớn nhất, đang đưa quỳ đưa ngồi chung quanh, dọn điểm tâm cho thượng đế thỏ. Chưa bao giờ trong đời tôi nhìn thấy một điểm tâm cho vật sang trọng và vương giả đến thế. Chẳng hiểu loài vật có thích

cam vắt nguyên chất như người không, chỉ biết trong chuồng, đứng trong một ly sứ trắng muốt cái chất lỏng dai thượng khách thỏ đúng là nước cam vắt sunkist nguyên chất. Còn thực phẩm? Đó là một đồng búp lá, búp hoa tươi nõn và quý giá nhất của căn vườn, bọn cháu tôi bắt chấp sự trừng phạt chắc chắn của mẹ chúng, đã táo tợn ngắt hết, đang từ từ luôn dần vào chuồng cho E.T. thỏ điểm tâm. Không đứa nào nhìn thấy tôi ra, đứng ở sau lưng. Bốn cái đầu óc ấu thơ đang mê mẩn tập trung hết vào con thỏ.

Một lát tôi hỏi:

– Đâu ra vậy?

Một đứa, không quay lại:

– Gì hở bác?

– E.T.

– E.T. nào ạ?

Tôi cười:

– Bác nói đùa. Con thỏ kia ở đâu ra?

– Nó lạc vào nhà cháu chiều qua. Bọn cháu đi học về đã thấy nó ở góc vườn. Chị Hằng bảo phải làm ngay chuồng cho nó ở.

Thế ra một con thỏ lạc. Của một nhà Mỹ nào đó trong khu đường cụt, hoặc của chính bà Mỹ già ở bên kia đường không chừng. Khu phố này ngoài gia đình người em tôi, không có một gia đình Việt Nam nào khác. Tôi trêu:

– Thế là không phải của mình rồi, sao các cháu giữ được. Lát nữa bà Mỹ

bên cạnh sang nhận thỏ của bà, đòi thỏ về, các cháu tính sao?

Cả bọn nhao nhao cãi, nhưng giọng nói đã lo lắng:

– Có thấy bà ấy nuôi thỏ bao giờ đâu ạ?

Cũng là hỏi đùa vậy thôi. Đã nhìn thấy sự sung sướng vô bờ bến của đám cháu trước một E.T. thỏ từ hư vô chạy lạc vào, giá lúc đó bà Mỹ hàng xóm có chạy sang đập cửa hỏi thỏ, tôi cũng nói dối khời khời ngay, là chẳng thấy thỏ lớn thỏ con nào hết. Không ai tới đòi thỏ lạc trong năm ngày sau đó là thời gian tôi ở nhà người em, trước khi lại đi xa. Năm ngày này, với đám cháu tôi là năm ngày thức và ra vườn thăm thỏ tử tối đất. Chúng mua sách dạy chăn nuôi về, chụm

đầu trên những tiêu chuẩn làm chuồng cho thỏ, thực phẩm cho thỏ, đem những điều trong sách ra thực hành liền, và cãi nhau ỏm tỏi. Năm ngày này cũng là đại họa cho khu vườn hoa, rau nâng niu chăm sóc của người em dâu tôi, mà thú vui trồng cây cuối tuần là thú vui duy nhất. Khu vườn, chiến tranh tiêu thổ trường kỳ do cộng sản phát động đã tràn qua, hết thấy mọi búp hoa búp lá xanh non đều đã bị ngắt hái tàn nhẫn và đem hết vào chuồng cho thỏ. Con vật đã cao ráo và đom dáng hết sức. Bọn cháu tôi thay phiên tắm gội cho nó một ngày mấy buổi. Còn đeo cho cổ thỏ một sợi dây chuyền có nhạc. Mỗi lần thỏ được cho ra khỏi chuồng, chạy tung tăng giữa những luống vườn, sợi dây kêu leng keng từng hồi, nghe rất vui tai.

E.T. không ở lâu cùng người. Tin sét

đánh giáng xuống trong tình sương buổi sáng ngày thứ sáu, một ngày trước tôi đi, khi con cháu út từ vườn sau chạy vào nhà cuống cuống la lớn; “Thỏ, thỏ”. Tôi đi theo chị em nó ra ngay chuồng thỏ. E.T. không thu mình trên bốn chân nhỏ xíu và gù gù, giật giật nữa. Con vật nằm ng-hiêng, sóng sượt, bất động. Nhìn sát gần, chỉ còn thấy một thoáng lên xuống hấp hối của hơi thở ở bụng mà thôi. Trước đám cháu xanh xám, mắt mở lớn, thỏ không ra, tưởng như chúng cũng đang hấp hối như thỏ, tôi mở chuồng bưng nhẹ lên tay con vật tội nghiệp, đem nó trước lò sưởi. Tôi bảo đốt lò. Đoạn lấy một miếng thảm dày, đặt con vật nằm trước cửa.

– Thỏ làm sao bác? Một đứa hỏi.

Tôi lắc:

– Bác không biết. Hy vọng là nó chỉ bị lạnh một chút trong đêm.

Một lát, có hơi ấm của lửa, con vật động đậy, như có vẻ hồi tỉnh dần. Một lúc, cái đầu nó nhấc lên rồi rớt xuống. Một lúc sống lưng nó dẫy dẫy nhiều lần, như có luồng điện chạy qua. Nhưng đó chỉ là những dấu hiệu cuối cùng của hấp hối lâm chung. Của những mảnh sống sót chót trút thoát ra thân thể. Con vật nằm bất động hẳn, không còn một dấu vết hồi sinh nào nữa.

Khỏi phải nói cũng biết bấy cháu tôi đã khổ đau như thế nào trước cái chết bất ngờ của thỏ, con chị con em mặt mày tan nát cùng khóc hết.

Tôi dịu dàng:

– Các cháu yêu thỏ lắm phải không?

Nhưng thổ đã không chịu ở cùng chúng ta. Thôi, đem ra chôn ở một góc vườn. Nhớ đánh dấu chỗ chôn nó.

Bọn cháu tôi chọn cho mộ thổ góc vườn đẹp nhất. Nơi cỏ mịn nhất và có một giàn cây leo làm bóng mát trên đầu. Chúng đào một cái huyết vuông. Đoạn, hái một đồng lớn nõn hoa, nõn rau phủ lên mình con vật, trên đặt ngay ngắn sợi dây chuyền có nhạc, và tất cả cuộn tròn trong mảnh thảm, trịnh trọng đưa thổ xuống lòng huyết. Phút đó, tôi biết rằng ở mấy cái đầu óc thơ ngây trong sạch và đầy tưởng tượng của bấy cháu trời đất đã ngừng lại, đời sống đã chết. Trước một tình yêu lớn, như một ngày gặp gỡ kỳ diệu, không còn, không bao giờ còn nữa. Khổ đau đến thật sớm với người như thế. Và thường là từ một hố đất, từ một góc vườn. Nhìn đám cháu tôi sáng

đó, từ ngày con thổ lạc chết, tôi không cho là lãng mạn hoang đường là tiểu thuyết nữa những cảnh khóc hoa, chôn hoa, chết theo cùng hoa, trong bộ truyện Trung Hoa danh tiếng Hồng Lâu Mộng, bởi một con thổ chết trong một ngôi nhà Việt Nam ở thành phố Westminster, tôi mới nhìn thấy cái sự thật tuyệt vời của nó.

Con thổ chết, nhưng chuyện thổ chưa hết. Ít lâu sau, tôi lại từ một địa phương xa trở về nhà người em. Con cháu ra mở cửa lần này, không mừng rỡ khoe nhà có thiên thần thổ nữa. Ý chừng nó còn nhớ sự cụt hứng của lần khoe trước. Nhưng thổ thì chúng lại có. Và nhiều hơn gấp bội.

Cô em dâu tôi cười:

– Anh nhớ con thỏ lạc tuần trước.

– Nhớ. Tội nhỏ làm ghê quá!

– Vâng, đứa nào đứa nấy râu rĩ sâu thắm bỏ ăn bỏ học. Nhà em bèn đóng một cái chuồng thật lớn và đi mua cho cả một bầy năm con.

Tôi ra vườn. Như lần nhìn thấy trước, bầy cháu đứa ngồi đứa quỳ, đang hăng hái dọn điếm tâm cho thỏ. Trong chuồng, khác với con thỏ lạc trước, năm con thỏ mua con nào cũng thật mạnh thật lớn. Năm con, cũng mỗi con một sợi dây chuyền có nhạc, và năm cái gù gù, giật giật ấy đang rào rào điếm tâm, trước những tiếng cười rộ thích thú từng hồi của bầy cháu tôi. Tưởng chúng đã bớt đi một phần yêu thỏ, tôi nghĩ. Không phải, tình yêu vẫn nguyên vẹn, vui thú vẫn

tràn đầy. Một lát, rồi nhìn về phía góc vườn đối diện, nơi con thỏ lạc từ một tuần trước đã nằm trong lòng đất, với cái chết thành linh đã làm cho bầy cháu tôi rơi không biết bao nhiêu nước mắt, tôi hỏi:

– Các cháu đã có một bầy thỏ mới, còn nhớ đến con thỏ kia không?

Bầy cháu quay lại, ngạc nhiên:

– Thỏ nào ạ?

Mới có một tuần. Thỏ nào ạ. Mới có một tuần thôi. Những tiếng khóc. Đám ma thỏ. Những giọt nước mắt. Tôi nghiêm trang:

– Con thỏ chết. Các cháu quên rồi sao?

– Nhớ chú ạ.

Tiếng nhớ cùng nói hơi chậm. Bình thường. Chiều lệ. Cho qua. Sau đó, bây cháu tôi lại dồn hết những tiếng cười vui cho bây thỏ mới.

Tôi trở vào trong nhà với hình ảnh một bãi cát bình minh, những dấu chân ấu thơ in xuống, thủy triều òa lên xóa sạch, mau chóng, những dấu chân cũ, cho thay vào những dấu chân mới. Mới có một tuần. Mau thật. Con thỏ chết không còn được là một kỷ niệm nữa. Nó đã ng-hìn dậm ở ngoài trí nhớ. Những giọt lệ của bây cháu tôi đã khô, vết thương đã lành, nỗi đau đã hết. Michelet nói tuổi nhỏ chính là tuổi tàn nhẫn nhất, cái tuổi nhỏ nhỏ dần từng sợi lông chim, bứt dần từng cánh chuồn chuồn, thả dế vào ống khói cho dế chết ngạt, tẩm xăng vào đuôi

chuột đốt cho chuột chết cháy, cái tuổi thơ thánh thiện mà không có trái tim, thiên thần mà không có tình thương. Thế đó, hồn nhiên, không hay không biết. Như con thỏ chết tuần trước chúng khóc lóc vậy mà tuần sau đã hoàn toàn lãng quên, vì đã có cả một bây thỏ mới.

Tôi định nói chuyện với bây cháu. Cho chúng biết. Rằng một sự thân yêu đã bỏ ta đi, không có sự thân yêu nào thay thế được. Thay được, đã chẳng có những năm mồ, đã chẳng có những vết thương, đã chẳng có những giọt lệ. Con cá vàng chết trong bể nước hôm qua, sáng nay bể nước đã có một con cá mới. Nhưng con cá mới không bao giờ thế chân được con cá chết. Bây thỏ mới của đám cháu tôi cũng vậy. Không thể thay chân con thỏ lạc. Không bao giờ. Định nói rồi tôi thôi. Hãy để cho tuổi nhỏ sống với cái thế giới,

cái tâm hồn tuổi nhỏ. Sau này lớn khôn, đám cháu tôi sẽ hiểu được điều đó. Rằng một sự thân yêu mất đi, nghìn sự thân yêu khác không bao giờ thay thế được.

Thế nhưng khi chúng hiểu thì cái thời kỳ thần tiên nhất của cuộc đời cũng là tuổi nhỏ chúng không còn nữa. Cũng đã được chôn cất và lãng quên đi ở một góc vườn.

TIẾNG GỌI

Sân vận động đối diện với hội trường trại, ngăn cách bởi một con đường đất đỏ chạy vòng từ bên tiếp tế lương thực vào tới trước cửa hội trường thì phân chia thành nhiều nhánh nhỏ, rồi nhánh mở sâu vào khu lều vải và lều cây san sát chen lẫn của năm khu a, b, c, d, e, cả năm khu đều đông đặc người Việt Nam vượt biển, khi tôi tới, dân số Pulau Besar đã lên tới con số kỷ lục ngót sáu ngàn người.

Buổi chiều. Năm giờ. Nắng đảo lấp lánh trên mặt biển hiện ra từng giải xanh biếc bên kia những cồn cát. Nắng đảo động ảnh trên những mái lều vải đọng đưa dưới gió chiều từ bên làng Merang thổi qua và trên những lưng trần vai trần đen cháy của đám người trẻ tuổi chúng tôi. Tự một lúc nào đồng bào từ các khu đã kéo tới, đứng vây thành một vòng đông kín và nhiều tiếng la hét cổ vũ đã nổi dậy cho cuộc thi chạy việt dã mỗi cuối tuần từ hội trường xuống tới chân sóng sắp bắt đầu. Khởi hành rồi. Chúng tôi đứng thành một hàng dài trước vạch xuất phát. Một tiếng hô ngắn của anh Thìn, trại trưởng và tôi phóng vụt người đi.

Tôi tới Pulau Besar đã được bốn tháng. Đã được phỏng vấn. Đã được phái đoàn Mỹ cho tuyên thệ. Chỉ còn chờ ngày

có tên trong danh sách rời trại lên thủ đô Kuala Lumpur. Những ngày mới đến, hoang mang, thất lạc, đắm chìm trong một tâm trạng bi thảm tưởng chẳng bao giờ ra thoát, ngày nào tôi cũng ra khỏi lều từ sớm, một mình lặng lẽ vượt qua những cồn cát xuống bãi, đi ngược lên cánh rừng già hoang tịch trên đầu mỏm đảo, lang thang với sự cô đơn không cùng không tên của mình ở đó tới chiều tối mới lui thủi về lều. Lâu dần rồi đời sống vẫn quanh hiu và cuộc phục sinh nơi tôi cũng thay thế dần cho cái chết trong tâm và cho niềm tuyệt vọng. Tôi không giam mình trong tro troi nữa và bắt đầu tham dự vào sinh hoạt chung của trại với đám thanh niên cùng tuổi. Sáng sáng tôi theo họ vào rừng chặt cây, đốn lá, khiêng những vật liệu thiên nhiên này về trại, dụng những căn lều mới trên những khu đất trống, bán cho những đồng bào mới

tới để có tiền chi dùng thêm.

Buổi trưa, tôi ra bãi supply, phụ một tay với đội tiếp tế, đưa lương thực về phân phối cho từng gia đình tới nhận ở hội trường. Và buổi chiều, chưa tàn nắng là tôi đã có mặt ở sân vận động, băng qua những cồn cát, những dòng lạch, những hàng dương, chạy một mạch xuống bãi ném mình vào vẫy vùng giữa những con sóng ào ào trắng xóa. Từ ngày xung vào đoàn thanh niên chí nguyện có nhiệm vụ giữ gìn an ninh trật tự cho toàn trại, chúng tôi còn có những buổi trèo núi, vượt suối thật xa ở ngoài trại nữa, nhiều khi đêm xuống trở về.

Nhờ tắm nắng tắm gió, nhờ những vận động và tập dượt thường xuyên cùng với tinh thần từ yếu nhược đã vững vàng trở lại, da thịt tôi ngày một đen cháy,

thân thể tôi ngày một rắn chắc, đôi chân tôi, nhất là đôi chân đã nhanh đã mạnh như một đôi chân thỏ rừng. Khiến anh em trong đoàn chí nguyện cùng tấm tắc: “Gì chứ chạy đua bây giờ thì không ai địch được với Huy”

Lộ trình cuộc chạy đua việt dã lấy chức vô địch việt dã toàn trại, dài ngót hai dặm, những đoạn đồi quanh, những khúc cát lún, tôi đã thuộc lòng hết vì đã quyết tâm đoạt giải từ lâu. Bỏ lại những tiếng reo hò cổ vũ vang động ở sau lưng, thoát chạy là đôi chân tôi như có cánh bay đi, đã bốc lên thành gió. Ra khỏi vùng hội trường, đổ xuống con đường cát thấp vòng quanh một bờ lạch cạn, tôi đã chạy đầu trong đoàn chạy đầu mà hơi thở vẫn đều hòa đôi chân vẫn vùn vụt. Phấn khởi, tôi gia tăng tốc độ thành một nước rút về đích từ xa. Lâu tới đỉnh ngọn

đồi cát trắng phau, với mặt biển đã ngời ngời đã rõ ràng trước mặt, tôi định ninh phần thắng đã về mình. Giây phút tưởng ăn chắc ấy lại là giây phút bất ngờ và thất vọng nhất. Không một tiếng động, một hơi thở báo hiệu một tới gần, một bóng người thoáng như một mũi tên, và cùng với một tiếng cười ngắn, đã lên tới ngang tầm tôi, đã vượt hẳn qua tôi. Tôi kêu lên một tiếng kinh ngạc. Nhớ ra rằng mình đã quên. Quên rằng cuộc chạy đua còn có anh Hội, người trưởng đoàn chí nguyện của chúng tôi nữa. Nghiến răng, tôi ném tất cả sức lực vào đoạn đường cuối cùng. Nhưng trước mặt tôi và bỏ xa tôi mau chóng là một mũi tên vàng, một mũi tên vàng nhanh không tưởng tượng và không tài nào bắt kịp. Anh Hội đựng tới chân sóng trước tôi cả năm bảy thước. Anh quay lại vừa kịp đỡ lấy tôi, kiệt sức muốn té quỵ xuống. Anh cười thân ái:

– Khá lắm. Cố lên. Lần sau, chúc vô địch việt dã toàn trại thế nào cũng về tay em.

Tôi không buồn anh Hội đã đánh bại tôi trong cuộc thi. Sánh vai đi cạnh anh trở về sân vận động trước những tràng pháo tay ào ạt của mọi người, tôi chỉ thấy gia tăng, về Hội, một niềm trọng và mến yêu không bờ bến.

Trước vượt biển, tôi chưa từng gặp anh. Cũng chưa nghe thấy ai nói đến anh một lần nào trong đời. Chỉ biết anh tới Pulau Besar trước tôi khá lâu, chừng năm bảy tháng. Và không hiểu vì lý do gì vẫn chưa có tên trong danh sách những người rời trại. Điều khó hiểu đối với tôi là khác với mọi người, khiến trường hợp anh có một vẻ gì rất lạ lùng và đặc biệt, sự chậm muộn chưa được rời trại lên

đường tới một quốc gia đệ tam, không hề làm cho Hội bồn chồn phiền muộn. Anh kéo dài những ngày ở trại, trước hết lớp người này lên đường, hết lớp người khác ra đi, thản nhiên, ung dung, như không. Một lần, đi bên anh sau một buổi thực tập dưới bãi, lần ấy anh chỉ dạy cho anh em chí nguyện vài thế đánh gấp lúc cận chiến với kẻ địch đông người, tôi hỏi:

– Sao anh Hội phải ở lại trại lâu ngày vậy?

Anh nhún vai gõ gõ cây gậy xuống mặt cát.

– Anh không có anh em họ hàng nào ở Úc, ở Mỹ sao?

– Không.

Trả lời vắn tắt vậy rồi anh nói sang

chuyện khác khiến tôi không dám tò mò thêm nữa. Một lần khác, được anh cho vào chơi căn lều vải anh dựng nó trơ trọi, một mình và cách những dãy lều cùng khu một quãng khá xa, sự tò mò muốn biết ở tôi lại nổi dậy:

– Anh vượt biển một mình, anh Hội?

Hội gật:

– Một mình. Như em vậy.

– Anh còn người thân nào ở nhà không, anh Hội.

Anh trả lời bằng hỏi lại tôi: “Huy còn những ai?” khiến tôi lại không dám hỏi gì thêm nữa. Trước sau, quá khứ anh, con người anh, thân thể anh, với tôi vẫn là một bí mật hoàn toàn và những điều người ở trại kể cho tôi biết về anh, cũng

không biết hư thực thế nào. Vì lần nào tôi hỏi anh về những điều ấy, anh chỉ cười không nói. Người ta kể về người trưởng đoàn chí nguyện rất nhũn nhặn rất lành hiền của chúng tôi nhiều điều thật ghê gớm. Như những huyền thoại. Như trong cuộc chiến, anh từng là toán trưởng một toán biệt kích cảm tử, chuyên đánh phá thật sâu ở sau chiến tuyến địch, đánh bằng vũ khí trắng và toàn trong đêm tối. Như anh đã được thả dù ra Bắc nhiều lần, trong những công tác phá hoại hiểm nghèo nhất, và được đón về bằng tàu ngầm của Đệ Thất Hạm Đội ở những điểm đón bí mật. Như anh, khổ người tầm thước, đi đứng nhẹ nhàng, tưởng như một tín đồ thuần thành của chủ thuyết bất bạo động, kỳ thực là một vô địch thái cực quyền thất đẳng huyền đai, đã đánh bại những võ sư thái cực quyền Nhật Bản, Đại Hàn tài giỏi nhất. Như rơi

vào một ổ phục kích trong rừng Củ Chi, như một con sư tử, anh đã quần thảo với cả một tiểu đội cộng sản, và đánh gãy cổ tới đứa cuối cùng.

Không biết thế nào. Vây bọc lấy quá khứ và thân thể Hội là một vùng ánh sáng và một dải bóng tối, cả hai cùng lung linh hoang đường. Khiến anh sống tập thể với chúng tôi gần trọn thời gian ở trại, ngày nào cũng đưa chúng tôi xuống bãi chỉ dẫn cho một vài đường quyền, một vài thế gậy, ngày nào cũng đi làm công tác vệ sinh, công tác xã hội toàn trại với đoàn chí nguyện chúng tôi, mà anh vẫn như ngã đường, như một ngọn núi đứng riêng tây. Như hình ảnh căn lều vài anh ở, dựng thật xa những căn lều khác. Họa hoằn tôi cũng thoáng bắt gặp được ở Hội điều tôi đoán thấy, mơ hồ, như một vấn đề thâm kín, một ưu tư giấu kín. Như

một đêm đã thật khuya, toàn trại đã đắm chìm trong giấc ngủ, đi ngang qua lều anh, tôi thấy ánh đèn trong lều còn sáng, cái bóng anh ngồi bất động, thật lâu, như một pho tượng. Như một vài buổi chiều, trời mưa gió, bãi biển vắng ngắt, tôi thấy anh đứng lặng một mình trước mặt biển mù sương, nhìn đắm đắm ra khơi xa và cứ đứng một mình hàng giờ như thế.

Lâu dần rồi tôi cũng mất dần những thắc mắc, những tò mò về con người về thân thể Hội, tôi yêu mến hết lòng và coi như thần tượng của mình. Hội cũng dành cho tôi một cảm tình đặc biệt. Đi đâu cũng cho tôi đi cùng. Và coi tôi, thân thiết, như một người em nhỏ.

Cho đến một buổi chiều, nhớ hôm đó, trại cũng tổ chức cuộc đua việt dã cuối tuần, Hội nhường không tham dự

và tôi dễ dàng về đầu, một con tàu Việt Nam vượt biển tới hải phận Mã Lai và giạt đúng vào khúc bãi Pulau Besar. Con tàu mới gần tới bờ, anh em trong đoàn chí nguyện chúng tôi, với Hội dẫn đầu đã cùng một đám đông đồng bào các khu từ trong trại chạy xuống bãi. Một đám người, khoảng trên dưới một chục, toàn là đàn ông đứng lố nhố trên boong tàu. Họ vẫy tay rồi rít và cùng nhất tề nhảy xuống khi con tàu ghéch mũi lên bờ cát. Đó là một con tàu khá lớn và bề thế so với những tàu thuyền vượt biển khác. Chạm đất, sự mỗi mệt rã rời còn in hằn trên khuôn mặt, người lớn tuổi nhất trong đám người vừa nhảy xuống đã lớn tiếng xin được gặp ngay một đại diện của trại. Nói là có vấn đề phải trình bày ngay. Hội tiến lại:

– Xin nói chuyện với tôi.

– Ông là ai? Người đàn ông đứng tuổi hỏi, giọng ngân ngừ.

– Đoàn trưởng đoàn thanh niên chí nguyện trại tạm trú Pulau Besar. Các bạn đang ở giữa sáu ngàn đồng bào Việt Nam tỵ nạn.

Câu trả lời của Hội khiến cả đoàn người mới tới cùng hô lớn những tiếng mừng rỡ. Chúng tôi cùng lớn tiếng hoan hô và chào mừng theo. Hội ra dấu cho mọi người im lặng. Để nghe người đàn ông đứng tuổi, vừa chỉ con tàu vừa trình bày vấn đề. Thì ra con tàu mới cập bến sau mười ngày lênh đênh trên biển Đông kia không phải là một con tàu vượt biển thông thường. Mà là một con tàu đánh cá quốc doanh, một con tàu của nhà nước cộng sản. Thì ra đây không phải là một cuộc vượt tuyến từ đầu. Mà một vụ

nổi dậy, một vụ cướp tàu, biến một đánh cá quốc doanh thành một vượt thoát bất ngờ khỏi thiên đường cộng sản.

– Chúng tôi đã thăm dò ý nhau, bàn tính với nhau, thỏa thuận với nhau từ cả mấy năm nay. Nhưng cơ hội bây giờ mới tới.

Bằng giọng một khăn khăn và đầy xúc động, người đàn ông lớn tuổi quay nhìn con tàu, kể tiếp:

– Cũng thật may mắn. Đám cán bộ võ trang đi theo canh coi chừng anh em chúng tôi lần này ít hẵn một nửa. Chỉ có năm đứa. Có lẽ vì chúng yên tâm chẳng thể có chuyện gì. Ngày thứ ba, lửa lúc chúng quây quần ăn nhậu say khướt ở đầu mũi, chúng tôi cùng nhất tề lao tới, quật ngã được hết xuống, cướp được hết

khí giới, trói gô lại và liệng xuống hầm cá, khóa cửa hầm lại. Rồi chúng tôi đổi hướng tàu, mở hết tốc lực chạy ra ngoài hải phận. Sau đó chúng lạy van xin tha chết, xin đừng ném xuống biển, chúng tôi mới ngày ngày mở cửa hầm ném đồ ăn xuống cho. Chúng vẫn bị trói dưới hầm cá kia. Nghe xong, Hội khen ngợi hành động dũng cảm của đám người cướp tàu. Đoạn, theo lệnh Hội, chúng tôi cùng leo lên con tàu quốc doanh mới cập bến. Chúng tôi mở khóa hầm cá, kh-iêng từng tên cán bộ lên khỏi hầm cá. Tháo giẻ bịt miệng, cởi trói cho chúng. Nhiều tiếng hô lớn: “Giết chết bọn khốn nạn, liệng thân chúng xuống biển”, nổi dậy từ cái rừng người phùng phùng giận dữ. Mấy thằng cộng sản mặt cắt không còn hạt máu. Phải khó nhọc lắm, chúng tôi mới đưa được chúng từ trên sàn tàu xuống và vào tới hội trường trại bình

yên. Nội vụ được báo ngay cho cảnh sát Mã Lai và đại diện Cao ủy Tị nạn. Năm tù nhân mới của trại được giao cho Hội canh giữ.

Riêng con tàu vô chủ không ai nghĩ tới chuyện phá hủy nó. Cũng không ai để ý tới nó nữa. Trừ Hội.

Ý định táo tợn đột ngột nảy sinh hay Hội đã âm thầm nuôi dưỡng từ lâu, chỉ đợi có cơ hội là thực hiện? Tôi không biết được. Hành động lạ lùng ấy được thúc đẩy bởi động lực nào? Đất nước, non sông? Cái chí làm trai, giấc mơ dũng sĩ? Kẻ thù và phục thù? Hay riêng tây hơn, niềm đam mê điên cuồng ẩn giấu nơi trái tim đờn đau tan nát kia, đôi mắt đắm đắm mở lớn như một tiếng gọi mãnh liệt không cưỡng chống được dù đã vượt biển, đã nghìn trùng, của người đàn bà

trong tấm hình ấy? Tôi không biết được. Toàn trại cũng không ai biết được. Cho tới ngày tôi rời đảo, chuyện Hội vẫn là một đầu đề bàn tán mãi. Và càng được bàn tán, tấm màn bí mật bao phủ lên nó càng dày đặc hơn.

Sự phát giác được ở tôi cũng hết sức tình cờ. Nhớ là mấy ngày sau cái buổi chiều con tàu cộng sản bị đánh cướp ấy giạt vào bãi đảo, biển động liên tiếp. Đêm đảo tối đặc. Mưa to. Gió lớn. Dưới những mái lều trạm trú nghiêng ngả dưới gió mưa ào ạt, chúng tôi lo âu nói chuyện với nhau về những con thuyền vượt tuyến mong manh đang nổi chìm giữa biển khơi. Đêm đó không sao ngủ được, tôi trùm áo mưa, cầm đèn bấm đi sang lều Hội. Tới gần lều, tôi đứng sững lại kinh ngạc. Năm cái bóng đen, rồi thêm cái bóng thứ sáu, cao lớn, cái bóng của

Hội đi ra. Sáu cái bóng người lặng lẽ ấy đều xách tay một cái thùng nặng trĩu. Tôi ẩn vội vào một gốc cây. Cái bóng cao, ra tới đầu con đường xuống bãi, vượt lên đi trước dẫn đường. Đoàn người bước cắm cúi, lặng lẽ, không gây một tiếng động. Chờ cho họ vượt qua khỏi chỗ ẩn của mình, một quãng, tôi âm thầm men theo sau. Ra khỏi trại, đoàn người men theo cánh rừng dương, vượt qua những cồn cát, xuống tới bãi và đi theo chân sóng đi ngược về phía bắc đảo. Họ tiến tới cái khúc quanh gần mõm đảo, nơi con tàu buông neo.

Thoạt đầu tôi đã tưởng Hội bị năm tên cán bộ cộng sản khống chế, đang phải làm theo chúng. Nhìn kỹ, thấy không phải. Ngoài cái thùng xách nặng, năm đứa đều tay không, không khí giới, và Hội dẫn đầu đi đứng rất ung dung.

Tới trước con tàu, ngọn đèn bấm trong tay Hội vụt sáng, cả đoàn người cùng đứng lại. Tôi vội vàng nằm sấp xuống mặt cát để khỏi bị phát giác. Rồi trong tiếng sóng gầm, tiếng Hội:

– Chắc chắn vẫn chạy được chứ?

– Chắc chắn. Một trong năm tên cán bộ đáp.

– Tôi vẫn phải lên mở máy xem thế nào đã. Các người đứng đó, chờ tôi.

Trong một thế nhảy tuyệt đẹp của thái cực đạo nhất đẳng huyền đai, Hội đã ở trên con tàu. Anh biến mất về phía hầm máy và chừng mười phút sau tôi nghe thấy tiếng máy tàu nổ đều rồi tắt. Đèn bấm quét một vệt sáng dài trên mặt bãi, cùng với Hội từ trên tàu nhảy xuống.

– Bây giờ các người đưa nước lên, và xem lại lương thực thế nào. Tôi đứng dưới này canh chừng động tĩnh. Xong rồi, bấm đèn cho tôi. Chúng ta sẽ khởi hành ngay.

Chừng như việc Hội chưa lên tàu cùng, mà còn ở dưới bãi làm cho đám cán bộ lo ngại. Chúng đứng im, không chịu làm theo. Tiếng Hội, bực tức:

– Tôi đã nói là tôi sẽ lái con tàu và nếu không bị đắm chìm giữa biển, tôi sẽ đưa các người trở về Việt Nam, là tôi làm. Đi lấy nước trữ đem về lều, chúng ta đã bị nghi ngờ rồi đấy. Có mau lên không. Cảnh sát Mã đi tuần tới đây là chết cả đám bây giờ.

Toàn thân dán trên mặt cát ướt đầm, tôi chờ người vì kinh ngạc. Trở về Việt

Nam. Trời ơi! Hội đồng tình với năm tên cán bộ cộng sản cướp con tàu đã bị đánh cướp, cùng với chúng nó về Việt Nam? Dám vượt biển một lần nữa, để trở về, trở về Việt Nam xa thăm? Và lại dám ra khơi lúc này, trong đêm tối, giữa mưa gió mịt mù, giữa âm âm biển động? Hội mất trí rồi. Người trưởng toán chí nguyện của chúng tôi điên rồi. Thù ghét cộng sản đến như Hội thù ghét, bây giờ lại đồng lõa với chúng, làm ngược hẳn lại nhiệm vụ được giao phó là phải canh chừng chúng. Có thể như thế được chăng? Trạng thái nghịch lý, quái đản của hành động Hội, chuyển ra khơi như một tự sát, sự trở về Việt Nam như một điên rồ, tất cả đối với tôi phút đó là những khó hiểu dồn dập, khiến tôi tưởng những điều mình đang nhìn đang nghe thấy là hôn mê, là ảo giác, không phải là sự thật nữa. Biển bốn phía gào thét, bóng con tàu chập

chờn làm tăng thêm cái không khí kỳ dị của cảnh tượng, của sự việc lạ lùng đang diễn ra trước mắt tôi. Cuối cùng, tôi chỉ còn nghĩ nổi được một điều là ra khơi lúc này trăm phần chết không có phần sống, Hội đang ném mình vào cuộc tự sát, tôi phải ngăn chặn lại, tôi không thể ngăn chặn. Tôi bèn la lớn: “Anh Hội” và đứng vùng lên.

Sự xuất hiện đột ngột của tôi làm kinh hoàng, làm bối rối hết thảy. Từ Hội đến năm tên cán bộ, mỗi đứa trong tay một thanh sắt từ trên tàu nhảy xuống, đến chính tôi nữa. Rồi sự việc xảy ra rất nhanh sau đó. Năm tên cộng sản nhất tề xúm lại. Trong nháy mắt, chúng đã quật tôi ngã sấp xuống. Năm thanh sắt cùng giờ lên. Chỉ khoảng khắc là cái đầu tôi sẽ nát nhừ. Tôi nhắm mắt lại, chờ chết. Thật may, tiếng Hội quát lớn:

– Không được giết nó.

Một thằng cán bộ ngồi trên lưng tôi. Năm tên cùng giận dữ:

– Phải giết. Chuyển đi bị bại lộ rồi.

Tôi thăm phục Hội. Anh lấy lại bình tĩnh rất mau chóng. Giọng anh đánh thép nhưng từ tốn:

– Đó là một chú em trong đoàn chí nguyện của tôi. Chú ấy sẽ không nói. Để tôi nói chuyện với chú ấy. Các người lui ra cho chú ấy đứng lên. Tôi nói rồi đó, các người giết chú ấy là không có chuyển đi này nữa.

Bọn cán bộ biết Hội không nói đùa. Họ hậm hực lùi ra. Hội tiến lại, đỡ tôi đứng lên, và cặp mắt anh rất sát gần và nhìn thẳng vào mắt tôi, anh nói:

– Duy hứa sẽ không nói nhé. Từ giờ tới sáng thôi. Cho tới khi con tàu đã ra ngoài hải phận. Hứa đi, hứa không nói, Duy sẽ được bình yên trở lại.

Tôi không trả lời Hội mà hỏi lại:

– Anh định cùng bọn chúng trở về Việt Nam thật sao?

– Thật.

– Biển đang bão tố thế này, anh có điên không?

Hội nhìn ra nghìn trùng gào thét. Anh nín thinh một lát nhếch mép:

– Biết vậy nhưng anh không thể hoãn lại, dù chỉ một ngày. Cảnh sát Mã đã báo cho anh biết là sáng mai họ sẽ kéo con tàu lên Trengganu.

– Anh nên nghĩ lại đi, anh Hội. Anh không thể ra khơi, anh không thể trở về như thế này được.

Hội đặt tay lên vai tôi, chậm rãi, từng tiếng:

– Anh đã nghĩ kỹ rồi. Thật kỹ. Rồi mới đi tới quyết định. Đây là dịp duy nhất không bao giờ còn có nữa. Anh phải trở về, không thể không trở về. Để làm gì, anh không thể nói cho Duy biết, cũng chẳng còn thì giờ để nói.

Chỉ năm tên cán bộ cộng sản, anh nói tiếp:

– Chỉ có tàu của họ là còn nguyên vẹn máy móc và nhiên liệu. Và phải cho họ về cùng vì anh không thể lái tàu một mình, phải có người coi máy nữa. Anh có một việc phải làm ở nhà, chưa làm phải

trở về làm, chứ không phải về là đi theo họ đâu. Duy chỉ cần hiểu là như vậy. Bây giờ Duy hứa đi, hứa không nói.

– Tôi rất muốn làm vừa lòng anh, nhưng tôi phải ngăn anh, tôi không hứa được.

Tôi chỉ nói được tới đó. Một thanh sắt từ phía sau lưng đã quất mạnh xuống đầu, tôi ngã xuống và ngất đi.

Khi tôi tỉnh dậy, trạng thái kinh ngạc vẫn còn tiếp tục. Trước hết là không thấy mình còn nằm ở chỗ cũ nữa. Mà dưới một gốc dương sau cồn cát, đầu gối lên một đồng lá rụng, một mảnh bao bố phủ lên ngang ngực. Chắc Hội đã khiêng tôi từ chân sóng lên tới chỗ này, phủ mảnh bố lên cho tôi khỏi lạnh rồi mới ra khơi. Tôi tỉnh táo hẳn, nhưng đầu óc đau nhức như búa bổ, sờ tay lên đỉnh đầu thấy một

cục bướu nổi gồ lên. Đêm đã hết. Ngày đã sáng. Biển đã lặng.

Tôi gắng gượng chống tay ngồi dậy. Ném cái nhìn qua những cồn cát ngược về phía Bắc tới chỗ đêm qua Hội và năm tên cộng sản đứng đó với con tàu, tàu với người tất cả đều đã biến dạng không còn mấy may dấu vết, bãi biển phẳng tấp, những con sóng lăn tăn hiền hòa và mặt biển xanh lơ trải rộng tới chân trời đang hồng dần những tia nắng mặt trời lên. Thế là Hội đã ra khơi, đã trở về Việt Nam.

Anh yêu cầu tôi hứa không nói. Tôi không chịu hứa mà cũng là như đã hứa. Tôi đứng lặng giờ lâu, dần dần nhớ lại mọi chuyện đã xảy ra. Rồi tôi cảm thấy một cái gì cộm cộm nơi túi áo trước ngực. Rút ra coi, thì đó là một mẫu giấy

nhỏ với mấy dòng chữ viết vội của Hội:

“Anh rất tiếc chuyện xảy ra như đã xảy ra. Nhưng cũng yên tâm vì biết Duy chỉ ngất đi chứ không chết được. Cho Duy tất cả những đồ đạc anh để lại trong lều. Anh về vì có mục đích riêng, có chuyện phải làm, không thể làm khác. Anh em mình chắc chẳng bao giờ còn gặp lại nhau nữa đâu. Vĩnh biệt”

Toàn trại chấn động vì sự mất tích đột ngột của Hội với năm tên cộng sản, và con tàu. Trở về trại, tôi đã toan báo cáo hết mọi chuyện với ban đại diện, rồi nghĩ lại, lại thôi. Để làm gì nữa. Đảng nào thì năm tên cộng sản cũng sẽ được trao trả cho tòa đại sứ của chúng ở Kuala Lumpur để được trở về. Chúng trốn thoát khỏi đảo trong những điều kiện hiểm nghèo như vậy, vì tinh thần dao

động, vì thiếu nhân nại chờ đợi mà thôi. Có ai giết chúng đâu. Mọi người được tự do lựa chọn. Về Hội và con tàu mất tích nhiều tin đồn trái ngược thành hình sau đêm mưa bão đó. Có tin con tàu đắm cách đảo năm mươi dặm Anh. Hội và năm tên cán bộ đều vui thây đáy biển. Có tin nói Hội vượt qua bão tố trùng trùng đưa được con tàu về tới Việt Nam, nhưng lại bị bắt ngay từ lúc sắp vào hải phận. Lại cũng có tin tàu tới Rừng Sát, Hội dùng thái cực đạo đánh chết năm tên cán bộ. Đoạn, bỏ tàu, lội vào bờ, đến thẳng một chiến khu phục quốc bí mật, vùng Vàm Cỏ Tây, hiện đang chỉ huy một đơn vị kháng chiến ở đó, lấy lòng tiếng tăm dũng sĩ diệt cộng như thời gian biệt kích thuở nào. Mỗi tin đồn, một huyền thoại. Hư thực, thế nào, tôi không biết được. Chỉ làm đúng theo lời Hội dặn là đến lều anh nhận mớ đồ đạc anh bỏ lại

và cho tôi. Cũng không có gì đáng kể ngoài chiếc hộp mạ bạc rất đẹp đựng khoảng 50 lá thư và một tấm hình Hội đã mang theo từ Việt Nam. Đó là năm mươi lá thư tình, lời lẽ gấn bó sống chết của một mối tình lớn. Tấm hình chụp một thiếu phụ. Trạc tuổi Hội. Người đàn bà trong hình tuyệt đẹp ở đôi mắt của nàng. Một đôi mắt mở lớn, thăm thẳm dưới cặp lông mày hình cánh cung, cái nhìn thì tỏa ra ở nó một sức mê hoặc kỳ lạ khiến tôi nhìn cũng cảm thấy xao xuyến. Tôi lật tấm hình. Mặt lưng nó là một dòng chữ: “không bao giờ xa nhau”. Tự dạng của Hội.

Sự thật là thế nào? Đại sự hay là đôi mắt ấy? Hội đã vui thây đáy biển hay đang quần thảo ở quê nhà với kẻ thù? Không biết. Không biết. Hội mất tích vào thời gian và tạo vật, không còn để lại một dấu

tích gì nữa, thế thôi. Phần tôi, vẫn yêu anh, nhớ anh, coi anh như thần tượng: Không thay đổi. Những ngày cuối cùng trước khi rời đảo, chiều chiều tôi thường ra khúc bãi khuất nẻo ấy, nơi Hội đã lên đường, đi vào vô cùng. Nhìn mông ra khơi, biển và những con sóng. Nghĩ đến đôi mắt trong tấm hình tôi đã châm lửa đốt đi cùng với xấp thư. Để không bao giờ xa nhau”. Để chúng mình mãi mãi là của Hội.

TRÊN MỘT CHUYẾN BUS

Chuyến bus chạy trên lộ trình downtown Los Angeles ra hướng biển tới ngay thành phố Culver City thì người đàn ông bước lên ở một trạm ngừng. Thấy ngay là một người đàn ông Việt Nam. Không Đại Hàn, không Nhật Bản, Việt Nam. Tóc cắt ngắn, vạm vỡ, đen cháy, người đàn ông bước lên chuyến bus đông chật, giữa buổi trưa lòa nắng, một cách cực kỳ vất vả. Vì còn bồng trên

tay một đứa nhỏ và đứa nhỏ đang giãy giụa la khóc hết sức dữ dội. Từ đáy xe nhìn lên, giữa lối đi và trước đám hành khách Hoa Kỳ vội vã lùi tránh hết vào các hàng ghế, Nhị chưa từng thấy trong đời chàng một cảnh tượng nhi đồng nào quấy khóc, gào thét, vật vã trên tay người bế nó một cách tận cùng ghê gớm đến như thế. Chứng như đứa nhỏ đã làm dữ từ ở trạm ngừng dưới đường, và lòng xe ngột ngạt tức thở càng làm bùng thêm ở nó sự điên cuồng hung hãn. Nhị nghe thấy một tiếng quát ngắn cộc bực tức của người tài xế — một phụ nữ da đen — tiếng quát có hiệu lực đẩy bắn người đàn ông rời xa đi. Cái thân hình to lớn vội vã lách tới, hai cánh tay hộ pháp ôm lấy đứa nhỏ chặt cứng, hấn lùi nhanh về cuối xe, tới ngay cạnh chỗ Nhị.

Chàng nhìn thấy đứa nhỏ rõ hơn.

Không đang ở giữa sự phẫn nộ vỡ toang không còn bờ bến nào kìm giữ, đứa nhỏ chắc cũng hiền lành như mọi đứa nhỏ hiền lành khác. Bởi mái tóc mềm mại, làn da trắng hồng, hai bàn tay nhỏ nhắn, khuôn mặt nhẹ nhõm, nó có những nét dịu dàng rất dễ thương. Nhưng lúc này thì tuổi nhỏ thiên thần của nó đã bị quỷ ám, đang lên cơn điên. Điên đến mê loạn, đến mất trí. Nó khựng lại trong khoảnh khắc khi cặp mắt đắm địa đã lạc thần gần như không còn là một cặp mắt của người bắt gặp cái nhìn trấn an sát gần của Nhị. Nhị mỉm cười với thằng nhỏ. Nghĩ nó đã thôi, nguôi. Nhưng không. Quay phắt lại, nhìn trừng trừng vào cái bản mặt thù nghịch của người đàn ông đang khóa cứng tay nó trong tay, đứa nhỏ lại giãy lên đành đạch, lại choác miệng la thét đến đứt hơi khản tiếng. Và tất cả sức mạnh ngùn ngụt dồn ứ trong

cái thân hình chuột nhắt, nó vật mình sang tả, vật ngược sang hữu, vật ngửa về phía sau, điên cuồng quấy đạp để thoát khỏi vòng tay giữ ghì.

Thật là một cảnh tượng Việt Nam tôi nghiệm, trên một chuyến bus Hoa Kỳ. Mái tóc, mặt mũi đầm đìa mồ hôi và nước mắt hòa lẫn, cái cổ nhỏ phình bạnh đỏ tía, đứa nhỏ vừa chồm dựng lên từng hồi, vừa thất thanh la khóc, tiếng la khóc trùm át hết mọi tiếng động trong lòng xe, hết mọi tiếng động của xe cộ ngược xuôi ở dưới đường. Tất cả mọi người ở phía trước đều đã quay đầu nhìn lại. Mấy đứa nhỏ Mỹ đứng lên trên ghế, tròn mắt kh-iếp hãi. Nhiều tiếng xì xào phản đối khó chịu nổi lên. Nhị biết cái cảnh tượng quá chừng này không thể kéo dài thêm trên một chuyến bus. Nhất là một chuyến bus Mỹ, trên một lộ trình Mỹ. Chàng ôn tồn:

– Sao để cháu khóc nhiều quá vậy?

Không trả lời Nhị, người đàn ông nghiêng rằng nhìn thẳng nhỏ như muốn giết chết nó, ăn tươi nuốt sống nó:

– Thằng khốn nạn. Về nhà tao đập chết mày. Lờn chửi rửa hần học được trả đũa tức thì. Và tới lúc này thì chính Nhị cũng phải sống người kinh hoàng vì thằng nhỏ. Như một con quỷ, một con thú, nó lồi mắt ra, găm lên, toàn thân căng cứng, đoạn bằng cả hai bàn tay tử thù nắm chặt, đâm như mưa rào vào ngực vào mặt người bỗng nó. Nhị la lên khi nó thình lình chuyển thể tấn công sống chết: thôi đâm, nó vung tay cào cào điên cuồng vào mắt vào miệng người đàn ông, chồm tới, há miệng cắn nhau vào tai vào cổ.

Nhị nói:

– Trăm tới, ông phải đưa cháu xuống.

Người đàn ông vừa đỡ đòn vừa quắc mắt:

– Không việc gì đến ông.

– Đúng vậy. Nhưng đây là trên bus. Tôi đi hoài, đã biết. Ông nên đưa ngay cháu xuống, kẻo có chuyện phiền xảy ra cho ông.

Người đàn ông không nghe lời Nhị. Hắn cũng nổi cơn điên mất rồi. Bàn tay hộ pháp của hắn tát một cái thật mạnh vào mặt đứa nhỏ. Cái mặt lật đi. Đến lượt Nhị hoảng hốt. Chàng quát lớn, dằn mạnh từng tiếng:

– Thôi ngay. Ông chết liền ngay bây giờ.

Đánh trẻ nhỏ. Đánh công khai. Trước mặt mọi người. Trước mặt mọi người Mỹ. Sao có người đàn ông ngu dốt dại dột đến như thế được. Hắn có thể bị đám đông coi như một con chó điên, ào tới, đập cho một trận nhừ tử, vì dám đánh trẻ con.

Chuyện ấy không xảy ra. Cũng may, chưa kịp xảy ra. Mấy phút trước đó, người nữ tài xế da đen đã bốc điện thoại nói chuyện với cảnh sát. Chiếc bus tấp vào một bên đường, ngừng khựng lại. Cửa xe mở toang ra. Hai người cảnh sát Mỹ to lớn, đeo súng, nhảy lên. Họ đẩy mọi người ra, đi nhanh về cuối xe. Và không để cho người đàn ông phân trần hoặc giải thích điều gì, kẹp cứng hai tay, điệu xuống.

Cảnh tượng buồn bã lạ lùng với

chàng về người đàn ông Việt và đứa nhỏ Việt trên chuyến bus từ trung tâm Los Angeles chạy ra hướng biển, trở lại trí nhớ Nhị nhiều lần. Khi Nhị nghĩ tới một số thảm cảnh, một số thương tâm xảy ra cho một số đồng bào tỵ nạn của chàng, trong đời sống bất hạnh thê lương của họ trên đất Mỹ. Thảm kịch không xảy ra ở quê nhà. Chỉ trên quê người mới xảy ra. Lúc tưởng chết, lại không. Lúc tưởng sống, mới vòng đầu, vòng hai địa ngục. Ngày Nhị tới Dallas, người bạn thân của Nhị, vừa là công chức một cơ quan xã hội vừa là thông dịch viên trong khám đường Dallas đã thuật lại với Nhị, trên từng chi tiết, vụ thảm sát rùng rợn vì bị phụ bạc của một chàng trẻ tuổi, hấn đập vỡ óc đứa con gái thay lòng đổi dạ bằng cái bàn ủi khi đứa con gái đang ủi quần áo sửa soạn đi party với người tình mới, gã trẻ tuổi sau đó bị bắt và treo cổ tự tử

trong tù. Một người em sống cùng gia đình người chị ở California, vợ con chết hết ở biển Đông, nổi cơn điên xách dao rượt chị, cảnh sát được cầu cứu tới bắn hai phát chết tốt. Một người chồng ở tiểu bang Kentucky, gia cảnh tan tành sao đó, giết cả vợ và bốn đứa con, đặt nằm ngay ngắn hết trên giường rồi nổ súng vào đầu. Nhiều chuyện thương tâm, nhiều vụ đau lòng khác nữa, không tuần nào không thấy có tường thuật trên mặt báo.

Xảy ra trên một tỷ lệ nhiều, những thảm kịch đau thương nhất, dần dần, như một sự thể nhàm chán, không còn gây nổi bàng hoàng và xúc động nữa. Đời sống mài nhẵn hết thảy. Cả cái bề mặt của thảm kịch. Cả cái bề mặt trong những lòng người. Đôi khi Nhị nghĩ đến, xếp chung chúng vào cái lắng buồn bã của cuộc sống hiện giờ rồi cũng quên đi.

Như chàng đã nhớ tới và cũng đã quên đi người đàn ông Việt Nam trên bus bị cảnh sát điệu xuống và đứa nhỏ la khóc mê loạn và cắn nát cổ hần. Cho đến lúc, đứa nhỏ, chàng gặp lại nó, chừng nửa năm sau. Vẫn trên một chuyến bus chạy trên lộ trình trung tâm thành phố Los, ra hướng biển là con đường đi lại hàng ngày của chàng.

Buổi trưa hôm đó dịu mát. Bus lần lần khiến Nhị lim dim buồn ngủ. Người đàn ông lên ở một trạm ngừng ngang đường, tới ngồi phịch xuống cạnh Nhị, khiến chàng mở mắt, tỉnh táo trở lại. Và, chỉ trong một giây, vì mái tóc mịn màng đặc biệt của nó và cái nốt ruồi son ở dưới cằm, nhận ra ngay thằng nhỏ cắn cổ người trên chuyến bus sáu tháng trước. Lần này thì nó không cắn cổ ai hết, mà hai bàn tay nhỏ xíu nắm chặt, và nắm

gọn trong lòng người đàn bà, đang ngủ, đang ngủ rất say. Nhìn đứa nhỏ ngoan hiền trong lòng người đàn bà, Nhị bật cười nhớ lại sự hung tợn tràn bờ của nó, lần gặp trước: Ông trời con khiến cảnh sát Mỹ phải tới đây. Người đàn bà quay sang Nhị. Chừng trên dưới 40, khổ người nhỏ nhắn, thanh thoát, ánh mắt ẩn giấu một niềm buồn bã kín thẳm, như nói lên với nó một tro trọi, một thất lạc nào, bà ta nhìn Nhị, ngạc nhiên:

– Ông biết cháu?

Nhị gật, đùa:

– Vâng, tôi được hân hạnh gặp ông thân này trên một chuyến bus, cũng lộ trình này, mấy tháng trước. Không chỉ mình tôi, cả chuyến xe cùng được hân hạnh. Dĩ quá trời.

Người đàn bà cúi nhìn đứa nhỏ với tất cả ánh mắt yêu thương của một người mẹ.

– Hôm đó cháu hư quá, tôi cũng không ngờ. Lúc tới giờ phải vào sở làm, cháu chỉ khóc lóc đòi theo như mọi lần thôi. Ngờ đâu quá quẩn khiến anh ta bị cảnh sát giữ. Cũng may sau đó, họ liên lạc được với tôi, và tôi phải xin nghỉ một buổi để đến nhận cháu về.

Anh ta. Người đàn ông cục cằn hôm đó, Nhị nghĩ thầm. Chàng không đoán được cái nghĩa hai chữ “anh ta” với người đàn bà là như thế nào. Ở mức độ tình cảm nào, qua liên hệ nào. Thấy người đàn bà có thái độ thân thiện và chừng như muốn nói chuyện tiếp với chàng, Nhị hỏi:

– Hôm đó ông ấy có bị cảnh sát làm khó dễ gì không?

– Dạ có, cũng bị giữ lại mấy tiếng. Để trình giấy tờ, khai đang ở đâu, làm gì.

Giọng người đàn bà trầm xuống, hàng mi khẽ chớp:

– Tội nghiệp. Còn bị nghe giảng dạy cho một bài học bắt nhớ đời là không bao giờ được phép đánh trẻ nhỏ trên đất Mỹ. Còn phải ký vào một tờ cam kết nữa. Thì ra người đứng cạnh anh ta hôm đó là ông. Ông đã khuyên nên đưa ngay cháu xuống khỏi xe. Anh ta nói hối hận đã không chịu nghe ông, trước khi cảnh sát tới.

Và như muốn bào chữa cho người vắng mặt:

– Anh ta cũng không có tâm địa xấu ác gì lắm với trẻ nhỏ. Chỉ không nhẫn nại được. Chuyện phiền là giữa thằng cháu với anh ta như có một sự xung khắc lạ lùng, không sao thay đổi được. Tôi rất khổ tâm mà chẳng biết làm thế nào. Cháu ngoan, không hư quấy gì lắm. Chỉ gần anh ta phút nào là la hét, gào khóc phút ấy. Lại cố bám chặt lấy mẹ. Tôi phải đi làm. Sở không cho đưa trẻ con vào. Thành ra anh ta cứ phải đi cùng lượt đi tới cổng sở, rồi đem cháu trở về nhà, như hôm ông gặp.

Trường hợp tưởng chẳng có gì phiền toái, vậy mà khó giải quyết thật, Nhị nghĩ. Chàng thấy thêm được một khía cạnh rắc rối của đời sống. Những cái thật nhỏ đôi khi lại là những trở lực thật lớn, như những trái núi, vô phương giải quyết. Chàng hỏi người đàn bà:

– Rồi bà thu xếp được như thế nào?

Người đàn bà nhìn xuống đứa nhỏ vẫn ngủ say, chép miệng thở dài. Ánh mắt bà ta bất chợt buồn bã hơn, trông mắt tối hằn lại:

– Đâu có thu xếp được gì ạ! Ngày nào cháu cũng vậy, anh ta chịu đựng hết nổi, cuối cùng tức giận bỏ đi. Sau đó tôi phải nghỉ việc. Cũng may tháng trước đây, có gia đình người em gái từ Việt Nam qua. Cháu lại rất ngoan với dì cháu và thích chơi đùa với mấy đứa con của dì.

– Như vậy bà có thể đi làm trở lại?

– Vâng. Đầu tháng tới. Cháu, dì cháu đã bằng lòng coi giữ hộ.

– Và ông ấy lại trở về với bà được chứ?

Im lặng một lát. Chùng như người đàn bà do dự không biết có nên nói điều sắp nói với Nhị hay không. Sau cùng nói:

– Anh ta nói đi hử, đi thật xa và cũng không cho tôi biết đi đâu. Anh ta không phải là cha của cháu. Tính anh ta rất cương quyết.

– Điều đó tôi đã thấy rõ. Nhị nói.

Chùng như thấy mình đã lỡ thổ lộ tâm sự riêng tây thâm kín quá nhiều với một người đàn ông xa lạ mới gặp lần đầu trên một chuyến bus, người đàn bà lặng thinh không nói gì thêm nữa. Đứa nhỏ cũng vừa cựa mình. Nó đã thức giấc và mở mắt. Hai gò má hồng hào vì giấc ngủ, nó vươn vai ngáp và nhìn thấy người đàn ông lạ mặt ngồi cạnh đang mỉm cười với nó. Nụ cười thân thiện của Nhị,

như lần gặp trước, không có hiệu lực gì hết. Hoặc có, là một hiệu lực trái ngược hẳn. Đứa nhỏ lập tức ngồi vụt lên. Nó lúi nhanh vào người mẹ nó, vừa như tìm thấy ở điểm tựa một che chở vững chắc, vừa như giữ chặt lấy điểm tựa yêu dấu trước một đe dọa chiếm đoạt bất ngờ. Nhị cười.

– Nữa, nữa. Tôi không làm gì đâu cậu nhỏ?

Người đàn bà cau mặt, gắt yêu:

– Không được hỗn với ông, con.

Bus ngừng lại ở một trạm ngừng mở vào một khu chung cư bình dân, với những ngôi nhà tường mái xập xệ, những lối đi đầy ngập rác rưởi và những bầy trẻ nhỏ đen đui nhảy la hét trên những lối đi đó. Đã tới. Người đàn bà bồng con lên,

nói nhỏ với Nhị: “Tôi cũng thật khổ với cháu.” Đoạn, cúi đầu chào Nhị và xuống xe.

Nhị quay đầu nhìn theo người đàn bà lặng lẽ cúi đầu đi vào một con ngõ nhỏ. Chàng nghĩ lại lời vừa nói của bà ta. Tôi cũng thật khổ với cháu. Đứa con là hạnh phúc lớn nhất, đồng thời cũng là nỗi khổ tâm lớn nhất, bởi hạnh phúc này đã là nguyên nhân tan vỡ của hạnh phúc kia. Đời sống đầy những ngõ cụt, những đường cùng, những cảnh ngộ chỉ rối, những bài toán vỡ đầu không tìm ra đáp số, Nhị nghĩ thầm, buồn rầu. Vấn đề là có sự chung thủy đợi chờ nào ở cuối đáy con đường hầm thăm thẳm? Cho trời mưa rồi trời nắng. Cho đêm tối rồi sẽ có bình minh. Chiếc bus rẽ vụt vào một con đường khác. Con đường cứ mất tăm không còn dấu vết và chỉ trong một

khoảnh khắc. Sự chuyển hướng thành linh của chiếc bus như vừa đem lại cho Nhị câu trả lời: Và câu trả lời là không.

THƠM CỦA NHÀNH HƯƠNG

Chiếc Vespa băng qua một vòm
cổng tối thăm ngừng khựng
trước một bãi đất trống trên đó rải rác
nổi hình những ngôi mộ bất động giữa
những bụi cỏ hoang rũ rượi lá bay trước
trận mưa đêm tối trời tối đất.

Đứa cháu tắt máy, xuống xe. Tôi lặng
lẽ xuống theo. Màn mưa mỗi phút một

lớn hơn đập mạnh vào trán vào mắt làm nhòe nhạt cái nhìn; tôi không còn nhận định được gì ngoài khu nghĩa trang mờ mờ chạy dài và mất hút về phía những gò đồng ở xa xa. Và, cuối đáy con đường lầy lội, một mái chùa thấp thoáng sau những tàn cây um tùm. Cảnh tượng thê lương cô tịch. Như một cánh tách thoát biệt với đời. Chỉ có trận mưa kín trời trên một vùng đất chết.

Đứa cháu chỉ cho tôi một nắm đất sát cạnh bờ đường, màu đất mới đắp còn đỏ gạch.

– Mộ Cụ.

Rồi ý chừng muốn để cho tôi một mình với người vừa nằm xuống:

– Ta không nên ở đây lâu, rất dễ bị an ninh phát giác. Cháu đem xe vào chờ

cậu đằng sau gốc cây kia.

Quần áo tôi đã ướt đầm từ lúc ngồi sau xe chạy qua hết vùng Hạnh Thông Tây. Bây giờ, cùng với đêm xuống, toàn thân tôi chỉ còn là một khối thịt xương run rẩy buốt lạnh dưới trận mưa trùn kín. Tôi đứng lặng. Không biết phải làm gì. Lời dặn của đứa cháu, thật gần, mà như vọng tới thật xa, từ một thế giới khác. Đầu óc tôi tê liệt trống rỗng. Tôi nhìn trân trân cái mả mới đắp. Những vũng nước lênh láng đục ngầu quanh nó. Chỉ còn nghĩ nổi tuyệt vọng: tôi tới đây vĩnh biệt một người vừa chết, nhưng chính tôi cũng không còn đời sống, tôi cũng đã chết rồi, như người dưới gò đất kia.

Ba đêm trước, cũng giờ này, tôi còn nằm ẩn trên một chiếc ghe nhỏ giữa bạt

ngàn Rừng Sát. Nằm ẩn, đợi chờ đúng hai ngày hai đêm. Ngày, dưới cái nắng Rừng Sát chói chang, giữa sinh, được nồng nặc vây bọc làm cho ngột thở. Đêm, dưới cái lạnh khủng khiếp, với hàng triệu con muỗi Rừng Sát quanh mình. Ngày thứ ba, một chiếc ghe máy bật đèn hiệu tới đón. Chiếc ghe tắt hết đèn lửa, mở hết tốc lực đưa tôi tới cửa biển Vàm Láng, danh từ vượt tuyến gọi là bãi đáp, ở đây theo đúng giờ giấc đã ấn định cho hành trình, một chiếc tàu lớn sẽ đưa tôi lên đường ra ngoài Biển Đông. Nhưng tới phút cuối cùng trở lực đã thành linh hiển hiện. Đó là trận bão Kim đến từ Phi Luật Tân, trận bão quái ác đột ngột xoay chiều, ập vào hải phận Việt Nam. Thế là con tàu phải nằm ụ tại bến không thể nào rời bãi đáp được nữa. Và thế là trước chuyến đi phải đình hoãn vô hạn định vì biến động, lệnh của tổ chức vượt tuyến

từ đất liền là phải đưa ngay “ông nhà văn bị truy nã” trở lại Sài Gòn.

Được đưa trở về, được thả xuống đúng điểm khởi hành ba ngày trước là một bờ nước kín khuất dưới chân cầu Trình Minh Thế, tôi lủi thủi trở về chỗ nằm ẩn là gia đình đứa cháu ở đường Hồ Biểu Chánh. Tại đây, vừa mở cửa cho tôi vào vừa khóc, đứa cháu cho hay tin dữ: trong ngôi nhà trên khu cư xá Phú Nhuận của người, cha tôi đã từ trần, đúng ngày tôi lên đường ra Biển Đông.

Trận mưa đã bớt đi phần nào gấm thét. Nhưng màn mưa vẫn đều hạt. Đêm xuống hẳn, tối thắm. Nó trải dần thành một cõi tịch mịch mênh mông, khiến tôi có cảm tưởng đang đứng giữa một thế giới hải hùng đầy thù nghịch, với hàng ngàn cặp mắt kẻ thù rình rập ở chung

quanh. Tuy vậy tôi đã nhất định tới đây. Để vĩnh biệt cha tôi. Ít nhất cũng một lần vĩnh biệt.

Đội mưa tôi từ từ đi tới ngôi mộ mới. Cúi xuống, chú mục, tôi mới nhận ra là trên gò đất đỏ tươi còn có nhiều bó hoa. Ba ngày trước, hoa phúng điếu đã tới cùng với linh cữu và xe tang. Ba ngày sau, hoa chỉ còn là những xác hoa tươi tắn nhàu nát dưới trận mưa tàn bạo. Tôi lại lặng người đi một lát, mãi mãi mới định thần lại được. Lấy ở trong người ra một thẻ hương, trận mưa bất chợt ngớt hẳn, tôi thắp hương, cắm lên gò đất, đoạn lùi lại và quỳ xuống. Phút đó, quỳ trong bùn, hai tay buông xuôi theo chiều người, tôi nhớ tôi đã không nói một lời cầu khẩn nào. Chỉ cố gắng tập trung hết tinh thần để hình dung được trọn vẹn và trong một lần, đời sống thân thể, hình dáng

người sinh tôi ra đời, đang nằm dưới gò đất kia trước mặt tôi. Là đời, cha tôi đã 84 tuổi. Những năm tháng cuối cùng của đời ông, nhiều lần ông đã nói chuyện với tôi về tuổi già, về kiếp người, về cõi chết. Người ta chỉ cần sống cho phải, cho đúng cuộc đời mình, tuổi già chỉ là một kéo dài trong vô dụng và bệnh tật, cha sống với ngần ấy tuổi là đủ lắm rồi, cái chết là đương nhiên và bình thường thôi. Trong ngôi nhà ở cư xá Phú Nhuận của người, ở chỗ ngồi thường ngồi của người là một ghế bành kê dưới bàn thờ Phật, mỗi lần tôi về thăm, cha tôi đều tự tay pha trà cho tôi và đều nói với tôi như vậy. Tâm hồn ông mạnh mẽ, lời nói ông thành thật. Thời gian cuối đời, đi lần mãi vào vòng chân lý và bóng mát êm đềm của đạo Phật, cha tôi đã có được cho người một thần thái thoát tục, nên không ở gần người giây phút lâm chung, mà tôi biết

chắc chắn người đã lên đường trong một tâm trạng thư thái bình yên.

Biết vậy mà quỳ gối trong bùn nước, trước ngôi mộ mới đắp, trong cơn mưa bay và trong đêm tối, đứa con bị truy nã, phải vượt biển, gặp bão trở về, là tôi, chỉ nhìn thấy cái chết của cha tôi như một bi thảm tận cùng, một đau thương tột độ. Trước hết, cha tôi đã mất giữa cái thế giới khốn nạn ấy, cái thế giới kẻ thù. Giữa cái chế độ khốn nạn ấy, cái chế độ chuyên chính. Người đã mất, trong tình huống gia đình cùng quẫn, sau đại nạn 1975 Người đã mất, khi người em rể tôi vừa bỏ mình ở một trại tập trung Việt Bắc. Khi năm anh em tôi, hai đứa đã chạy ra khỏi nước, hai đứa bị bắt đi tập trung cải tạo, và tôi bị truy nã phải đi vào ẩn lánh, khiến năm thằng con trai không một thằng nào về chịu tang, chống gậy đi theo linh

cửu người tới nơi yên nghỉ cuối cùng. Đứa cháu thuật lại là ngày phát tang, chỉ có năm cây gậy dựng tại bàn thờ, năm cái khăn tang đặt trên mặt chiếu. Không có người. Không có người về. Cha tôi chắc biết vậy, Biết cái chết trơ trọi. Biết bấy con lâm nguy. Và dấu ung dung đón chờ cái chết thế nào, điều này chắc chắn đã làm người đau lòng vô cùng, trước khi nhắm mắt. Tôi cứ quỳ gối trong bùn như thế, gần như không thể nào đứng lên được nữa, khi hình dung ra những giờ phút cuối cùng thương tâm, tịch mịch của cha tôi.

Bỗng tôi bàng hoàng. Một tiếng gọi nhỏ, nhưng cực kỳ khẩn cấp ném tới chỗ tôi quỳ từ một gốc cây ở sau lưng:

– Cậu, có người tới. Đi ngay, cậu.

Tôi đứng lên.

Thằng cháu từ sau gốc cây dắt xe đi ra. Tôi đi tới nó. Nhưng không kịp nữa. Một ánh đèn bấm đã lóe lên. Ánh đèn làm nổi hình những hạt mưa bay và soi tỏ một bóng người từ cuối đáy con đường hiện ra và từ từ đi tới. Tôi đứng im, chưa biết xử trí thế nào. Ánh đèn vụt tắt rồi lại lóe sáng cùng với các bóng tới gần. Cái bóng đứng lại. Trên nền đêm mờ mờ, tôi nhận ra cái bóng là một nhà sư. Một sư bác, đứng tuổi. Thân thể khỏe mạnh trong tấm áo nâu dài tới đầu gối, nhà sư giơ tay phác một cử chỉ trấn an và nhìn tôi. Cái nhìn bình tĩnh, không thù nghịch. Tôi yên tâm hơn:

– Bạch thầy.

– A Di Đà Phật.

Nhà sư nhìn ngôi mộ cạnh bờ đường:

– Ông tới thăm mộ cụ Nguyễn?

Tôi gật. Và để che giấu tung tích đã bị truy nã, bắt buộc phải bịa đặt, phải nói dối. Tôi nói tôi xuống vùng kinh tế mới ở miền Tây. Về Sài Gòn mua dụng cụ canh tác. Được tin cụ Nguyễn là bác họ vừa mất, tôi tới mộ thắp hương, sớm mai lại phải trở xuống miền Tây.

Nhà sư đứng khoanh tay. Chờ cho tôi nói hết. Một lát. Rồi ông mới mỉm cười và từ từ lắc đầu:

– Ông không phải là cháu. Ông là con trai. Là người thứ ba trong năm người con trai cụ Nguyễn. Ông bị cộng sản truy nã từ hai năm nay. Chúng tôi tưởng ông vượt biển lâu rồi. Ông chưa đi được sao?

Tôi ngượng chín người. Và giận cho cái sự cải trang vụng về của mình. Thì ra nhà sư tinh mắt đã nhận ra. Nhưng không phải. Không phải vì hóa trang vụng về:

– Tôi chưa gặp ông lần nào. Ông Ba mới tới đây lần đầu. Phải vậy không?

Tôi bối rối:

– Thưa phải. Lần đầu. Vừa rồi, tôi phải nói dối...

Vị sư bác mỉm cười, gạt đi:

– Đang bị truy nã, đương nhiên ông phải nói vậy. Còn phải thay tên đổi họ, làm giả giấy tờ nữa. Tôi biết.

Nhà sư nhìn ra phía vòm cổng tối thăm:

– Ông Ba yên chí. An ninh phường tới hồi chiều rồi, đêm không tới nữa. Đám tang cụ, mọi chuyện cũng được chu đáo, tốt đẹp cả. Hôm hạ huyệt, sau lễ cầu siêu bà chị cả của các ông đã nói rõ cho tôi biết lý do tại sao năm anh em ông đều không có mặt. Chuyện ông bị truy nã, bà chị cũng nói rõ. Tôi đã nhận lời chăm sóc phần mộ cụ với bà, chỉ còn chờ gia đình tới xây mộ thôi.

Tôi cảm động:

– Đa tạ sư bác. Chị tôi đã nhờ. Năm anh em tôi xin có lời nhờ cậy sư bác và chùa ta một lần nữa. Để chúng tôi ở xa được yên lòng về cha tôi ở đây.

– Được. Cụ đã tới chùa nhiều lần. Phúc hậu, dịu dàng. Tôi rất trọng.

Nhà sư nhìn ngôi mộ, ôn tồn:

– Cụ yên nghĩ đời đời trên đất Phật rồi. Vấn đề chỉ còn có với người sống. Với các ông, những con trai cụ mà thôi. Ông đi chuyến này không được, còn tính đi lại nữa không?

– Nhóm tổ chức vượt biển nói phải chờ bão tan. Rồi họ sẽ thu xếp đưa tôi đi lần nữa.

Nhà sư gật đầu. Yên lặng một lát. Ông khoanh tay trước ngực nhìn lên bầu trời tối thẫm. Trận mưa chỉ còn lác đác, bay nghiêng qua khuôn mặt trầm lặng của ông. Thật xa, một tiếng xe, một tiếng chó sủa vọng tới.

– Họ vào, không một người nào, một nơi chốn nào còn được an ổn. Ngay ngôi chùa nhỏ này, thật biệt lập ở vùng ngoại ô này, chỉ còn tôi và một chú tiểu nhỏ mà

cũng bị dòm ngó, kiểm soát luôn luôn. Kiếp nạn, kiếp nạn cả. Ông Ba nên hiểu một cách bao dung và nhân từ như vậy. Cũng đừng nên oán hận kẻ thù, những kẻ đang truy nã, đang lòng bắt ông để làm gì. Mọi người đang ở trong vòng kiếp nạn hết.

Lòng đầy thù hận, tôi mím môi đứng im, chưa tiếp nhận nổi được vào tâm hồn mình bài học từ bi ấy. Nhà sư như đã hiểu. Ông cười:

– Tôi nói vậy rồi ông Ba sẽ hiểu. Mộ cụ bị mưa liên mấy ngày. Mai tôi sẽ cho tát nước, đắp đất lại. Tuần này, tuần tới, chùa còn tiếp tục cầu siêu cho cụ. Bây giờ ông đi đâu?

– Thưa tôi đã thắp hương lên mộ cha tôi. Giờ xin sư bác cho tôi từ biệt.

Nhà sư gật đầu:

– Tôi không mời ông Thảo vào chùa dùng với tôi một tách nước trà đầu. Ngộ nhờ có chuyện gì. Ông vẫn nên tìm cách ra đi. Tôi sẽ cầu nguyện đức Phật giúp cho chuyến vượt biển tới của ông được may mắn hơn lần trước.

Tôi nói cảm ơn. Và cúi đầu chào. Nhà sư cúi đầu đáp lại. Chiếc vespa băng qua vòm cổng tối thẫm. Tôi quay nhìn trở lại. Trên một nền trời mênh mông, vị sư bác vẫn đứng im ở chỗ cũ. Và ngọn đèn bấm trên tay ông còn soi sáng cho chúng tôi một khúc đường thật dài rồi mới tắt đi.

* * *

Mấy ngày sau trận bão Kim tan và ba tuần sau, tôi lại được tổ chức vượt biển đón từ chỗ nằm ẩn tới điểm khởi hành là cái bờ nước kín khuất nằm dưới chân cầu Trịnh Minh Thế. Lại hai ngày nằm chờ giữa ngút ngàn sinh lầy Rừng Sát. Lại một đêm nằm phục ở cửa biển Vàm Láng. Tương tự như lần đi trước. Khác là không còn một trận bão nào mang tên đàn bà từ Phi Luật Tân tới, cửa biển yên tĩnh, bầu trời trên cửa biển đầy sao, đại dương không thù nghịch nữa mà đại dương mở lối đưa đường. Và một tuần sau, chỉ mưa to gió lớn một chút ở vịnh Thái Lan rồi con tàu đánh cá trên đó có tôi yên lành vào được một cồn bãi Mã Lai Á.

Chuyến đó, tôi đi cùng vợ chồng nhạc sĩ Châu Hà Văn Phụng. Va chạm dữ dội lúc cập bờ, con tàu tan vỡ và

chìm xuống. Lội nước tới ngực, cuối cùng chúng tôi cũng bò được lên một gò đất hoang. Sống rồi. Ngồi trên một thân cây, tôi nhìn thấy Châu Hà, Văn Phụng, trên mặt cát cùng quỳ xuống. Mỗi người một cổ tràng hạt trên tay, họ cùng kính cẩn đọc kinh, cảm tạ Trời Phật đã đưa mọi người vượt biển bình yên tới được đất liền. Phút đó tôi không cầu nguyện. Cũng chẳng có trên tay một chuỗi tràng hạt nào. Nhìn đắm đắm ra biển, một mặt biển trên đó mặt trời đang từ từ lặn, rồi nhìn xa hơn, nhìn về đầu ngọn xa thẳm của chuyến đi, tôi chỉ thấy một vòm cổng tối, một trận mưa lớn, một khu đất trống, những ngôi mộ cao thấp và một mái chùa sau những tàn cây um tùm. Tôi đã tới đó. Một đêm trước khi lên đường. Thắp một nhang hương. Vĩnh biệt cha tôi. Tôi nghĩ tôi đã lên đường đúng là từ chỗ đó. Ở con đường lầy lội, bên cạnh vị

sư bác đứng dưới mưa bật đèn soi đường cho tôi đi. Ánh đèn đỏ đã soi sáng cho tôi đêm đó khúc đường ra khỏi nghĩa trang. Chừng như nó còn đang chiếu sáng cho tôi nhiều đoạn đường khác nữa.

ĐÁY NĂM

hải lạc đường tới hai ba lần nàng
mới thấy lại được cái công viên
khuất nẻo ấy ở phía tây bắc thành phố.
Trong lúc loay hoay kiếm lại một dáng
phố một hình nhà làm điểm dẫn cho trí
nhớ tìm ra chốn cũ, nàng bàng hoàng
khám phá thấy một hình thái lãng quên
cũng đã che phủ lên chính tâm hồn nàng.
Như một màn vải liệm. Như một tấm
khăn màu tím nhạt lớn rộng nghìn lần

hơn cái khăn lụa màu tím nàng đang đeo ở cổ nàng. Cái khăn chàng mua tặng, nhớ là về một lần sinh nhật, bấy giờ cuộc tình chưa ngả sang màu tím, còn ở một màu sáng ngời và rực rỡ hơn. Ta cũng vậy sao? Cũng một phai nhạt dần dần? Cũng một từ từ nguội lạnh? Vậy còn trách cứ gì đời? Hờn giận gì người? Nàng tự hỏi, thốn thức. Và muốn nhỏ lệ. Không phải. Sự rời đứt chỉ là một phản ứng cưỡng chống lại một giữ gìn đơn phương và thua thiệt muốn che giấu, không tự thú. Bởi trái tim đã vết thương, tấm lòng đang mùa đông, tháng ngày đang nắm mộ. Đúng là vậy. Là vậy mà thôi. Nếu không, tại sao tôi một mình tôi tìm lại chốn này?

Chiếc xe ngừng lại ở đầu lối vào công viên. Nàng tắt máy, thắt lại cái khăn tím ở cổ, lấy gói thuốc trong xách tay, bật diêm châm lửa hút, thở ra một hơi khói dài,

mở cửa xe bước xuống. Bấy nhiêu cử chỉ đều được làm một cách thật chậm chạp, thật tuần tự. Gần như một thận trọng. Nàng đã muốn lòng nàng phải êm ả. Như không. Nàng đã muốn ở trong nàng một lắng xuống, lắng xuống. Một phần là vì thế. Một phần vì nàng có thừa thời gian, thừa thời gian vô bờ của một người đàn bà sống một mình với một thành phố và không có với nó một ràng buộc một kỷ niệm nào, từ ngày một người đàn ông đã bỏ đi.

Trời lạnh ngọt. Trên đầu, mùa đông trải dài một trần mây xám ngắt. Và công viên, giữa một ban mai cuối năm im lặng cùng khắp không có một bóng người nào trừ nàng bước vào nó, điều thuốc trong tay với một tâm trạng khó tả, tưởng như đã tự bao năm, qua rất nhiều cuối năm,

qua rất nhiều mùa đông, lại tưởng như mới có lần đầu.

Cỏ, một tấm thảm mênh mông. Cỏ, dưới mỗi bước chân nàng. Nàng ngạc nhiên thấy mặt cỏ gặp lại, đang giữa giá lạnh vẫn xanh ngắt từng ngọn, cùng một màu xanh ấy, vẫn một màu xanh ấy, lần đầu chàng đưa nàng tới đây nhớ là đang mùa hè, nàng đi bên cạnh chàng, bờ vai và cánh tay để trần dưới nắng. Toàn thể công viên cũng vậy, như thành viên của một số nơi chốn nàng đã thấy trong đời, những nơi chốn ở ngoài mọi quy luật của đổi thay, bất biến trong một cảnh tượng bất động như một nền núi xa mãi mãi vẫn chỉ là một cái nền xanh lam muốn thuở. Máy dẩy bàn ghế chôn sâu trong cỏ. Máy cái lò nướng ở cạnh. Thùng đồ rác trên từng khoảng cách đều đặn. Căn lều gỗ hình lục lăng trên phần đất cao

nhất của công viên, một lần một bà giáo già người Mỹ lạnh lạnh huyết còi gọi một bảy trẻ nít Mỹ về tập hợp ở đó, chiếc bus sơn vàng đón lớp mẫu giáo trong giờ học ngoài trời đã chờ sẵn đúng chỗ nàng vừa đậu xe. Tất cả y nguyên như trước. Đơn giản, thanh bình và nghỉ ngơi khiến nàng có cảm tưởng như công viên nào cũng là một thế giới riêng biệt, kể cả một công viên ở giữa trung tâm thành phố, nó cũng riêng tây một hơi thở, một đời sống như sự riêng tây của người đàn bà thành phố ở nàng. Ta với người. Nàng muốn nghĩ một điều gì thêm, bằng dẫn ý của một lời hát cũ, vừa đắm đắm vừa sâu thẳm của một ca khúc tiền chiến nàng thường nghe thấy chàng hát nhỏ một mình mỗi buổi sáng trong phòng tắm khi nàng vừa thức dậy. Nhưng ý nghĩ không thành, công viên nín thinh với nền cỏ mênh mông đã không chịu

cùng nàng đối thoại. Cuối cùng là một sự thiếu vắng nào đó nàng cảm thấy rất rõ, rất gần mà không làm sao phân nhận được ra.

Rời khỏi căn lều gỗ hình lục lăng, nàng đi tiếp trên một mặt cỏ dần dần xuống thấp, nơi có những lùm cây um tùm kéo dài như một cuối đáy khuất nẻo nhất của công viên so với lối vào.

Tới sát những lùm cây, nàng đứng lại. Nhìn xuống một giải sâu trũng chạy dài ở dưới chân và dưới những bóng cành. Nhìn đắm đắm. Nhìn lặng người. Và thấy ra được sự thiếu vắng mà nàng cảm thấy. Đó là một âm thanh. Đó là một tiếng động.

Thì ra cái giải sâu trũng khuất tối dưới chân nàng là một dòng suối. Chảy vào

công viên từ phía ngoài những lùm cây, dòng suối chạy men theo những chân cây ở phía bên này, như một ranh giới thiên nhiên, tới hết công viên lại chạy trở ra và mất hút không còn nhìn thấy. Những lần tới công viên chàng và nàng thường ngừng lại rất lâu trên bờ suối này. Tựa vai nhau, nhìn xuống sự tuôn chảy thâm thâm, sáng láng. Ném những mẩu thuốc đỏ rục xuống nó. Nhìn theo sự tắt ngấm. Nằm gối đầu lên đùi nhau, nhìn trời, nghe tiếng nước róc rách uốn khúc vọng lên, trong đầu đầy tiếng đầy lời nháy nhót xôn xao của dòng suối nhỏ, lúc tươi trẻ hồn nhiên lúc gheo treu thân mật. Đôi khi nàng còn nắm lấy một khúc cành, đu hẵn mình ra, nghịch ngợm soi cái bóng nàng thấp thoáng trên dòng nước chảy.

Vậy mà chỉ một thời gian không tới, dòng suối nàng vừa gặp lại, dòng suối tự

bao giờ đã chết. Chết hẳn. Chết khô. Chết thật. Chết đúng như sự chết của người. Hoàn toàn. Tận cùng. Không còn gì. Cái khe sâu đã tịch mịch đời đời. Không còn một âm thanh. Không còn một tiếng động. Một sự cạn kiệt. Trọn vẹn. Nàng từ từ ngồi xuống. Nhìn không chớp mắt xuống dòng suối cạn, bàng hoàng thảng thốt trước một sự thể của tạo vật không hiểu sao có thể biến đổi hình tướng đến không còn một mảy may dấu tích gì như thế. Hình tướng. Sự biến đổi. Đúng vậy. Dòng suối đã không chỉ chết không thôi. Nó đã biến hình. Thành một nắm mộ. Cái khe sâu hút hiện hình trong trí nhớ nàng cũng không còn là một khe sâu nữa. Chỉ mấy mùa đông, có thể chỉ một mùa, hàng triệu triệu lá vàng từ cái rừng cảnh trên thân suối chết đã rụng xuống, phủ dày từng lớp, không tiếng và hết lớp này đến lớp khác khiến cái khe sâu đã

bị lấp đầy chỉ còn là một khoảng trống nông cạn đang bị lấp đầy thêm. Vì lúc này, trước mắt nàng, lá trên cành vẫn đang âm thầm rụng xuống.

Nàng nhìn chăm chăm. Rồi nhắm mắt lại, thôi không muốn nhìn xuống một lòng huyết nữa. Trong tối đen, nàng nghe thấy tiếng lá như tiếng đất ném rào rào xuống một mặt quan tài. Phủ dần. Lấp dần. Trong tối đen, nàng hình dung thấy những giờ phút cuối cùng của suối. Con suối hấp hối. Con suối lâm chung. Nó đã ca hát một đời. Đêm ngày. Như một bình minh vĩnh viễn. Nó đã tuôn chảy thao thao, này lời thủy tinh, này tiếng pha lê, không một phút một giây đứt đoạn. Như một thiện chí tuyệt vời. Ôi con suối! Ôi thiện chí nó. Cái thiện chí sống. Cái thiện chí ở. Ở suối với người. Ở người trong suối. Nhưng rồi một ngày ai đó đã bỏ đi.

Ai đó như lượng đời, như đất trời. Như tiếng hát trong phòng tắm không còn nghe thấy mỗi buổi sáng thức dậy. Như một chỗ gối đầu trên cỏ không còn để nhìn trời. Như những mẩu thuốc không còn ném xuống cùng một mặt suối.

Nàng đứng lên. Trên tay cầm một phiến lá nhặt lên từ mặt cỏ. Giữ lại hơi thở không cho trút thoát khỏi lồng ngực, hơi thở đứng ngừng như một điểm tận, một tử điểm, một vĩnh biệt với một sự thể nào đó ở trong nàng, nét mặt nghiêm trang mơ màng, nàng giơ cao phiến lá, buông rời hai ngón tay thả nó xuống với dòng suối chết đã chôn vùi dưới lá. Và rời khỏi công viên.

Chiếc xe lăn bánh đều đều đưa nàng đi không chủ định trên những con đường thành phố ẩm đạm dưới bầu trời mùa

đông. Không chủ định. Nàng chưa biết nên tới một quán rượu trên đồi nàng vẫn thường lui tới, trầm ngâm ở đó hàng giờ với một ly rượu nhìn xuống một toàn cảnh thành phố trải rộng dưới chân. Hoặc trở về phòng riêng. Làm ngay hành lý. Ra ngay phi trường. Tất cả đều không quan trọng. Chẳng còn gì quan trọng. Và trên một số ảnh hình đang rơi rụng dần dần từ trên một đầu cành mùa đông, mùa đông của tâm hồn nàng, hình ảnh một thành phố khác, rất xa, đã hiện ra.

New York. Khu Manhattan. Những tòa nhà chọc trời nửa thân trên chìm trong sương mù nghi ngút. Phi trường. Những suối người ào ạt. Rosalyn, người bạn gái Mỹ cùng sở cùng phòng tưới cười đứng đón với một bó hồng nhung tưới thắm trên tay. Ôm hôn. Trao hoa. “Mừng mày đã trở lại với New York.

Còn hồng là của ông chủ. Graham phải sang Paris họp sáng nay, ngày mới về, nhờ tao chuyển lời rất tiếc đã không ra được phi trường đón mày tới”. Nàng sánh vai Rosalyn ra bãi đậu xe. New York với một biển người, một rừng màu sắc, một rừng tiếng động, New York với nhịp quay đảo chóng mặt, đời sống thác lũ đã như một bàn tay khổng lồ lôi mạnh nàng vào vùng luân lưu vùn vụt của nó. Và giấc mộng thần tiên của tôi đã chết, nàng buồn bã nhủ thầm. Nàng thấy nàng sẽ hỏi Rosalyn: “Công việc sở thế nào?” Nàng thấy Rosalyn sẽ hớn hờ trả lời: “Tốt đẹp. Hoàn toàn tốt đẹp. Khiến Graham vui mừng lắm. Nhưng vui mừng hơn cả là từ lúc được biết mày trở về New York hôm nay. Như đứa trẻ con được kẹo vậy. Mấy tháng mày đi sang miền tây, hân buồn so, ngày nào cũng hỏi thăm tao tin tức của mày.” “Thật vậy sao?” Nàng sẽ

hỏi, lơ đãng. Và Rosalyn sẽ dậm chân la lớn: “Bộ mày không biết? Mày đã là bà nữ hoàng của ông chủ tao từ lâu rồi mà!” Nàng thấy nàng sẽ bật cười, khi Rosalyn nói đùa, trên chiếc xe sang trọng vùn vụt lao vào trung tâm Manhattan: “Chùng nào lên chúc bà chủ, đi xe Roll Royces, ở biệt thự 40 phòng trên đồi, năm năm đi du lịch vòng quanh thế giới thì đừng quên con bạn Rosalyn của mày nhé!”

Người đàn ông Mỹ, mạnh mẽ, đẹp trai như tài tử Robert Redford, giám đốc một ngân hàng lớn có tầm vóc quốc tế đang hồi phồn thịnh, và có văn phòng trung ương giữa con đường Wall Street danh tiếng, đã say đắm trước vẻ đẹp đông phương trầm lặng và đài các của nàng ngay từ khi nàng được tuyển dụng tới ngân hàng làm việc. Đã tìm đủ mọi cách làm đẹp lòng nàng. Và tuy chưa

chính thức hỏi, đã nhiều lần xa gần tỏ ý muốn lấy nàng làm vợ. Nàng biết rõ vậy. Và trước sự theo đuổi nhần nại và vô cùng lịch sự, đôi khi cũng thấy lòng mềm yếu. Nhưng nàng đã bỏ đi, không một phút nghĩ ngợi. Nàng đã ném hết tâm hồn và đời sống nàng vào cuộc tình mãnh liệt đến độ cả trái đất này như cũng vì nó mà phải đổi thay. Bây giờ giấc mộng thần thánh đã vỡ tan, cuộc phiêu lưu tuyệt vời đã chấm dứt, những giọt lệ đã lau khô nhưng vết thương còn âm thầm chảy máu và nàng đã trở về. Mọi chuyện sẽ lại như cũ. Như không có gì thay đổi hết.

Mỗi buổi sáng, nàng sẽ lại thấy nàng thức dậy giữa chăn đệm ấm áp, nghe thấy những tiếng động đầu ngày của New York từ những lòng đường sâu hút phía dưới vọng lên, những tiếng động

khởi đầu thừa thốt rồi chan hòa rồi ngập đầy thành một biển âm thanh vĩ đại. Rồi nàng trang điểm, vào thang máy, đi xuống với chiếc xe hơi lịch sự có tài xế lái đã chờ sẵn ở dưới đường, chiếc xe hơi của ngân hàng Graham đặc biệt dành riêng để đón đưa nàng mỗi buổi. Nàng sẽ lại thấy nàng ngồi làm việc sau một bàn giấy mênh mông trên tầng lầu thứ 47, Graham từ phòng giám đốc xuống tươi cười vào vấn an, mời nàng đi ăn lunch buổi trưa trong một tiệm ăn danh tiếng trên đại lộ 5, nàng đi với người chủ Hoa kỳ triệu phú, hắt mở cửa mời nàng vào, kéo ghế mời nàng ngồi, nói cho nàng biết những chuyện quan trọng của ngân hàng không một nhân viên nào được biết. Nàng sẽ lại thấy nàng buổi chiều, sau giờ làm việc sánh vai cùng Graham tới những hội quán tráng lệ dành riêng cho giới thượng lưu và tài phiệt Wall Street,

ở đó là những dãy xe Jaguar, Roll Royces đậu nối đuôi nhau, ở đó là những gã bồi bàn gốc Ý đại lợi mặc smoking, những bầy nữ chiêu đãi viên rực rỡ như những minh tinh Hollywood, những chai rượu giá tiền bằng cả một gia tài, những bữa ăn tối trước nến và hoa và âm nhạc do những đầu bếp lòng danh thế giới. Nàng sẽ lại thấy nàng đi cùng người chủ Mỹ sang Âu châu, xuống Nam Mỹ, những lần ngân hàng có đại diện khắp nơi về họp, đâu đâu cũng là những khách sạn năm sao, những tấm thảm Ba Tư dưới gót, những dàn đèn pha lê lấp lánh, và Graham hãnh diện giới thiệu nàng với mọi người và nàng được chào hỏi đón tiếp như một bà hoàng. Rồi nàng sẽ lại thấy nàng mỗi buổi trưa buổi tối cuối tuần ở New York đi với Graham, đôi khi có thêm cô bạn đồng nghiệp Rosalyn nữa, tới những triển lãm, những dạ hội,

những hí viện, những hòa tấu âm nhạc cổ điển, trên người rực rỡ những kim cương, những nữ trang là quà tặng đều đều của Graham. Tất cả rồi sẽ lại là như vậy, cái đời sống của New York ở trên cao, trên một cổ song loan. Sẽ lại là như vậy. Nàng buồn bã nhủ thầm và thấy trước nàng sẽ lại để cho cái dòng sống ấy cuốn đi, lạnh lùng đến độ dừng đứng, không vui buồn không tâm trạng.

Bởi vì một dòng sống đã chết ở một công viên kia. Và không còn gì quan trọng nữa.

Cuối cùng nàng quyết định rời khỏi cái thành phố yên tĩnh nàng đang ở càng sớm chừng nào càng hay chừng nấy. Nàng lái xe vào một cây xăng. Đậu xe ở một góc. Tắt máy. Ra khỏi xe, đi tới một máy điện thoại công cộng. Nàng cho ba

lần tiên vào máy, kêu ba cú điện thoại. Cú thứ nhất cho người chủ phố căn phòng nàng đang ở. Nói trả lại phòng từ buổi sáng ngày mai. Cú thứ hai cho một hãng máy bay. Nàng châm một điều thuốc, nghiêng đầu nghe đầu dây bên kia trả lời và nói nàng bằng lòng giữ chỗ ngồi trên chuyến bay cuối cùng cất cánh lúc 12 giờ đêm về New York. Cú điện thoại thứ ba cho cô bạn Rosalyn. Cũng vẫn tắt như hai lần gọi trước. Giờ này đêm nay tao tới phi trường. Cảm phiền ra đón tao. Mắc ống điện thoại vào máy, nàng ngó xuống mình và thấy chiếc khăn choàng màu tím nhạt vẫn thắt nhiều vòng quanh cổ. Chiếc khăn của một lần sinh nhật. Tôi chẳng còn cho tôi một sinh nhật nào. Dòng suối ở một công viên kia đã chết. Bằng một cử chỉ chậm chạp, nàng từ từ tháo chiếc khăn khỏi cổ. Cầm nó trên tay. Lặng nhìn. Nàng mắc chiếc khăn lên

máy điện thoại. Bỏ lại đó. Đoạn trở lại chỗ đậu xe. Và rời khỏi cuộc tình dưới bầu trời âm đạm của mùa đông.

MỘT BUỔI SÁNG MÙA ĐÔNG Ở MASSACHUSETTS

Cái thôn xóm khuất lánh ấy, giữa một vùng đồi núi xa lạ của tiểu bang Massachusetts, không có tên trong tấm bản đồ tôi mang theo đi đường. Khiến phải ba tiếng đồng hồ vất vả tìm kiếm tôi mới tìm thấy nó. Ba tiếng đồng hồ. Mặc dầu những chỉ dẫn khá tường tận của Hạnh trong thư, lá thư chỉ đường

tôi đã lấy ra, xem đi xem lại nhiều lần từ ngoài xa lộ. Cái địa chỉ của Hạnh nữa. Trong thư, nàng viết, lãng mạn: em ở một nơi chốn rất cách biệt với đời. Cách biệt. Lại ba tiếng đồng hồ nữa, tôi ngán ngẩm nghĩ thầm. Nhưng điểm này tôi may mắn hơn. Chỉ phải hỏi thăm tới người thứ hai. Một bà già Mỹ, gầy quắt, đang quét lá vàng trên lối đi, nheo mắt nhìn mẫu giấy ghi địa chỉ Hạnh tôi đưa ra, gật đầu nói biết:

– Mấy năm trước già đã sống cùng con gái già ở con đường này, bà lão nói. Ông bạn trẻ đi tiếp chừng bốn dặm nữa. Về hướng rừng kia. Sẽ gặp một trại nuôi ngựa và một con đường nhỏ. Rẽ trái. Đi theo bờ một dòng suối cạn.

Bà lão chỉ đường rất chính xác. Mười lăm phút sau, tôi đã ngừng xe lại ở lưng

chừng con dốc dẫn lên ngôi nhà của Hạnh và Cương, tên người chồng mới của Hạnh hiện giờ. Tôi tắt máy xe, kéo cao cổ áo. Và ngồi yên trước tay bánh, lấy thuốc lá châm lửa hút. Tôi hút liền mấy hơi thật dài cho lồng phổi ấm nóng trở lại, vì vừa cảm thấy toàn thân lạnh buốt trước sự đổi thay đột ngột của thời tiết quanh mình. Hai ngày trước, tôi lên máy bay từ phi trường Dallas. Dưới một mặt trời chói chang. Tới Hoa Thịnh Đốn, ở lại đó với một người bạn một ngày, rồi nhờ hân mướn cho một chiếc xe hơi, dùng đường bộ đi lên hướng bắc. Và bây giờ thì tôi đang ở giữa Massachusetts trong một thời tiết mùa đông. Bà lão già người Mỹ quét lá vàng rào rào trên lối đi. Dòng suối cạn. Trại ngựa. Bầy ngựa thở ra hơi khói trắng. Những cây cảnh trần trụi dọc con đường nhỏ dẫn vào nhà Hạnh. Thấy đều là những hình ảnh lạnh lùng

của mùa đông. Ngôi nhà đứng biệt lập của Hạnh trên ngọn đồi cao kia, im lặng và rèm buông kín mít, cũng vậy. Buổi chiều đang xuống nữa. Nhưng giải núi ở xa xa đã tím thẫm, cánh rừng chung quanh đang tối xuống dần dần.

Hút hết điều thuốc lá, thấy trong lòng đã êm ả lại, tôi mở cửa xe rảo bước đi lên.

Chừng như cặp vợ chồng đang chờ người xa tới. Chỉ một tiếng gõ nhẹ của vào đã mở toang ra trước một phòng khách đã có than hồng cháy rực rỡ trong lò sưởi. Kêu lên một tiếng mừng rỡ, Hạnh ôm lấy tôi thật chặt, thật lâu. Đoạn buông ra giới thiệu tôi là “người anh lớn” nàng đã nói chuyện với chồng nàng. Cương tươi cười bắt tay tôi, cái bắt tay mạnh mẽ, thân thiện và mời tôi ngồi

xuống ghế bành chỗ gần lò sưởi nhất. Một chai rượu mạnh đã để sẵn trên mặt bàn. Cương rót liền một ly đầy đưa cho tôi:

– Nhà em nói anh là một cây rượu thượng hạng. Anh tới là phải có rượu cho anh ngay. Anh uống đi cho ấm bụng. Đi đường chắc khá lạnh.

Tôi đón lấy ly rượu và nhìn cặp vợ chồng ngồi đối diện. Nhận xét thứ nhất ở tôi là bây giờ, trong một căn phòng khách ấm cúng của một ngôi nhà Massachusetts miền núi, so với hơn mười năm trước, trên cái nền phố xá Sài Gòn lòa nằng, ở Hạnh cũng không có một đổi thay lớn lao nào lắm, ngoại trừ sự đổi thay lớn lao là chính cuộc đời nàng. Trong chiếc áo len đan dài tay cài hết hàng khuy tới cổ và cái quần nhung màu tím nhạt, Hạnh

vẫn giữ được một thân hình có những đường nét vừa thanh thoát vừa tròn lẳn. Khuôn mặt trầm lặng, cái nhìn dịu dàng của nàng như xưa, như xưa. Như xưa, như xưa cái dáng ngồi thu gọn, mấy ngón tay đưa lên vuốt những sợi tóc lòa xòa trên trán. Cạnh Hạnh, Cương thật trẻ, quá trẻ, trẻ không ngờ được mặc dầu điều này Hạnh đã cho tôi biết trước trong thư. Đó là một thanh niên cường tráng, mái tóc cắt ngắn, có một đời sống cực kỳ lành mạnh ta thường nhìn thấy sáng sáng đi lên những ngọn đồi đại học, sau này trở thành một kỹ sư điện toán lỗi lạc như trong thư Hạnh cũng đã nói sơ qua về người chồng trẻ tuổi của nàng như thế, một kỹ sư tài năng và đang được trọng dụng nhất của một hãng điện tử lớn ở trong vùng.

Tôi chưa uống hết ly rượu đã thấy

Hạnh đứng lên. Nàng nói chừng một giờ nữa chúng tôi sẽ ăn cơm tối và xin phép vào bếp làm cơm. Đi được mấy bước nàng đứng lại và nhìn về hướng một cửa phòng đóng kín:

– Cháu Ly Cơ bị cảm từ sáng hôm nay phải nghỉ học. Em đã cho cháu ăn và đưa vào phòng ngủ. Sáng mai sẽ đưa cháu ra chào anh.

Cương đứng lên theo, đi lấy một ly nước lạnh và trở lại nói chuyện với tôi:

– Chúng em tới ở ngôi nhà trên đồi này đã là ngôi nhà thứ tư từ ngày tới Mỹ. Ngôi nhà đầu ở Albanie, New York. Cạnh một bờ hồ, rất đẹp, Hạnh và em cùng rất thích. Sau sở chuyển em về Virginia, phải bán đi. Mua căn thứ hai ở Falls Church, chưa tu bổ xong lại phải

bán gấp vì sở mở thêm chi nhánh mới ở Massachusetts và em lại phải về quản trị cơ sở mới. Năm ngoái chúng em ở gần sở làm nhưng khu vực ồn ào em và Hạnh đều không thích. Thành ra lại tìm mua căn trên đồi này. Hai đứa em rất tâm đầu ý hợp ở điểm đó, càng ở một nơi nào thật xa lánh, thật yên tĩnh giữa thiên nhiên càng thấy thích hợp với mình hơn.

Cương cười:

– Hai đứa em không có máu giang hồ lang thang mà sao cứ phải đổi chỗ ở hoài hoài à. Sở còn cho biết không chừng em phải sắp đi làm việc tận Singapore nữa. Ngày trước em ở trong quân đội khiến Hạnh thường nói đùa là lấy chồng nhà binh mệt quá, chồng đóng quân ở đâu vợ con phải lốc thốc đi theo. Em đi làm cả

ngày, để Hạnh một mình ở nhà. Có anh tới chơi, cô ấy mừng lắm đó.

Tôi gật:

– Tôi cũng rất mừng gặp lại Hạnh. Nhờ vậy, biết Cương nữa. Thấy hai em sống êm đềm hạnh phúc, càng mừng thêm cho Hạnh.

– Em phải đi làm cả ngày, đang giữa mùa đông, về tới nhà là trời tối mịt rồi nên không thể đưa anh đi chơi trong vùng được. Nhưng đã có Hạnh, để Hạnh đưa anh đi. Anh ở chơi với chúng em được bao nhiêu lâu?

Tôi chưa có một chủ định nào. Đành chỉ có một trả lời không rõ rệt:

– Để coi. Chắc cũng không được lâu.

Bữa cơm Hạnh đã dọn xong. Hai gò má còn đỏ hồng ánh lửa, Hạnh từ trong bếp đi ra và mời tôi sang phòng ăn. Tôi được mời ngồi ở đầu bàn, hai vợ chồng ngồi hai bên cạnh. Bữa ăn chắc đã được chuẩn bị kỹ lưỡng. Rất thịnh soạn. Và điều làm cho tôi vừa bất ngờ vừa cảm động là Hạnh đã làm toàn những món biết tôi đã từng yêu thích. Chai rượu chát Cương trịnh trọng khui ra và rót vào cái ly pha lê cho tôi nữa. Cũng đúng cái nhãn rượu Pháp, Hạnh nhớ tôi thường tìm mua ngày trước ở Sài Gòn. Đêm đã xuống hẳn. Một đêm mùa đông, một đêm cuối năm, một đêm Massachusetts đoán thấy mệnh mông lạnh buốt ở bên ngoài, với tiếng gió rì rào trên những lùm cây cao, tiếng động khô gòn của lá rụng trên những gờ mái. Tôi từ tốn uống rượu và để yên cho cặp vợ chồng thay phiên săn sóc, Cương luôn luôn rót rượu vào ly cho

tôi và Hạnh đều tay tiếp thức ăn cho tôi vào bát. Không có một hạnh phúc riêng tây nào cho mình điều này tôi đã biết chấp nhận với mình từ lâu không buồn phiền, không cay đắng — nhưng tôi rất thích được nhìn thấy những khuôn mặt hạnh phúc ở người. Như kẻ đi trong sa mạc nhìn thấy một suối nước trong vạt. Như kẻ đi qua một căn vườn, nhìn thấy ở bên trong hàng dậu những chùm hoa. Như ban nãy từ ngoài trời đêm rét lạnh bước vào, căn phòng khách của vợ chồng Hạnh đón tôi vào vùng lửa cháy ấm áp của cái lò sưởi đỏ rực. Hạnh phúc, không hái được nó. Nhưng thấy nó ở người. Đó cũng là hạnh phúc, như một cảnh tượng tuyệt vời dấu mình chỉ là một người ở xa xa đứng ngắm mà thôi. Điểm này, đến tử thật xa và trong một đêm đông Massachusetts tôi đã nhìn thấy ở Hạnh, nơi Hạnh và người chồng trẻ tuổi của

nàng, trong cái thế giới bé nhỏ và cách biệt với đời của họ, một hạnh phúc làm tôi bàng khuâng vì đã tưởng chẳng bao giờ còn đến với Hạnh được nữa. Mặc dầu là trong cái tâm trạng bàng khuâng còn có cả một tâm trạng ngậm ngùi. Gặp lại Hạnh sau mười năm bất vô âm tín, có nàng ngay ở trước mặt, ngay ở bên cạnh, cả một quãng đời tôi tưởng đã nhận chìm được vào quên lãng đột ngột sống lại trong trí nhớ.

Mạch sống lại ào ạt, mạnh mẽ như một đội đập choáng váng vào tâm trí khiến tôi bàng hoàng. Lại phải từ tốn uống từng ngụm rượu, từ tốn trò chuyện, vận dụng ý lực cho những thức động trong lòng lắng xuống.

Một lúc nào đó trong bữa ăn, Cương bảo vợ:

– Mai anh phải đi Washington D.C từ rất sớm. Dự một phiên họp quan trọng của hãng với ban quản trị trung ương. Em đưa Ly Cơ tới trường rồi đưa anh Bình đi chơi trong vùng. Đề nghị em mời anh Bình ăn trưa ở cái nhà hàng Ý trên núi thàng trước chúng mình đã tới.

Hạnh chớp mắt, đáp nhỏ:

– Vâng.

Cương cười, nói với tôi:

– Thàng trước là sinh nhật Hạnh. Địa điểm rất thơ mộng, đồi ăn biển Ý chính cống lại có đủ loại rượu ngon nữa, chắc anh sẽ thích.

Tôi gật và thấy có với chàng trẻ tuổi mới gặp lần đầu một quý mến thành thực. Hấn đã chẳng tạo cho mẹ con Hạnh một

mái nhà thật ấm áp đó sao? Điểm đáng yêu hơn nữa là trong suốt bữa ăn, nói lung tung hết chuyện này đến chuyện khác mà Cương không hề có những câu hỏi tò mò về cuộc sống tôi, về trường hợp nàng Hạnh và tôi đã quen biết nhau trong quá khứ. Cả cái lý do tôi lặn lội từ Dallas tới Massachusetts thăm Hạnh nữa, Cương cũng không hỏi. Coi việc tôi tới nhà là một chuyện rất tự nhiên và đã tiếp đón tôi như vậy, tự nhiên và thẳng thắn. Cương còn tỏ vẻ như biết ơn tôi nữa, vì đã tới thăm Hạnh ở chỗ rất khuất lánh của nàng, chắc quanh năm không có bạn bè nào lui tới.

Bữa ăn kéo dài tới gần mười một giờ đêm. Cương rót thêm cho tôi một ly rượu đầy nữa rồi xin lỗi phải đi ngủ trước vì sáng mai phải ra khỏi nhà từ rất sớm. Hạnh thu dọn bàn ăn. Năm phút

sau, từ trong bếp trở ra. Tôi tưởng Hạnh ngồi xuống. Nhưng không, nàng chỉ đứng trước mặt tôi, nhìn tôi bằng một cái nhìn sâu thẳm và nói dịu dàng:

– Em vào thu xếp quần áo đi đường cho Cương. Phòng ngủ anh kia, chăn đệm đã sẵn sàng. Anh cũng nên đi ngủ kéo mệ, vì mới từ xa tới. Sáng mai, trên đường đưa Ly Cơ tới trường, mời anh đi cùng, em sẽ nói chuyện nhiều với anh. Đoạn, đặt nhẹ bàn tay lên đầu tôi, đi về phòng riêng.

Tôi vào phòng, không bật đèn, lần bước trong bóng tối tới giường và đặt mình nằm xuống. Đêm khuya, gió lớn hơn, đập rào rào vào những gờ tường. Lá cũng rụng nhiều hơn, không ngừng trên mái. Tôi nằm băng khuâng một lúc khá lâu. Nghĩ đến lá thư nhận được của

Hạnh. Đến sự do dự của mình có nên đến thăm mẹ con Hạnh không và cái quyết định cuối cùng là tới. Rồi nghĩ lan man đến nhiều chuyện khác. Về một vùng trời đã xa. Của một thời gian đã mất. Vùng trời ấy đã mịt mù, tận bên kia trái đất. Thời gian ấy không còn, kể cả với tôi, với Hạnh, với tất cả mọi người. Những hình ảnh chập chờn. Những kỷ niệm bỗng bồng bềnh như từng hòn đảo nhỏ nổi trôi giữa một mặt biển mù sương. Tất cả không ra vui không ra buồn. Chỉ như một thoáng ngậm ngùi mong manh và mơ hồ nào đó. Rồi tiếng gió, tiếng lá rụng ngoài trời như một lời ru buồn và tôi ngủ thiếp đi.

Đó là một đứa con gái rất nghiêm trang và im lặng so với những đứa con gái đồng tuổi nó. Mái tóc đen ánh chia làm hai nhánh, mỗi nhánh cột chặt

bằng một sợi nơ đỏ, thân hình gầy guộc trong bộ đồ lạnh bó sát, cao ngang tầm mặt bàn, hai tay buông thẳng theo chiều người, nó theo Hạnh từ trong phòng ngủ từ từ đi ra. Và thoát thấy tôi là đứng khựng lại liền và cặp mắt mở lớn, nhìn tôi đăm đăm. Thật là một phút giây kỳ lạ. Tôi ngăn người ra, đứng lên và nghe thấy nhịp tim mình đập dồn trong lồng ngực. Đứa con gái kia là Ly Cơ, cái tên chính tôi đặt cho nó? Là cái hài nhi đỏ hỏn giữa đồng tử lót bể bộn ngày nào ở căn phòng nhỏ đường Huỳnh Quang Tiên, nơi tôi sống cùng với Hạnh? Là đứa con của tôi và Hạnh, đứa con mà nàng đã khóc lóc đòi giữ không chịu phá thai và cuối cùng tôi đã phải ưng theo?

Ly Cơ không chào cũng không biểu tỏ với tôi một cử chỉ thân thiện nào. Nó chỉ thấy mẹ nó dẫn nó tới trước mặt một

người đàn ông hoàn toàn xa lạ. Bên cạnh, Hạnh cũng không nói một lời nào. Chỉ nhìn tôi bằng một cái nhìn vừa nghiêm trang vừa buồn bã. Tôi từ từ đi tới. Và quỳ xuống để nhìn thấy đứa nhỏ rõ hơn. Ly Cơ không có những nét gì giống Hạnh ngoại trừ một vầng trán rộng và một cặp mắt thật buồn. Với tôi chừng như cũng không nữa. Mặc dầu Hạnh cất tiếng, khi tôi nắm lấy hai bàn tay nhỏ xíu của đứa nhỏ:

– Nó rất giống anh.

Tôi gượng cười:

– Thật vậy sao? Anh phải nói gì với con?

– Em không biết.

Tôi cố gắng thật ôn tồn:

– Mẹ nói hôm qua con đau, phải nghỉ học. Sáng nay đã hết đau chưa?

Mãi mãi rồi Ly Cơ mới chịu gật đầu.

– Vậy hôm nay lại đi học được, phải không? Tôi hỏi tiếp. Lại gật. Vậy thôi. Không nói.

Hạnh giải thích cho sự im lặng khác thường của đứa nhỏ:

– Mấy năm đầu, mặc dầu đã nói được và nói rất sôi, gần như cả ngày con không chịu nói một lời nào, khiến em rất lo không biết thần trí có bị gì không. Cương chờ đi khám bác sĩ, không thấy có triệu chứng bất bình thường gì hết. Rồi may quá, đi học thấy nói nhiều hơn, như một đứa trẻ thường. Nhưng cũng là rất ít, và thường thì em có hỏi gì mới trả lời, nên em phải tìm cách trò chuyện với

con luôn. Bây giờ em đưa con tới trường. Rất gần đây, đi bộ qua một sườn đồi là tới. Anh đi cùng nhé!

Chúng tôi ra khỏi nhà. Lá vàng rụng suốt đêm trước trải đầy lối đi và thả xuống nhiều lớp vàng ối trên lòng con suối cạn phía trước cửa nhà Hạnh có một cây cầu gỗ nhỏ bắc qua và cũng là lối tắt tới trường học Ly Cơ. Buổi sáng khô lạnh, bầu trời xám thấp, không có nắng. Chúng tôi đi trên một lối cỏ lượn vòng theo một sườn đồi óng ả, mặt cỏ được cắt xén rất mịn màng và còn ướt đầm sương đêm. Hạnh nắm tay Ly Cơ, cho nó đi ở phía cạnh nàng để tôi và nàng dễ dàng nói chuyện.

Im lặng trên một quãng đồi với Ly Cơ đi đứng rất nghiêm trang và nhìn thẳng về trước mặt, như không để ý gì tới Hạnh

và tôi. Rồi Hạnh nói, giọng hạ thấp, như vừa đủ cho mình tôi nghe thấy:

– Em rất mừng nhận được thư em, anh đã tới ngay dù ở quá xa. Biết được địa chỉ của anh, em viết thư ngay không nghĩ ngợi. Thư gửi rồi mới tự hỏi là làm như vậy có phải hay không. Đến phút này em vẫn không biết. Nhưng con chúng ta, phải để anh thấy lại nó ít nhất một lần, nếu anh muốn, em đã nghĩ vậy. Có lúc em nghĩ không chừng anh không tới. Vậy mà mấy ngày nay em vẫn đợi chờ anh.

Tôi dịu dàng:

– Em đã làm phải. Anh rất bằng lòng nhận được thư em.

Câu trả lời của tôi chừng như đã làm cho Hạnh sung sướng. Nàng ứa nước

mắt nhưng khuôn mặt bớt đi vẻ buồn bã chỉ còn nguyên vẹn vẻ nghiêm trang:

– Chuyện em bỗng con xuống tàu vượt biển trong khi anh còn bị kẹt lại ở miền Trung không biết sống chết thế nào, chuyện em gặp Cương ở đảo Guam, cùng với Cương đi theo người bảo lãnh của Cương về New York, chuyện hai năm sau em bằng lòng lấy Cương vì hai mẹ con bơ vơ không còn biết trông cậy vào ai, em còn bị đau nặng phải vào bệnh viện ngót một năm trời nữa nếu không có Cương tận tình săn sóc thì khó lòng qua khỏi được, em đã nói với anh ở trong thư. Không sao nói hết được những điều muốn nói. Nhưng cũng là anh đã biết rõ mọi chuyện.

Hạnh thở dài, nhìn xuống con đường đôi chúng tôi đang bước từng bước chậm:

– Sự xa cách ghê gớm thật. Đôi khi em còn nghĩ là nó ghê gớm hơn cả cái chết nữa. Vì chết là xong thôi. Không biết ở đâu. Không biết thế nào. Gặp lại anh rồi, nhưng cái trạng thái đau buồn suốt mấy năm trời liền ấy chắc còn ở trong em mãi mãi.

Hạnh đột ngột quay nhìn sang tôi:

– Bây giờ anh thấy em thế nào? Nghĩ về em như thế nào?

– Anh không nghĩ gì. Ngoài điều nhìn thấy là em vẫn rất dịu dàng xinh đẹp, có một gia đình êm ấm. Có hạnh phúc nữa.

Thấy Hạnh quay đi, nín thinh, tôi hỏi:

– Phải vậy không?

Im lặng một lát. Thật lâu. Một gia đình êm ấm thì có lẽ đúng. Cương đối xử với em, nhất là với Ly Cơ rất chu đáo, tốt đẹp, không bao giờ để em phải lo lắng điều gì. Nhưng hạnh phúc thì em chẳng hiểu thế nào. Em đã chẳng hiểu thế nào là hạnh phúc từ thật lâu rồi. Kể cả thời gian em sống với anh nữa, đâu cũng cho được thế là hạnh phúc. Anh nhớ không, ngày có thai con cho tới lúc sinh nó ra, em đã khóc không biết bao nhiêu là nước mắt. Bây giờ là em sống thôi. Nuôi con. Tới khi nó lớn lên. Vậy thôi.

– Anh thấy Cương tuy còn trẻ tuổi nhưng rất được.

– Cám ơn anh đã nghĩ được cho Cương như vậy. Điều em muốn nói lại để anh rõ là Cương rất thương Ly Cơ, và

không bao giờ có một thắc mắc nào về người cha của con. Đó là điểm em bằng lòng nhất. Không vậy, không bao giờ em nhận lời lấy đâu. Em đã suy tính trước rồi. Nếu Cương hỏi về người đàn ông trước của em là anh, em sẽ nói hết mọi sự thật, không che giấu. Kể cả tình cảm ở trong lòng em vẫn còn với anh nữa. Nhưng không một lần nào Cương hỏi. Thành ra em cũng không nói. Và thành ra tới giờ phút này, Cương vẫn chỉ nghĩ anh là một người bạn cũ em quý mến như một người anh lớn mà thôi. Như vậy có là phải không?

Tôi gật:

– Là nên. Thực tế là em đã có một gia đình mới và anh đã ở ngoài cuộc đời em rồi. Ngoài hẳn. Mọi tiết lộ về chuyện trước kia của chúng mình với Cương

đều chẳng để làm gì hết.

Đột nhiên, Hạnh cùng giữ Ly Cơ và tôi đứng lại. Chúng tôi đã đi vòng hết nửa quả đồi và ngôi trường của Ly Cơ hiện ra. Đó là một tòa nhà hai tầng bằng gạch, màu gạch cũ kỹ, đỏ thẫm. Nằm trên một mặt đất phẳng chạy dài tới chân một cảnh rừng thưa, ngôi trường có sân chơi ngăn cách với bên ngoài bằng một hàng rào gỗ thấp. Nhìn qua vòm cổng mở rộng, đã có một bầy trẻ Mỹ quần áo sắc sỡ chạy nhảy dưới một hàng hiên.

Hạnh đứng đối diện tôi, thật gần. Một tay nắm chặt lấy tay Ly Cơ, một tay đặt lên tay tôi, nhìn thẳng vào mắt tôi:

– Thôi, cứ để Cương chẳng biết gì chúng mình vậy. Lỡ rồi. Nhưng còn Ly Cơ?

– Em muốn nói gì? Tôi hỏi.

– Còn đứa con đây. Của anh. Của em. Còn anh là cha nó. Em chưa một lần nói cho con biết. Bây giờ anh có muốn cho con biết hay không?

Thật tình tôi chẳng biết trả lời Hạnh thế nào. Chẳng biết thế nào. Mười năm xa cách. Một đứt rời bản bật. Hạnh đã lấy chồng. Tôi đã ở rất xa, ở ngoài cuộc đời nàng. Ngoài hẳn. Tôi ngần người nhìn đứa con gái mười một tuổi của tôi, thật lâu, nhìn vẻ nghiêm trang xa lạ của nó trong một tâm trạng hoang mang vô lường và không biết trả lời người mẹ thế nào. Cuối cùng:

– Tùy em thôi, Hạnh. Tất cả là tùy ở em.

Hạnh vụt ngửa mặt lên với bầu trời mùa đông xám ngắt trên đầu nàng, miệng mím lại, cố gắng kìm giữ một xúc động muốn oà vỡ. Cùng với Hạnh, trong tôi cũng là một xúc động bất chợt. Suốt dọc đường từ Dallas tới Massachusetts, đêm qua dưới mái nhà nàng, ban nãy đi cùng nàng và Ly Cơ trên con đường đôi đầm sương, tôi cố sống với cái ý nghĩ là Hạnh đã ra khỏi cuộc đời tôi, quá khứ đã là một nắm mờ, và tôi phải để cho nàng được yên với hạnh phúc mới của nàng, mọi tỏ hiện tình cảm chỉ là một phá rối không còn được phép. Nhưng mọi chuyện đâu có dễ dàng như vậy. Và quá khứ đã đội mồ đứng lên. Cái tổ uyên ương ngày nào của chúng tôi ở đường Huỳnh Quang Tiên. Tiếng cười của Hạnh. Hương thơm của thịt da, của mái tóc nàng. Mỗi buổi sáng thức dậy có nàng nằm cạnh. Và cái bằng chứng cụ thể của chung sống một

thời là đứa con gái kia nữa. Tôi chỉ ôm lấy Hạnh, thật chặt trong tay, chắc nàng sẽ vùi đầu vào ngực tôi, và những gì xảy ra sau cái cử chỉ âu yếm sẽ không sao lường được. Cũng may, tôi đã kịp thời nhìn thấy Cương ở trong đầu. Cương với tiếng cười thẳng thắn, cái nhìn thành thực. Cương mà Hạnh sẽ sống cùng, mãi mãi.

– Hạnh. Tôi gọi nhỏ.

Hạnh lắc lắc mái tóc, thở ra một hơi dài. Phút mềm yếu đã qua, nhưng giọng nói nàng còn thồn thức:

– Em đã nghĩ là sống với Cương, dần dần cùng với thời gian em sẽ quên được anh. Em luôn luôn đổ dành mình là chuyện của anh và em chỉ có vậy thôi, nó đã chết như căn phòng ở Huỳnh Quang

Tiên cả anh và em đều không bao giờ còn trở lại. Cũng không muốn ăn gian trong tình cảm với Cường nữa, không, em không thích thế chút nào. Nhưng đứa con của chúng ta. Nó mới chính là lẽ sống của em, chứ không phải anh, cũng không phải Cường, hàng ngày nó ở cạnh, sáng sáng em đưa nó tới trường, làm sao em quên hẳn anh đi cho được.

Nàng cố gượng cười với cái ngấn lệ còn đọng nơi khoé mắt:

– Anh để tùy em phải không? Thế này vậy. Thế nào em cũng phải nói hết sự thật cho con biết. Nhưng không ngay bây giờ mà về sau, khi Ly Cơ đã tới tuổi trưởng thành. Khi đó con có thể không cùng ở với em nữa, có thể đi tìm anh. Bây giờ không nên. Để tránh cho cái đầu óc non dại của con một chấn động nguy

hiểm. Anh đồng ý vậy không?

Tôi gật đầu và đến trước Ly Cơ, dịu dàng đặt tay lên đầu nó:

– Bác đưa con tới cổng trường nhé!

Ly Cơ ngược đôi mắt nghiêm trang lên nhìn mẹ nó. Hạnh gật:

– Bác rất yêu con. Con để bác dẫn vào lớp học. Chiều mẹ lại tới đón con về.

Ly Cơ nghe theo. Để cho tôi nắm lấy tay nó. Tôi đi thông thả với Ly Cơ trên quãng đường ngắn xuống tới cửa trường, cảm thấy trong lòng có điều gì vừa như rất ngọt ngào vừa như rất đau đớn. Tới thêm cổng, tôi quỳ xuống, giữ chặt hai bờ vai mảnh dẻ của đứa con gái không biết bố nó là ai:

– Ly Cơ vào lớp ngoan nhé! Chiều mẹ tới đón.

Đoạn tôi hôn vào hai má nó. Ly Cơ nhìn tôi đắm đắm. Rồi chạy nhanh vào lớp học.

Câu chuyện bình thường hơn trên đường trở về. Hạnh hỏi và tôi kể sơ qua cho nàng hay về cuộc vượt biển muộn màng của tôi, về ba năm ở Mỹ, đời sống hiện giờ của tôi ở Dallas. Cũng cho Hạnh biết về tình cảnh một số bạn bè còn kẹt lại, ngày trước thường lui tới căn phòng Huỳnh Quang Tiên. Lại đi qua cây cầu gỗ bắc ngang dòng suối cạn, chúng tôi về tới nhà nàng. Đã có chủ định, mặc dầu trong tôi là một vật lộn ghê gớm với chính mình, tôi từ chối đề nghị của Hạnh đưa tôi đi thăm thú trong vùng. Và cũng ngừng lại ở thêm cửa không vào nhà nữa.

Khiến Hạnh thất sắc, ngạc nhiên:

– Gì thế anh?

Tôi nhìn nàng, dịu dàng:

– Không có gì cả. Em tốt đẹp vô cùng. Không bao giờ anh quên nếu em muốn biết điều đó. Trong anh vẫn nguyên vẹn nỗi mừng gặp lại Hạnh, thấy lại con. Vậy đủ rồi và anh cũng đã ở lại với vợ chồng em cả một đêm. Để cho anh đi thì chúng mình còn quý trọng nhau mãi mãi, chắc em cũng đã hiểu rõ là như thế. Nói với Cương anh xin lỗi có việc phải về ngay không ở lâu hơn được.

Tôi ôm lấy nàng rồi buông ngay ra:

– Em giữ gìn cẩn thận cho lúc nào anh cũng được yên tâm về em. Nuôi con cho anh.

– Anh còn trở lại đây thăm em và con nữa không?

Tôi gật:

– Anh sẽ trở lại.

Nhưng Hạnh đã biết tôi nói dối nàng. Nàng cúi đầu xuống và lặng lẽ khóc. Tôi đành để yên cho Hạnh khóc. Và lùi bước xuống thêm đi nhanh tới chỗ đậu xe. Vì biết chỉ dùng dằng lưu luyến thêm một phút nữa, không cần Hạnh giữ, chính tôi sẽ không thể nào còn có thể bỏ đi.

Hết dòng suối cạn, qua trại nuôi ngựa, đi thêm một quãng nữa trên con đường trở ra, tôi gặp lại bà lão chỉ đường. Bà lão không còn quét lá vàng như buổi chiều hôm qua. Mà trên hang hiên và lọt thỏm trong một cái ghế bành cũ, một chiếc khăn quàng đỏ chói vắt vai, đang

ngồi đan áo. Tôi ngừng xe, để nguyên cho máy nổ, đi tới trước hàng hiên:

– Cám ơn cụ đã chỉ đường cho thật đúng.

Bà lão có vẻ thích chí:

– Thấy ngay chứ?

– Dạ, thấy ngay.

– Con gái già nói mới đây có một cặp vợ chồng Á châu trẻ tuổi và một đứa con gái nhỏ tới ở một ngôi nhà thật đẹp cuối con đường. Phải vậy không?

– Thừa phải. Đó là gia đình tôi vừa tới thăm.

– Họ là thế nào với ông bạn trẻ?

– Em của tôi.

– Con gái già còn nói xem chừng đó là một cặp vợ chồng rất đáng hoàng, rất hạnh phúc.

– Thừa đúng vậy.

Tôi cúi chào bà cụ và ra xe trở về Washington D.C. Trời nắng đẹp trên suốt dọc đường tôi trở về.

